

Số: 1509 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày

07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 93/TB-VPCP ngày 10 tháng 03 năm 2025 về Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 141/TB-VPCP ngày 30 tháng 3 năm 2025 về hoàn thiện Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công điện số 49/CĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo đảm cung ứng điện trong thời gian cao điểm năm 2025 và thời gian tới;

Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ đảng uỷ Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục Điện lực tại Tờ trình số 21/TTr-ĐL ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Tờ trình số 23/TTr-ĐL ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh (gọi tắt là Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tổng giám đốc các Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Tổng giám đốc Tổng công ty Đông Bắc và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng;
- Các Vụ: Dầu khí và Than, Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp;
- Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi sang và Khuyến công;
- Các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Công nghiệp- Năng lượng quốc gia Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng công ty Đông Bắc;
- Công ty TNHH MTV vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia;
- Lưu VT, ĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Long

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh**
*(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-BCT
ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương)*

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 (Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII). Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án/dự án đáp ứng các mục tiêu đã đề ra của Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ, bảo đảm phát triển điện lực đi trước một bước.
- Xác định các giải pháp thu hút đầu tư phát triển điện lực theo Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII trong thời kỳ quy hoạch.
- Đề ra các nhiệm vụ cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan để thực hiện hiệu quả Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng của Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, cụ thể hóa được các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
- Xác định cụ thể tiến độ, nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực thực hiện các đề án/dự án xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật; tăng cường năng lực khoa học công nghệ, xây dựng trung tâm nghiên cứu cơ bản, trung tâm phát triển; đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành điện trong thời kỳ quy hoạch.
- Xác định cụ thể tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện theo Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII cho từng địa phương tới năm 2030 và giai đoạn 2031-2035; danh mục các dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công, dự án sử dụng nguồn vốn xã hội hóa.

- Đảm bảo tính tuân thủ, kế thừa, đồng bộ với các quy hoạch ngành/kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được duyệt, đảm bảo tính liên kết, thống nhất trong thực hiện.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH ĐIỆN VIII ĐIỀU CHỈNH

1. Danh mục các dự án nguồn điện quan trọng, ưu tiên đầu tư của ngành tới năm 2030 và giai đoạn 2031-2035

- Đến năm 2030, tổng công suất nhiệt điện LNG là 22.524 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 1 Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, tổng công suất nhiệt điện khí trong nước là 14.930 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 6 Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, tổng công suất nhiệt điện than là 31.055 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 3 Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, tổng công suất nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ là 1.404 MW. Đến năm 2035 tổng công suất nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ là 3.204 MW. Danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 5 Phụ lục II.1.

- Tổng công suất thủy điện là 33.294 - 34.667 MW. Danh mục dự án thủy điện vừa và lớn đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 7 Phụ lục II.1. Danh mục các thủy điện có công suất dưới 50 MW đầu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 8 Phụ lục II.1

- Tổng công suất thủy điện tích năng là 2.400 - 6.000 MW. Danh mục dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 9 Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện hạt nhân là 4.000 - 6.400 MW. Danh mục các dự án điện hạt nhân đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 10, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện gió trên bờ (điện gió trên đất liền và gần bờ) là 26.066 - 38.029 MW. Danh mục các dự án điện gió trên bờ đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 12 và Bảng 13, Phụ lục II.1.

- Năm 2030, tổng công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước là 6.000 MW. Đến năm 2035, tổng công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước đạt 17.032 MW. Công suất điện gió ngoài khơi theo vùng tại Bảng 17, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện mặt trời (gồm điện mặt trời tập trung và điện mặt trời mái nhà, không bao gồm các nguồn điện mặt trời theo khoản 5 Điều 10 Luật Điện lực số 61/2024/QH15) là 46.459 - 73.416 MW. Danh mục các dự án điện mặt trời cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 14, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện sinh khối là 1.523 - 2.699 MW. Danh mục các dự án điện sinh khối xây dựng mới tại Bảng 15, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện sản xuất từ rác, chất thải rắn là 1.441 - 2.137 MW. Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác xây dựng mới tại Bảng 16, Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, Tổng công suất pin lưu trữ dự kiến đạt khoảng 10.000 - 16.300 MW. Danh mục dự án đầu tư xây dựng mới tại Bảng 11 Phụ lục II.1. Phát triển điện mặt trời tập trung phải kết hợp với lắp đặt pin lưu trữ với tỷ lệ tối thiểu 10% công suất và tích trong 2 giờ.

2. Các loại hình nguồn điện khác tới năm 2035

- Dự kiến phát triển 2.000-3.000 MW các nguồn điện linh hoạt. Danh mục dự án đầu tư xây dựng mới tại Bảng 19 Phụ lục II.1.

- Đẩy mạnh nhập khẩu điện từ các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) có tiềm năng về thủy điện. Quan tâm đầu tư, khai thác các nguồn điện tại nước ngoài để cung ứng điện về Việt Nam. Năm 2030, nhập khẩu khoảng 9.360 - 12.100 MW từ Lào theo Hiệp định giữa hai Chính phủ và tận dụng khả năng nhập khẩu phù hợp với điều kiện đấu nối từ Trung Quốc với quy mô hợp lý. Nếu điều kiện thuận lợi, giá thành hợp lý, có thể tăng thêm quy mô tối đa hoặc đẩy sớm thời gian nhập khẩu điện từ Lào về khu vực miền Bắc.

- Đến năm 2030, tăng quy mô xuất khẩu điện sang Campuchia lên khoảng 400 MW. Dự kiến đến năm 2035, quy mô công suất xuất khẩu điện sang Singapore, Malaysia và các đối tác khác trong khu vực đạt khoảng 5.000 - 10.000 MW và duy trì với quy mô 10.000 MW đến năm 2050, có thể cao hơn tùy theo nhu cầu của bên nhập khẩu trên cơ sở có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và an ninh quốc phòng. Danh mục dự án tiềm năng xuất khẩu điện tại Bảng 19 Phụ lục II.1.

- Nguồn điện năng lượng tái tạo phục vụ xuất khẩu, sản xuất năng lượng mới như sau:

- + Những vị trí có tiềm năng xuất khẩu điện ra nước ngoài là khu vực miền Trung và miền Nam. Quy mô xuất khẩu từ 5.000 MW đến 10.000 MW. Bộ Công Thương báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương xuất khẩu điện và phương án lưới điện đấu nối đồng bộ đối với từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

- + Sử dụng năng lượng tái tạo để sản xuất các loại năng lượng mới (như hydro xanh, amoniac xanh) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu: Ưu tiên phát triển tại các khu vực có tiềm năng năng lượng tái tạo tốt, cơ sở hạ tầng lưới điện thuận lợi; quy mô phát triển phấn đấu đạt 15.000 MW (chủ yếu là nguồn điện gió ngoài khơi). Bộ Công Thương báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định với từng dự án cụ thể khi đã cơ bản đánh giá được tính khả thi về công nghệ

và giá thành. Công suất nguồn năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới không tính vào cơ cấu nguồn điện cung cấp cho phụ tải hệ thống điện quốc gia.

3. Danh mục các dự án lưới điện truyền tải và liên kết lưới điện khu vực

Danh mục các dự án lưới điện truyền tải quan trọng, ưu tiên đầu tư, lưới điện liên kết với các nước láng giềng nêu tại Phụ lục II.2.

Khối lượng “lưới điện dự phòng phát sinh các đường dây và trạm biến áp” có trong Phụ lục Phụ lục II.2 được phép sử dụng để:

(i) Triển khai các dự án lưới điện truyền tải xây dựng mới hoặc các công trình đầu tư bổ sung mới để nâng cao năng lực lưới điện truyền tải, khả năng điều khiển và vận hành hệ thống điện trong quá trình thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, nhưng chưa có danh mục cụ thể tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025.

(ii) Đấu nối đồng bộ các dự án nguồn điện nhập khẩu (từ Lào, Trung Quốc, Campuchia...) vào hệ thống điện Việt Nam.

(iii) Đấu nối đồng bộ hoặc điều chỉnh đấu nối các dự án nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió trên bờ và gần bờ, điện mặt trời, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác...) trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII với hệ thống điện quốc gia.

Bộ Công Thương xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương triển khai các dự án cụ thể.

4. Chương trình phát triển điện nông thôn, miền núi và hải đảo

(i) Cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo khoảng 911.400 hộ dân (trong đó, khoảng 160.000 hộ dân chưa có điện, 751.400 hộ dân cần cải tạo) của 14.676 thôn bản trên địa bàn 3.099 xã, trong đó, số xã khu vực biên giới và đặc biệt khó khăn là 1.075 xã (43 tỉnh) thuộc các tỉnh, thành phố Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk, Bạc Liêu, An Giang, Cần Thơ, Cao Bằng, Lai Châu, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Nghệ An, TP. Huế, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre, Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Cà Mau; khu vực còn lại là 2.024 xã;

(ii) Cấp điện 2.478 trạm bơm quy mô vừa và nhỏ (13 tỉnh) khu vực đồng bằng sông Cửu Long thuộc các tỉnh, thành phố Bến Tre, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Cà Mau, kết hợp cấp điện cho nhân dân;

(iii) Cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo cho các đảo còn lại: Đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị; Đảo Thổ Châu, An Sơn - Nam Du tỉnh Kiên Giang; Huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Danh mục các tỉnh/dự án thành phần trong Chương trình nêu tại Phụ lục IV.

5. Kế hoạch phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo

Nghiên cứu xây dựng 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng trong giai đoạn tới năm 2030 như sau:

- Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo tại Bắc Bộ.
- + Vị trí: Tại khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, ... Trong tương lai có thể xem xét mở rộng ra các khu vực lân cận.
- + Các nhà máy chế tạo thiết bị phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng biển, hậu cần phục vụ xây lắp, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng.
- + Các khu công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp.
- + Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.
- Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng Nam Trung Bộ - Nam Bộ.
- + Vị trí: Tại khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, ... Trong tương lai có thể xem xét mở rộng ra các khu vực lân cận.
- + Các nhà máy chế tạo thiết bị phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng biển, hậu cần phục vụ xây lắp, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng.
- + Các khu công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp.
- + Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

6. Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện

Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện tại các Bảng 1, 2, 3 Phụ lục I.

7. Nhu cầu sử dụng đất tới năm 2030

Nhu cầu đất cho phát triển cơ sở và kết cấu hạ tầng điện lực khoảng 89,9 - 93,36 nghìn ha trong giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với chỉ tiêu phân bổ đất đai trong Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội.

8. Nhu cầu vốn đầu tư tới năm 2030

- Giai đoạn 2025-2030:

+ Vốn đầu tư nguồn điện là: 2.876.397 nghìn tỷ VNĐ (118,2 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 666.779 nghìn tỷ VNĐ (27,4 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 2.209.618 nghìn tỷ VNĐ (90,8 tỷ USD).

+ Vốn đầu tư lưới truyền tải là 440.464 nghìn tỷ VNĐ (18,1 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 313.922 nghìn tỷ VNĐ (12,9 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 126.542 nghìn tỷ VNĐ (5,2 tỷ USD).

- Giai đoạn 2031-2035:

+ Vốn đầu tư nguồn điện là 2.776.624 nghìn tỷ VNĐ (114,1 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 644.878 nghìn tỷ VNĐ (26,5 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 2.131.746 nghìn tỷ VNĐ (87,6 tỷ USD).

+ Vốn đầu tư lưới truyền tải là 386.927 nghìn tỷ VNĐ (15,9 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 289.587 nghìn tỷ VNĐ (11,9 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 97.340 nghìn tỷ VNĐ (4,0 tỷ USD).

Ghi chú: Tỷ giá áp dụng: 24.355 VND/USD ngày 31/12/2024.

9. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

Các giải pháp thực hiện quy hoạch bao gồm 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo Phần VI, Điều 1 của Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài chính

- Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng các chính sách về giá điện theo cơ chế thị trường.

- Phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu, xây dựng và ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế tài chính, cơ chế giá điện, cơ chế khuyến khích để hỗ trợ thực hiện.

2. Các bộ, ngành

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để triển khai đúng tiến độ các dự án trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan cập nhật danh mục nguồn và lưới điện được xác định trong quy hoạch này vào quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính kỹ thuật, chuyên ngành như quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện để tổ chức không gian làm cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện.

- Rà soát, điều chỉnh cập nhật trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh theo các quy định của pháp luật về quy hoạch, điện lực (nếu có mâu thuẫn với quy hoạch này), trong đó xác định rõ phạm vi nguồn điện, lưới điện trong phương án cấp điện đã được quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực, đảm bảo phù hợp với nội dung, quy mô phân bổ

công suất tăng thêm cho các địa phương trong quy hoạch điện VIII và Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII.

- Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện theo thẩm quyền, bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

- Chỉ đạo, giám sát chủ đầu tư thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn và lưới điện trên địa bàn, bảo đảm đưa dự án vào vận hành đúng tiến độ theo quy hoạch.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh theo chức năng, thẩm quyền.

4. Cục Điện lực

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình triển khai các dự án nguồn, lưới điện để đề xuất giải pháp, bảo đảm tiến độ theo Điều chỉnh quy hoạch điện VIII được duyệt, xử lý theo thẩm quyền và quy định đối với các dự án chậm tiến độ.

- Tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

5. Vụ Dầu khí và Than

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình cấp nhiên liệu (than, khí) cho sản xuất điện; trường hợp có vấn đề phát sinh, ảnh hưởng đến việc cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương để xem xét, chỉ đạo.

- Giám sát, đôn đốc việc đảm bảo tiến độ các công trình hạ tầng tiếp nhận, cung cấp khí cho sản xuất điện (bao gồm cả LNG), dự án kho cảng LNG và ưu tiên đảm bảo nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện.

6. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

- Chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Tập đoàn Điện lực Việt Nam tăng cường công tác tuyên truyền tiết kiệm điện và lợi ích của việc thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện và các Chương trình Điều chỉnh phụ tải điện trong phạm vi cả nước.

- Chủ trì xây dựng trình Quốc hội thông qua Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi) để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc giảm cường độ sử dụng năng lượng của nền kinh tế, ban hành chế tài và các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc về sử dụng hiệu quả năng lượng, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng của nền kinh tế.

- Nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng điện hiệu quả đối với những lĩnh vực, ngành có mức tiêu thụ điện cao.

7. Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải theo nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá cân đối cung - cầu điện, tình trạng vận hành hệ thống điện toàn quốc và khu vực, báo cáo các cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện triệt để các giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.

- Chủ động phối hợp địa phương thực hiện cập nhật các dự án công trình điện được giao làm chủ đầu tư vào quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tập trung triển khai nhanh, quyết liệt các dự án nguồn và lưới điện được giao làm chủ đầu tư, đặc biệt là các dự án lưới điện phục vụ nhập khẩu điện từ Lào về Việt Nam và lưới điện giải toả công suất các nguồn điện, bảo đảm tiến độ theo quy hoạch được duyệt. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn trong giải phóng mặt bằng, đấu nối, đầu tư nguồn và lưới điện. Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm chính nếu các dự án trên chậm tiến độ, không đảm bảo an ninh cung cấp điện.

- Tích cực phối hợp với các địa phương, tập trung mọi nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ các dự án theo Thông báo số 93/TB-VPCP ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ và các dự án thuộc chương trình, công trình dự án quan trọng quốc gia trọng điểm ngành năng lượng ban hành kèm theo Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tiến độ được duyệt theo quy định; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về pháp lý trong triển khai dự án (nếu có).

- Chủ động, tích cực hơn nữa trong việc đầu mối phát triển các dự án điện gió, điện gió ngoài khơi, điện khí và các loại hình nguồn điện khác khi có điều kiện, cơ hội.

8. Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

- Tăng cường tìm kiếm, thăm dò và khai thác các nguồn khí trong nước để cung cấp cho phát điện, phù hợp với nhu cầu phụ tải điện. Triển khai nhanh, có hiệu quả các mỏ khí Lô B, Cá Voi Xanh, Kèn Bầu... theo tiến độ được duyệt.

- Thực hiện các giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng kho, cảng, kết nối hệ thống khí trong nước và khu vực phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên và LNG để đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện.

- Thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn điện được giao.

- Chủ động, tích cực hơn nữa trong việc đầu mối phát triển các dự án điện gió, điện gió ngoài khơi, điện khí và các loại hình nguồn điện khác khi có điều kiện, cơ hội.

9. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp than cho sản xuất điện phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng. Trước mắt nâng cao năng lực sản xuất than trong nước, kết hợp với nhập khẩu than để cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện.

- Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN/DỰ ÁN ƯU TIÊN VỀ HOÀN THIỆN
CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC
CỦA NGÀNH ĐIỆN

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT
ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương)

Bảng 1: Các Đề án/dự án xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2025-2030	2031-2035
1	Xây dựng Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi)	x	
2	Hoàn thiện cơ chế mua bán điện trực tiếp	x	
3	Xây dựng cơ chế về ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực	x	
4	Xây dựng cơ chế phát triển thị trường tín chỉ các-bon	x	

Bảng 2: Các Đề án/dự án tăng cường năng lực khoa học công nghệ, xây dựng trung tâm nghiên cứu cơ bản, trung tâm phát triển

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2025-2030	2031-2035
1	Trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới	x	x
2	Trung tâm nghiên cứu năng lượng và biến đổi khí hậu	x	x
3	Trung tâm nghiên cứu phát triển điện hạt nhân	x	x
4	Đề án hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng	x	x

Bảng 3: Các Đề án/dự án đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2025-2030	2031-2035
1	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ HVDC, các công nghệ lưới điện thông minh	x	x
2	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ hydro và các loại hình năng lượng mới	x	x
3	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ điện gió ngoài khơi	x	x
4	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ điện hạt nhân	x	x
5	Các chương trình trao đổi kinh nghiệm quốc tế về lập quy hoạch năng lượng, vận hành hệ thống điện	x	x
6	Nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và chuyển dịch năng lượng	x	x

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NGUỒN, LƯỚI ĐIỆN
QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA NGÀNH ĐIỆN

Phụ lục II.1
DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN
QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA NGÀNH

Bảng 1: Danh mục các nhà máy nhiệt điện LNG

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	LNG Quảng Ninh	1500	2028-2029	
2	LNG Thái Bình	1500	2028	
3	LNG Quảng Trạch II	1500	2028	
4	LNG Hải Lăng giai đoạn I	1500	2028-2029	
5	NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	1624	2025	
6	LNG Hiệp Phước giai đoạn I	1200	2028	
7	LNG Long An I	1500	2028-2029	
8	NMĐ BOT Sơn Mỹ I (*)	2250	2028	
9	NMĐ BOT Sơn Mỹ II (*)	2250	2028	
10	LNG Bạc Liêu (*)	3200	2025-2030	
11	LNG Nghi Sơn (*)	1500	2028	
12	LNG Cà Ná (*)	1500	2028	
13	LNG Quỳnh Lập (*)	1500	2028	
14	LNG Hải Phòng giai đoạn I	1600	2030	Theo cam kết của UBND TP Hải Phòng tại Văn bản số 583/UBND-UBND-XD2 ngày 26/3/2025
15	LNG Hiệp Phước giai đoạn II	1500	2025-2030	Theo cam kết của UBND TP Hồ Chí Minh tại Văn bản số 1945/UBND-KT ngày 27/3/2025
16	LNG Long Sơn (*)	1500	2031-2035	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề xuất, có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
17	LNG Long An II	1500	2031	
18	LNG Công Thanh (**)	1500	2031-2035	UBND tỉnh Thanh Hoá kiến nghị chuyển đổi nhiên liệu dự án NĐ than Công Thanh sang LNG. Văn bản số 5473/VPCP-CN ngày 31/7/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển đổi nhiên liệu từ than sang

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
				LNG đối với dự án nhiệt điện Công Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Có thể đẩy sớm lên giai đoạn 2026-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
19	LNG Hải Phòng giai đoạn II (**)	3200	2031-2035	Theo cam kết của UBND TP Hải Phòng tại Văn bản số 583/UBND-UBND-XD2 ngày 26/3/2025, có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
20	LNG Vũng Áng III (**)	1500	2031-2032	
21	LNG Quảng Trạch III (**)	1500	2031-2035	

Ghi chú:

- Công suất đặt của các nhà máy điện có thể dao động trong phạm vi $\pm 15\%$ và sẽ được chuẩn xác, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch, giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

(*): Các dự án cần có giải pháp để bảo đảm tiến độ vận hành theo quy hoạch được duyệt.

(**): Các dự án phát triển mới giai đoạn 2031-2035 phục vụ cấp điện khu vực miền Bắc.

Bảng 2: Danh mục các nhà máy nhiệt điện LNG dự phòng phát triển

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	LNG Quảng Ninh 2	1500	2031-2035	Các dự án dự phòng phát triển giai đoạn 2031-2035 và chỉ được triển khai khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận để bù đắp các nguồn điện khác trong khu vực chậm tiến độ hoặc phụ tải tăng đột biến
2	LNG Thái Bình giai đoạn 2	1500	2031-2035	
3	LNG Hoà Ninh giai đoạn I	1500	2031-2035	
4	LNG Thanh Hóa	1500	2031-2035	
5	Mở rộng Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1&2	1500	2031-2035	

Bảng 3: Danh mục các nhà máy nhiệt điện than đang xây dựng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	NMNĐ Na Dương II	110	2026	
2	NMNĐ An Khánh - Bắc Giang	650	2027	
3	NMNĐ Vũng Áng II	1330	2025	
4	NMNĐ Quảng Trạch I	1403	2025	
5	NMNĐ Long Phú I	1200	2026	

Bảng 4: Danh mục các nhà máy nhiệt điện than đang gặp khó khăn trong triển khai

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	NMNĐ Nam Định I	1200	2025-2030	
2	NMNĐ Quảng Trị	1320	2025-2030	Nhà đầu tư đã xin dừng dự án (theo Văn bản EGATi 277/2023)
3	NMNĐ Vĩnh Tân III	1980	2025-2030	
4	NMNĐ Sông Hậu II	2120	2025-2030	Bộ Công Thương đã chấm dứt Hợp đồng BOT của Dự án tại Văn bản 4579/BCT-ĐL ngày 01/7/2024

Bảng 5: Danh mục nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	NĐ đồng phát Hải Hà 1	300	2030	CĐT lập FS dự án thành phần 50 MW
2	NĐ đồng phát Đức Giang	100	2025-2030	UBND tỉnh Lào Cai có Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03 tháng 01 năm 2025 trong đó cho biết CĐT đã có văn bản đề nghị “bỏ” dự án.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
3	Formosa HT2	650	2029	
4	NĐ khí dư Hòa Phát II	300	2027	Đang xây dựng
5	Nhà máy nhiệt điện thuộc dự án: Nhà máy Bột - Giấy VNT19	54	2026-2027	Theo văn bản số 1432/UBND-KTN ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
6	NĐ đồng phát Hải Hà 2	600	2035	
7	NĐ đồng phát Hải Hà 3	600	2035	
8	NĐ đồng phát Hải Hà 4	600	2035	
9	Các dự án khác	Ưu tiên, khuyến khích phát triển loại hình này để sản xuất điện nhằm tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Tổng công suất loại hình này được phát triển không giới hạn phù hợp với nhu cầu sử dụng và tiềm năng của các cơ sở công nghiệp.		

Bảng 6: Danh mục các nhà máy nhiệt điện khí trong nước

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Nhiệt điện Ô Môn I (*)	660	2025-2030	Sử dụng khí Lô B
2	NMNĐ Ô Môn II	1050	2027-2028	
3	NMNĐ Ô Môn III	1050	2028-2030	
4	NMNĐ Ô Môn IV	1050	2028	
5	TBKHH Dung Quất I	750	2030	Sử dụng khí Cá Voi Xanh, đồng bộ với tiến độ phía thượng nguồn thuộc chuỗi dự án khí - điện Cá Voi Xanh.
6	TBKHH Dung Quất II	750	2030	
7	TBKHH Dung Quất III	750	2030	
8	TBKHH Miền Trung I	750	2025-2030	
9	TBKHH Miền Trung II	750	2025-2030	
10	TBKHH Quảng Trị	340	2025-2030	Sử dụng khí mỏ Báo Vàng, đồng bộ với tiến độ phía thượng nguồn.

Ghi chú:

- Công suất đặt của các nhà máy điện có thể dao động trong phạm vi $\pm 15\%$ và sẽ được chuẩn xác, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch, giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

(*) Nhà máy điện hiện có chuyển sang sử dụng khí Lô B.

Bảng 7: Danh mục các nguồn thủy điện lớn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
I	Công suất tăng thêm 2025 - 2030	2,958			
1	TĐ Long Tạo	44	2021-2024	Điện Biên	Đã vận hành
2	TĐ Sông Lô 6	60	2021-2024	Tuyên Quang, Hà Giang	Đã vận hành
3	TĐ Sông Lô 7	36	2021-2024	Tuyên Quang	Đã vận hành
4	TĐ Pắc Ma	160	2021-2024	Lai Châu	Đã vận hành
5	TĐ Suối Sập 2A	49.6	2021-2024	Sơn La	Đã vận hành
6	TĐ Đắc Mi 2	147	2021-2024	Quảng Nam	Đã vận hành
7	TĐ Sông Tranh 4	48	2021-2024	Quảng Nam	Đã vận hành
8	TĐ Thượng Kon Tum	220	2021-2024	Kon Tum	Đã vận hành
9	TĐ Phú Tân 2	93	2021-2024	Đồng Nai	Đã vận hành
10	TĐ Hòa Bình MR	480	2025	Hòa Bình	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
11	TĐ Yên Sơn	90	2025-2030	Tuyên Quang	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
12	TĐ Nậm Cúm 1,4,5	100.8	2025-2030	Lai Châu	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII; Nậm Cúm 5 đề nghị điều chỉnh từ 10 MW lên 15 MW.
13	TĐ Nậm Cúm 2,3,6	83	2025-2030	Lai Châu	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII; Nậm Cúm 6 đề nghị điều chỉnh từ 7 MW lên 10,5 MW
14	TĐ Hồi Xuân	102	2027	Thanh Hóa	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
15	TĐ Mỹ Lý	120	2029-2030	Nghệ An	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
16	TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)	51	2029-2030	Nghệ An	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
17	TĐ Ialy MR	360	2025-2030	Gia Lai	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
18	TĐ Đắc Mi 1	84	2025-2030	Kon Tum	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
19	TĐ Trị An MR	200	2027	Đồng Nai	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
20	TĐ Sông Lô 9	87	2025-2030	Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang đề xuất tại Văn bản số 15/SCT-QLNL ngày 03/01/2025.
21	TĐ Tuyên Quang MR	120	2025-2030	Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang đề xuất tại Văn bản số 15/SCT-QLNL ngày 03/01/2025.
22	TĐ Sê San 3 MR	130	2025-2030	Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai đề xuất tại Văn bản số 17/UBND-CN XD ngày 05/01/2025.
23	TĐ Sê San 4 MR	120	2025-2030	Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai đề xuất tại Văn bản số 17/UBND-CN XD ngày 05/01/2025.
24	TĐ Bản Chát MR	110	2025-2030	Lai Châu	
25	TĐ Đa Nhim MR (Giai đoạn 2)	80	2025-2030	Ninh Thuận	
26	TĐ Srêpôk 3 MR	110	2025-2028	Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk đề xuất tại Văn bản số 2285/UBND-CN XD ngày 11/3/2025.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
27	TĐ Buôn Kuốp MR	140	2025-2028	Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk đề xuất tại Văn bản số 2285/UBND-CNXD ngày 11/3/2025.
28	TĐ Việt Thành	55	2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
29	TĐ An Bình	65	2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
30	TĐ An Thịnh	70	2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
31	TĐ Bảo Hà	75	2025-2030	Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai đề xuất tại Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03/01/2025.
32	TĐ Thái Niên	75	2025-2030	Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai đề xuất tại Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03/01/2025.
33	TĐ Suối Hưng	50	2027	Hoà Bình	Văn bản số 338/UBND-KTN ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Hoà Bình.
II	Công suất tăng thêm 2031-2035	2,049	2031-2035		
1	TĐ Sơn La MR	800	2031-2035	Sơn La	
2	TĐ Lai Châu MR	400	2031-2035	Lai Châu	
3	TĐ Huội Quảng MR	260	2031-2035	Sơn La	
4	TĐ Sê San 3A MR	54	2031-2035	Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum đề xuất tại Văn bản số 11/BC-UBND ngày 13/01/2025.
5	TĐ Thuần Mỹ	250	2031-2035	TP. Hà Nội	TP. Hà Nội đề xuất tại Văn bản số 536/SCT-QLNL ngày 05/02/2025
6	TĐ Trung Sơn MR	130	2031-2035	Thanh Hóa	Văn bản số 2930/UBND-CNXXDKH ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá.
7	TĐ A Vương MR	105	2031-2035	Quảng Nam	UBND tỉnh Quảng Nam đề xuất tại Văn bản số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025
8	TĐ Đạ Kho	50	2031-2035	Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng đề xuất tại Văn bản số 23/SCT-QLCN ngày 04/1/2025.
9	TĐ Đăk R'lấp 1 (*)	53	2031-2035	Đăk Nông, Lâm Đồng	UBND tỉnh Đăk Nông đề xuất tại Văn bản số 1428/UBND-TH ngày 11/3/2025
10	TĐ Đăk R'lấp 2 (*)	68	2031-2035	Đăk Nông, Lâm Đồng	UBND tỉnh Đăk Nông đề xuất tại Văn bản số 1428/UBND-TH ngày 11/3/2025
11	TĐ Đăk R'lấp 3 (*)	82	2031-2035	Đăk Nông, Bình Phước	

Ghi chú:

(*) Các dự án tiềm năng đã được phê duyệt theo Quyết định số 500/QĐ-TTg, cần được xem xét, đánh giá kỹ các tác động về môi trường, đất đai và ảnh hưởng đến rừng của dự án.

**Bảng 8: Danh mục các thủy điện có công suất
dưới 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên**

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
I	Công suất tăng thêm 2025-2030	132,2			
1	TĐ Sê San 4A MR	29	2029	Gia Lai	Văn bản số 538/UBND-CN XD ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
2	TĐ Mường Lát	45	2030	Thanh Hóa	Văn bản số 2930/UBND-CN XD KH ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
3	TĐ Đồng Văn (nâng công suất)	29,8	2025-2026	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An đề xuất nâng công suất từ 28 MW lên 29,8 MW (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
4	Dự án sử dụng hiệu quả nguồn nước TĐ Sông Ba Hạ	18	2027-2028	Phú Yên	EVN đề xuất tại Văn bản số 862/EVN-KH ngày 11/02/2025 (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
5	TĐ Sông Bồ	26	2026	TP. Huế	TP. Huế đề xuất nâng công suất từ 23,6 MW (đã vận hành) lên 26 MW (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
6	TĐ Cẩm Sơn	36	2029-2030	Nghệ An	Văn bản số 1673/UBND-KTN ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
7	TĐ Thông Thụ	28	2029-2030	Nghệ An	Văn bản số 1673/UBND-KTN ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An (ĐZ 220 kV đấu chuyển tiếp vào ĐZ 220 kV Nậm Sum - Nông Công)
8	TĐ Thái An MR	41	2030	Hà Giang	Văn bản số 300/SCT-QLNL ngày 07/3/2025 của Sở Công Thương Hà Giang
9	TĐ Đa R'Sal	42	2025-2030	Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng đề xuất tại Văn bản số 2237/UBND-MT ngày 07/3/2025
10	TĐ Bản Ngà	24	2025-2030	Cao Bằng	Theo Quyết định số 262/QĐ-TTg. Cao Bằng đề xuất tại Văn bản số 629/UBND-CN ngày 07/3/2025. ĐZ 220 kV TĐ Bản Ngà - rẽ TĐ Nho Quế 3 - Cao Bằng
II	Công suất tăng thêm 2031-2035	60			
1	TĐ Sê San 5	30	2033	Gia Lai	Văn bản số 538/UBND-CN XD ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
2	TĐ Thủy điện Sông Ba Hạ MR	30	2032-2033	Phú Yên	Văn bản số 1408/UBND-ĐTKT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (đấu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)

Bảng 9: Danh mục các thủy điện tích năng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
1	TĐTN Bắc Ái	1200	2028-2029	Ninh Thuận	Đã có trong QHĐ VIII
2	TĐTN Phước Hòa	1200	2029-2030	Ninh Thuận	Đã có trong QHĐ VIII
3	TĐTN Đông Phú Yên	900	2025-2030	Son La	Đã có trong QHĐ VIII, điều chỉnh giai đoạn vận hành
4	TĐTN Đơn Dương #1	300	2025-2030	Lâm Đồng	Đã có trong QHĐ VIII, điều chỉnh giai đoạn vận hành
	TĐTN tăng thêm (*)	7.072	2025-2035		
1	TĐTN Sìn Hồ GĐ 1	300	2030	Lai Châu	Văn bản số 961/UBND-KTN ngày 07/3/2025
2	TĐTN Sìn Hồ GĐ 2	400	2032	Lai Châu	Văn bản số 961/UBND-KTN ngày 07/3/2025
3	TĐTN Điện Biên 3 GĐ 1	400	2025-2030	Điện Biên	Văn bản số 837/UBND-KT ngày 07/3/2025
4	TĐTN Điện Biên 3 GĐ 2	400	2031-2035	Điện Biên	Văn bản số 837/UBND-KT ngày 07/3/2025
5	TĐTN Đông Phú Yên	300	2031-2035	Son La	Văn bản số 937/UBND-KTN ngày 07/3/2025
6	TĐTN Cẩm Sơn 1	300	2030	Bắc Giang	Văn bản số 1213/UBND-KTTH ngày 08/3/2025
7	TĐTN Cẩm Sơn 2	300	2035	Bắc Giang	Văn bản số 1213/UBND-KTTH ngày 08/3/2025
8	TĐTN Sông Mực - Đồng Lớn	110	2030	Thanh Hoá	Văn bản số 2930/UBND-CNXDKH ngày 07/3/2025
9	TĐTN Yên Mỹ - Bồng Bồng	16,5	2030	Thanh Hoá	Văn bản số 2930/UBND-CNXDKH ngày 07/3/2025
10	TĐTN Kim Sơn - Thượng Sông Trí	530	2028	Hà Tĩnh	Văn bản số 1200/UBND-KT2 ngày 05/3/2025
11	TĐTN Kẻ Gỗ - Bộc Nguyên	174,5	2028	Hà Tĩnh	Văn bản số 1200/UBND-KT2 ngày 05/3/2025
12	TĐTN Cam Lộ	246	2025-2030	Quảng Trị	Văn bản số 854/UBND-KT ngày 07/3/2025
13	TĐTN Cam Lộ GĐ 2	1200	2031-2035	Quảng Trị	Văn bản số 854/UBND-KT ngày 07/3/2025
14	TĐTN Đà Nẵng GĐ 1	595	2031-2035	Đà Nẵng	Văn bản số 1316/UBND-SCT ngày 07/3/2025
15	TĐTN A Vương	300	2025-2030	Quảng Nam	Văn bản số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025
16	TĐTN Ba Tơ GĐ 1	300	2030	Quảng Ngãi	Văn bản số 1230/UBND-KTN ngày 07/3/2025
17	TĐTN Vĩnh Thạnh	600	2031-2032	Bình Định	Văn bản số 1799/UBND-KT ngày 07/3/2025
18	TĐTN Đơn Dương #2,3 (**)	600	2031-2035	Lâm Đồng	Văn bản số 2237/UBND-MT ngày 07/3/2025

Ghi chú:

(*) Các dự án được xác định trên cơ sở xét theo thứ tự ưu tiên đối với danh mục đề xuất của các địa phương. Có thể xem xét phát triển với quy mô lớn hơn tùy thuộc vào nhu cầu của hệ thống điện.

(**): Tổng quy mô dự án là 1.200 MW.

Bảng 10: Danh mục dự kiến các nguồn điện hạt nhân (MW)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1	2.000 - 3.200	2030-2035	Nhà nước đầu tư
2	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2	2.000 - 3.200	2030-2035	Nhà nước đầu tư

Bảng 11: Danh mục dự kiến các dự án pin lưu trữ (MW)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Dự án pin lưu trữ 50 MW	50	2025-2030	Dung lượng MWh sẽ được chuẩn xác trong quá trình triển khai
2	Dự án pin lưu trữ 7 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 50 MW	7	2026	
3	Dự án pin lưu trữ 105 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 400 MW	105	2025-2030	
4	Các dự án pin lưu trữ khác	138	2025-2030	
5	Lắp đặt hệ thống BESS tại NMĐMT Krông Pa	7	2026	Đầu nối trung áp
6	Lắp đặt hệ thống BESS tại NMĐMT Krông Pa 2	7	2028	
7	Dự án Hệ thống pin lưu trữ năng lượng BESS NMĐG Hải Anh	4	2025-2030	Đầu nối nội bộ nhà máy
8	Pin lưu trữ tăng thêm	Khoảng 20.287	2025-2035	Các dự án điện mặt trời tập trung phải lắp pin lưu trữ với công suất tối thiểu bằng 10% công suất đặt của dự án, tích trong 2 giờ; phần công suất pin tích năng còn lại được lắp đặt trên hệ thống điện phụ thuộc vào nhu cầu vận hành

Bảng 12: Danh mục dự kiến các dự án điện gió trên bờ và gần bờ đã được phê duyệt trong Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Điện Biên	300			
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	175	2026-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA NMĐG BCG Điện Biên 1 về trạm 220kV Điện Biên	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ	125	2026-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về trạm biến áp 500kV Lai Châu	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bắc Kạn	400			
1	Nhà máy điện gió Thiên Long Ngân Sơn	130	2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ trạm 220kV NMĐG Thiên Long - Ngân Sơn về thanh cái 220kV tại TBA 220kV Bắc Kạn	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Ngân Sơn	150	2029		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Thiên Long Chợ Mới	120	2028	ĐZ 220kV mạch kép từ trạm 220kV NMĐG Thiên Long - Chợ Mới chuyển tiếp trên ĐZ220kV Bắc Kạn - Thái Nguyên	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Yên Bái	200			
1	Nhà máy điện gió Nậm Búng	200	2028	ĐZ 220kV hai mạch đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bắc Giang	470			
1	Nhà máy điện gió Bắc Giang 1	55	2028	ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối về thanh cái 110kV mở rộng của TBA 110kV Bắc Lũng	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bắc Giang 2	55	2028	ĐZ 110 kV đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110 kV Sơn Động - TBA 220 kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cẩm Lý	55	2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về trạm biến áp 110kV Bắc Lũng	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Gió Tân Sơn	50	2030	ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối về TBA 110kV Lục Ngạn	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió SD Sơn Động	105	2027	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Yên Dũng	150	2029	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Lạng Sơn	1414			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Ái Quốc	100	2029	ĐZ 220 kV mạch kép đấu transit vào ĐZ 220 kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bình Gia	80	2027	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG Bình Gia đấu nối transit vào ĐZ 110kV Lạng Sơn - Bình Gia	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cao Lộc	55	2027	ĐZ 110kV mạch đơn đấu về TBA 110kV Cao Lộc	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Cao Lộc 3	69	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối TBA NMĐG Cao Lộc 3 vào TBA 220 kV Lạng Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Chi Lăng	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1	50	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn - Bắc Giang	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1.1	50	2028	Lắp thêm 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Cao Lộc 1 để đấu nối NMĐG Cao Lộc 1.1.	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Đình Lập	100	2029	Xây dựng TBA220kV và đường dây 220kV mạch đơn đấu nối về Thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Đình Lập 1	50	2028	ĐZ 110 kV mạch kép từ trạm biến áp 110 kV Đình Lập 1 đấu nối vào thanh cái 110kV của trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1	50	2028	Lắp thêm 01 máy biến áp 110kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 110kV NMĐG Đình Lập 1 để đấu nối NMĐG Đình Lập 1.1	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Đình Lập 4	90	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA NMĐG Đình Lập 4 vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Đình Lập 5	100	2027	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối TBA NMĐG Đình Lập 5 vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Văn Quan 1	50	2029	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110 kV TBA 220 kV Lạng Sơn - Bình Gia	QĐ 262/QĐ-TTg
14	Nhà máy điện gió Hữu Kiên	90	2029	ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐG Hữu Kiên đến đấu nối vào TBA 220kV NMĐG Chi Lăng	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
15	Nhà máy điện gió Lộc Bình	60	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
16	Nhà máy điện gió Lộc Bình - Pharbaco	50	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 220kV NMĐG Cao Lộc 1	QĐ 262/QĐ-TTg
17	Nhà máy điện gió Lộc Bình 1	50	2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
18	Nhà máy điện gió Lộc Bình 3	60	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
19	Nhà máy điện gió Thăng Long 3	50	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
20	Nhà máy điện gió Văn Lãng 1	80	2027	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 110kV TBA 220kV Lạng Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
21	Nhà máy điện gió Văn Quan	30	2027	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ trạm 110kV Lạng Sơn - trạm 110kV Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Ninh	370			
1	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến trạm 220kV Quảng Ninh 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 2	70	2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào trạm 110kV Vân Đồn 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 3	50	2027	ĐZ 110kV mạch đơn NMĐG Quảng Ninh 3 - TBA 220kV Hải Hà hoặc XDM ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến TBA 220kV Hải Hà hoặc XDM ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến TBA 220kV Cộng Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 4	50	2027	ĐZ 110kV mạch đơn NMĐG Quảng Ninh 4 - trạm 110kV Cô Tô	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 5	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đi TBA 220kV Móng Cái.	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Thái Bình	70			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Tiền Hải - Thái Bình	70	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Thái Nguyên	100			
1	Nhà máy điện gió BPC Võ Nhai	100	2028	ĐZ 110 kV đấu nối vào trạm 110kV Võ Nhai	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Sơn La	400			
1	Nhà máy điện gió Tà Xùa - Bắc Yên	72	2029	ĐZ 220 kV Nhà máy điện gió Tà Xùa - Bắc Yên - NMĐG Hồng Ngài - Bắc Yên	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Hồng Ngài - Bắc Yên	108	2029	ĐZ 220 kV NMĐG Hồng Ngài - Bắc Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Phù Yên	70	2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về trạm 220kV HATACO Bắc Yên	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Risen Phù Yên	80	2030	ĐZ 220 kV NMĐG Risen Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Thiên Vũ Bắc Yên	70	2030	ĐZ 220 kV NMĐG Thiên Vũ Bắc Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Thanh Hóa	300			
1	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn	100	2029	ĐZ 220kV NMĐG Bắc Phương - Nghi Sơn - rẽ 220kV Nông Cống - 220kV Nghi Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Mường Lát	200	2030	ĐZ 220kV NMĐG Mường Lát - 220kV TĐ Trung Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Nghệ An	70			
1	Nhà máy điện gió Nam Đàn - giai đoạn 1	70	2028-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đô Lương - Hưng Đông	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Hà Tĩnh	700			
1	Trang trại phong điện HBRE Hà Tĩnh	120	2026	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110kV Kỳ Anh - Vũng Áng	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 1	70	2027-2030	Đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NĐ Vũng Áng	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Kỳ Khang - giai đoạn 1	60	2028-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
4	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 2	100	2027-2030	Đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NĐ Vũng Áng hoặc 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NĐ Formosa	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Kỳ Anh ĐT2, ĐT3	99	2028-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên - giai đoạn 1 (phần trên đất liền)	84	2028-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Kỳ Nam	167	2029-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Đồng Hới	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Bình	520			
1	Nhà máy điện gió Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu (điện gió gần bờ)	80	2028	ĐZ 220kV mạch kép ĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đấu nối về TBA 220kV Lệ Thủy hoặc XD ĐZ 220kV mạch kép từ NMDG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đến TBA 220kV Quảng Bình 1	QĐ 1682/QĐ-TTg,
2	Nhà máy điện gió Thái Dương 1 (điện gió gần bờ)	80	2029	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Ba Đồn	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Cụm Nhà máy điện gió Hải Ninh (điện gió gần bờ)	80	2028	ĐZ220kV mạch kép đến TBA 220kV Đồng Hới hoặc ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy ĐG Hải Ninh đến TBA 220kV Quảng Bình 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Hal Com Hồng Đức (điện gió gần bờ)	80	2027	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đông Hà mạch 2 qua Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMDG Hồng Đức Halcom đi Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới Trạm cắt 220kV đấu nối tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đông Hà mạch 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ (điện gió gần bờ)	80	2027	Xây dựng TBA 35/500kV với tổng công suất 900MVA tại NMDG Phúc Lộc Thọ; Xây dựng ĐZ mạch đơn 500kV từ NMDG gió Phúc Lộc Thọ đấu nối về thanh cái 500kV NĐ Quảng Trạch	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Trang trại điện gió Quảng Bình 2	30	2029	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ba Đồn - NĐ Formosa	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Thanh Sơn (gồm Thanh Sơn 1 và Thanh Sơn 2)	30	2027	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đồng Hới - Ba Đồn - Formosa	QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3	30	2030	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy Lệ Thủy 3 đấu vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy	QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3, giai đoạn 3	30	2029	ĐZ mạch kép 220kV từ nhà máy Lệ Thủy 3 đấu vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Ngãi	48			
1	Nhà máy điện gió xung quanh Nhà máy Lọc hóa Dầu Bình Sơn	48	2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Trị	448			
1	Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 1	48	2025-2030	ĐZ 220kV đầu nối trạm biến áp 220kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1 có điểm đầu là TBA 220kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1 và điểm cuối là TBA 220kV NMĐG Hướng Tân thuộc địa bàn xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 2	48	2025-2030	Đường dây 220KV mạch đơn đầu nối đến TBA 35/220kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1. Đi chung đường dây 220 kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1 đến TBA 35/220KV Hướng Tân.	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 1	50	2025-2030	Đường dây 220kV mạch đơn đầu nối vào TBA 220kV Hướng Tân	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 2	50	2025-2030	Đường dây 22kV 04 mạch từ NMĐG TNC Quảng Trị 2 đầu nối vào TBA 22/220kV NMĐG Quảng Trị 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 1	48	2025-2030	XDM TBA 220kV Quảng Trị Win 1-2 đầu nối về TBA 220kV Hướng Tân, mở rộng 01 ngăn lộ 220kV TBA Hướng Tân	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 2	48	2025-2030	Đầu nối vào TBA 220kV Quảng Trị Win 1-2	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 3	48	2025-2030	Xây dựng TBA 220kV Quảng Trị Win 3 đầu nối vào TBA 220kV Tài Tâm, mở rộng 01 ngăn lộ 220kV TBA Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Hưng Bắc	30	2025-2030	Đầu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
9	Nhà máy điện gió TK Power	48	2025-2030	Đường dây 220kV mạch đơn từ trạm nâng áp 35/220kV NMĐG TK Power đấu nối về TBA 220kV NMĐG Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đức Thắng 2	42	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu về TBA 220kV Tài Tâm	
11	Nhà máy điện gió SCI Tân Thành	30	2025-2030	Đường dây 220kV, mạch đơn từ NMĐG SCI Tân Thành đến TBA 500kV Lao Bảo (Hướng Hóa). Xây dựng 1 ngăn lộ 220kV tại TBA 500kV Lao Bảo (Hướng Hóa) để đấu nối	QĐ 1682/QĐ-TTg
12	NMĐG Cam Lộ	200	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đông Hà - Lao Bảo	
	Tỉnh Kon Tum	154			
1	Nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật - Đăk Gle	50	2025		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Sạc Ly - Kon Tum	104	2027	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐZ 220kV Trạm cắt 220kV Bờ Y - TBA 500kV Pleiku 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Gia Lai	1011,3			
1	Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai	96	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Ia Le 1	52,8	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Chơ Long (Phần còn lại)	105,5	2025-2027		QĐ 1682/QĐ-TTg, tổng công suất 155 MW, đã vận hành 49,5 MW
4	Nhà máy điện gió Yang Trung	145	2025-2027		QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông	50	2028	ĐZ 220 kV Ia Boòng - Chư Prông - ĐG Nhơn Hoà 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Phú Mỹ	42	2027	ĐZ 220kV đấu nối về trạm 35/220kV Hoàng Ân	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hoàng Ân	42	2027	Đấu nối đường dây 220kV về TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
8	Nhà máy điện gió Xã Trang	100	2027	ĐZ 220kV đấu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Thăng Hưng	42	2029	ĐZ 220kV đấu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 3	42	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220 kV của TBA 500 kV Nhơn Hoà) để đấu nối NMĐG Nhơn Hòa 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 4	42	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220 kV của TBA 500 kV Nhơn Hoà) để đấu nối NMĐG Nhơn Hòa 4	QĐ 1682/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Ia Ko 1	42	2029	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ thanh cái trạm nâng áp 33/220kV NMĐG Ia Ko 1 đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 500kV Nhơn Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Ia Ko 2	42	2029	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đấu nối NMĐG Ia Ko 2.	QĐ 1682/QĐ-TTg
14	Nhà máy điện gió Ia Blứ 1	42	2028	ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV NMĐG Ia Blứ 1 chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Pleiku 2 - Chư Sê - Krông Buk	QĐ 1682/QĐ-TTg
15	Nhà máy điện gió Lơ Pang - Gia Lai	42	2029	ĐZ 220kV chuyển tiếp đường dây 220kV Pleiku 2 - An Khê và đường dây 220kV Pleiku - TĐ An Khê	QĐ 1682/QĐ-TTg
16	Nhà máy điện gió Chư Sê 1	42	2028	ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV NMĐG Chư Sê 1 vào thanh cái 220kV TBA 220kV Chư Sê	QĐ 1682/QĐ-TTg
17	Nhà máy điện gió Ia Le 2 (thuộc Cụm Nhà máy điện gió Ia Le)	42	2027	ĐZ 220kV chuyển tiếp ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Đắk Lắk	862			
1	Nhà máy điện gió Cư Né 1	50	2025	ĐZ 220 kV đấu nối ĐG Cư Né 1, Cư Né 2, Krông Buk 1, Krông Buk 2 qua TBA 220 kV ĐG Krông Buk vào ĐZ 220 kV Pleiku 2 - Krông Buk	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cư Né 2	50	2025		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Krông Búk 1	50	2025		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Krông Búk 2	50	2025		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Easin 1	100	2025-2028	ĐZ 220 kV NMĐG Easin 1 - trạm cắt 220 kV Cư Né mạch kép. Xây dựng trạm cắt 220 kV Cư Né và đường dây 220 kV bốn	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
				mạch Cù Né - Rẽ Pleiku 2 - Krong Buk (chuyển tiếp trên cả 02 mạch đường dây 220 kV Pleiku 2 - Krông Buk)	
6	Nhà máy điện gió Krongbuk 3	100	2025-2028	Mở rộng 01 ngăn MBA trạm biến áp nâng áp 35/220 kV NMĐG Ea Sin 1 kiểu ngoài trời với quy mô như sau: 01 ngăn MBA 35/220 kV - 125 MVA đấu nối NMĐG Krông Búk 3, nâng công suất trạm nâng áp NMĐG Easin 1 lên 2x125 MVA. Tận dụng hạ tầng đấu nối NMĐG Easin 1	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Thuận Phong Đăk Lăk	100	2025-2028	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - Nha Trang	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Tân Lập - Ea Hồ	50	2025-2028	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Krông Búk - Krông Năng.	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Cù Pong 1,2	80	2025-2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV từ trạm 500kV Krông Búk - trạm 220kV Krông Búk	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1; 1.2	80	2025-2028	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm biến áp 110kV NMĐG Krông Năng 1.1 đấu nối đến 110kV Krông Năng	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió NT 1; NT 2	75	2025-2028	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm biến áp 110kV NMĐG NT 1 đấu nối về thanh cái 110kV TBA 110kV Krông Păk	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Ea Sin	77	2025-2028	ĐZ 220kV ĐG Ea Sin - TBA 500kV Ea Nam	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Đắk Nông	510			
1	Nhà máy điện gió Tuy Đức	50	2026-2028	ĐZ 220kV đấu nối về thanh cái 220 TBA 220kV Đắk Nông	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Tuy Đức 10	60	2026-2028	ĐZ 220kV mạch kép NMĐG Tuy Đức 10 đấu nối về NLMR tại TBA 220kV Đắk Nông	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nam Bình 1	50	2025-2026	Đấu về thanh cái 220kV ĐG Đắk Hòa	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Đăk N'Drung 1	100	2025-2026	Đấu về thanh cái 220kV Trạm biến áp 500kV	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Đăk N'Drung 2	100	2025-2026	Đấu về thanh cái 35kV/220kV trạm biến áp Điện gió Đăk N'Drung 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Đăk N'Drung 3	100	2025-2026	Đấu về thanh cái 35kV/220kV trạm biến áp Điện gió Đăk N'Drung 1	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Asia Đắk Song 1	50	2026-2027	Chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Đắk Song-Đăk Mil	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Bình Định	143			
1	Nhà máy điện gió Vân Canh Bình Định	143	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV Vân Canh	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Phú Yên	414			
1	Trang trại phong điện HBRE An Thọ giai đoạn 1	200	2023-2025	ĐZ 220kV đấu nối vào TBA 220kV Tuy Hòa	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió xanh Sông Cầu giai đoạn 1	50	2023-2025	ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Sông Cầu 2	82	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió LRSH Sơn Hòa	82	2025-2030	Xây dựng trạm 220 kV NMĐG Sơn Hòa và đường dây 220 kV ACSR400 dài 24 km đấu nối vào thanh cái 220 kV trạm biến áp 220 kV Tuy Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Khánh Hòa	102			
1	Nhà máy điện gió Nexif Energy Khánh Hòa 1	102	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp vào 1 mạch ĐZ 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Ninh Thuận	337,5			
1	Nhà máy điện gió Phước Hữu	50	2023-2025		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam - Enfinity - Ninh Thuận	65	2023-2025	Đấu nối chuyển tiếp trên một mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió BIM mở rộng giai đoạn 2	50	2023-2025	Đấu nối về TBA 220kV NMĐG BIM (hiện hữu)	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Tri Hải	39,5	2025	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Một phần Công suất Nhà máy điện gió Hanbaram	93	2023-205		QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió V2	40	2026-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đến thanh cái 220kV TBA 500kV Thuận Nam	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Bình Thuận	497,9			
1	Dự án điện gió Hoà Thắng 1.2	100	2025-2026	Đầu nối vào đường dây 110 kV Lương Sơn - Hoà Thắng - Mũi Né	QĐ 262/QĐ-TTg , Tháo gỡ theo NQ 233/NQ-CP
2	NMĐG Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 2	29,7	2025 - 2026	Theo phương án đã được phê duyệt	
3	NMĐG Hòa Thắng 2.2	19,8	2025 - 2026	Theo phương án đã được phê duyệt	
4	NMĐG Hồng Phong 2	20	2027	Theo phương án đã được phê duyệt	
5	NMĐG Hàm Kiếm 2	15	2028	Theo phương án đã được phê duyệt	
6	ĐG Hòa Thắng 2.2 giai đoạn 2	30	2027	Theo phương án đã được phê duyệt	
7	Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 3	30	2028	XDM TBA 220 kV Phong điện 1 - Bình Thuận và ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	
8	Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 4	30	2029	XDM TBA 220 kV Phong điện 1 - Bình Thuận và ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	
9	Dự án điện gió khu vực huyện Tuy Phong	100	2030	Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV, sử dụng hệ thống truyền tải của các dự án điện gió	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Dự án điện gió khu vực huyện Bắc Bình	123.4	2029	Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV, sử dụng hệ thống truyền tải của các dự án điện gió	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Lâm Đồng	216,9			
1	Nhà máy điện gió Cầu Đất	68,9	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Đức Trọng	50	2029		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Xuân Trường 1	50	2030	Đầu nối NMĐG Xuân Trường 1 vào NMĐG Xuân Trường 2	QĐ 1682/QĐ-TTg, tính đề xuất điều chỉnh vị trí dự án
4	Nhà máy điện gió Xuân Trường 2	48	2030	ĐZ 110 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Đa Nhim - Đơn Dương. XDM TBA 110 kV ĐG Xuân Trường 2, công suất 63 MVA	QĐ 1682/QĐ-TTg, tính đề xuất điều chỉnh vị trí dự án
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	103			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Công Lý Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 1	103	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối vào TBA 110 kV Hồ Tràm	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bến Tre	605,8			
1	Nhà máy điện gió số 5 Bến Tre giai đoạn 2 (NMĐG Thanh Hải 2,3,4)	85,8	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Nexif Bến Tre giai đoạn 2, 3	50	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Thanh Phú	120	2025-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thanh Phú - 110kV trạm cắt Bình Thạnh - 110kV Bình Thạnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Bảo Thạnh	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió số 19 Bến Tre	50	2025-2030	Xây dựng TBA 220kV Bình Đại quy mô 2x250MVA + 2x63MVA (Giai đoạn 1: lắp đặt 01 máy biến áp 63MVA phục vụ đấu nối nhà máy điện gió số 19 và 01 máy biến áp 63MVA phục vụ đấu nối nhà máy điện gió số 20). Mở rộng ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Bến Tre. Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép Bình Đại - Bến Tre dài 50 km	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió số 20 Bến Tre	50	2025-2030	Đấu nối về máy biến áp 63MVA tại TBA 220kV Bình Đại (chia sẻ chi phí xây dựng trạm biến áp 220kV Bình Đại và chi phí mở rộng ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Bến Tre). Chia sẻ chi phí xây dựng ĐZ 220kV mạch kép Bình Đại - Bến Tre.	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hải Phong	200	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Bạc Liêu	817			
1	Nhà máy điện gió Nhật Bản - Bạc Liêu	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III	141	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Hòa Bình 3	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMĐG Hòa Bình 3 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMĐG Hòa Bình 2	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 2-1	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMĐG Hòa Bình 2-1 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMĐG Hòa Bình 2	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Hòa Bình 4	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMĐG Hòa Bình 4 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMĐG Hòa Bình 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6	40	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Hòa Bình 6 - NMĐG Kosy Bạc Liêu (giai đoạn 1) hoặc đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hòa Bình 8	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMĐG Hòa Bình 8 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Bình - Bạc Liêu.	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Hòa Bình 5.1	80	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối từ TBA NMĐG Hòa Bình 5.1 đến TBA 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối về TBA 220kV NMĐG Hòa Bình 5 (giai đoạn 1)	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3	50	2025-2030	Đấu nối về TC110kV trạm cắt Hòa Bình 2 thuộc NMĐG Đông Hải 1 (dùng chung ĐZ đấu nối 110kV từ Trạm cắt Hòa Bình 2 tới ĐZ 110kV Đông Hải - Hòa Bình) hoặc ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMĐG Đông Hải 1 - giai đoạn 3 tới trạm 220kV Giá Rai	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đông Hải 6	30	2025-2030	Đấu nối từ NMĐG Đông Hải 6 vào TBA 220kV Hòa Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Đông Hải 5	36	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình sử dụng chung đường dây đấu nối với nhà máy điện gió Đông Hải 6	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió An Phúc Đông Hải	40	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình sử dụng chung đường dây đấu nối với nhà máy điện gió Đông Hải 6	QĐ 262/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Đông Hải 13	100	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối từ NMĐG Đông Hải 13 vào TBA 220kV Giá Rai	QĐ 262/QĐ-TTg
14	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMĐG Đông Hải 3 - giai đoạn 1 vào 110kV TBA 110kV Đông Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Tiền Giang	200			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Tân Thành	100	2025-2030	Trạm 110kV Điện gió Tân Thành - Rẽ Điện gió Tân Phú Đông 2 - Gò Công Đông; trạm biến áp nâng áp 2x63MVA	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1	100	2023-2025		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Trà Vinh	632,5			
1	Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh (phần còn lại)	64,5	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg. Tổng công suất 77,3 MW, đã vận hành 12,8 MW
2	Nhà máy điện gió Đông Thành 1	80	2026	ĐZ 220 kV đấu nối ĐG Đông Thành 1 đến trạm 500kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Đông Thành 2	120	2026	Gom chung với ĐG Đông Thành 1	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Thăng Long	96	2026	ĐZ 220kV mạch đơn đấu vào TBA 220kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3)	48	2026	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-3 về TBA 220kV ĐG Đông Thành 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió V1-5 và V1-6 giai đoạn 2	80	2026	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối TBA 110kV ĐG V1-5 và V1-6 giai đoạn 2 chuyển tiếp trên ĐZ 110kV đấu nối ĐG Hiệp Thạnh - ĐG V1-3	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Duyên Hải 2	96	2027	ĐZ 220kV đấu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8)	48	2027	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-8 vào thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-7	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Sóc Trăng	1143,4			
1	Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2	123,6	2025-2027		QĐ 262/QĐ-TTg, (Tổng công suất 130 MW, đã vận hành 123,6MW; 6,4 MW còn lại vận hành 2025-2027)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
2	Nhà máy điện gió số 7 - giai đoạn 2	90	2027		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió số 11	100,8	2027		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Trần Đề	50	2028		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Sông Hậu	50	2028		QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1	50	2029		QĐ 262/QĐ-TTg
7	Cụm Nhà máy điện gió Phú Cường 1A và 1B	200	2029		QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Sóc Trăng 4	350	2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	129	2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối từ TBA 220kV dự án về thanh cái 220kV TBA 220kV Vĩnh Châu	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh An Giang	50	2025-2030		
1	Nhà máy điện gió JR An Giang	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Cà Mau	860			
1	Nhà máy điện gió Viên An	50	2023-2030	ĐZ 110kV mạch đơn TBA 110kV NMĐG Viên An - TBA 110kV Rạch Gốc	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cà Mau 1A	88	2025-2026		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cà Mau 1B	88	2025-2026		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1	100	2026	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 - TBA 110kV NMĐG Khai Long giai đoạn 2	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió An Đông 1	50	2026	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG An Đông 1 đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ NMĐG Viên An - TBA 110kV Rạch Gốc	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Khánh Bình Tây	50	2028	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Khánh Bình Tây - TBA 110kV Trần Văn Thời	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 2	100	2027	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Khai Long giai đoạn 2 - TBA 220kV Năm Căn	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Cà Mau 1C	88	2029-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Cà Mau 1D	86	2029-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 3	100	2027	Trạm biến áp 110kV NMĐG Khai Long giai đoạn 2, lắp thêm máy biến áp T3 và T4; sử dụng chung đường dây 110kV NMĐG Khai Long giai đoạn 2	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Viên An Đông	60	2029	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Viên An Đông - TBA 220kV NMĐG Viên An	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Hậu Giang	100			
1	Nhà máy điện gió Long Mỹ 1	100	2027		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Kiên Giang	137			
1	Nhà máy điện gió Hòn Đất 1	77	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Hòn Đất 1 - Rẽ Rạch Giá - Kiên Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Kiên Lương 1	60	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 13: Danh mục các dự án điện gió trên bờ, gần bờ được phân bổ thêm cho các địa phương theo từng giai đoạn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
I	Danh mục các dự án được phân bổ tăng thêm, đưa vào vận hành giai đoạn 2025-2030			
	Tỉnh Điện Biên	779		
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	175	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA NMDG BCG Điện Biên 2 về TBA 220kV Điện Biên
2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ 2	150	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về TBA 500kV Lai Châu
3	Nhà máy điện gió Mường Ảng	108	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối từ TBA 110kV ĐG Mường Ảng vào TC110kV của TBA 220kV Điện Biên
4	Nhà máy điện gió Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)	126	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ TBA 220kV Điện Biên đến TBA 500kV
5	NMDG Tà Dình	120	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA 220kV NMDG Tà Dình về TC 220kV TBA NMDG Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)
6	NMDG Mường Chà	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Tuần Giáo - TBA 500kV Lai Châu
7	NMDG Điện Biên Đông	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TBA Sông Mã 3 - TBA 110kV Điện Biên Đông
	Tỉnh Bắc Kạn	266		
1	Nhà máy điện gió Hương Nê	100	2028	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp ĐZ 110kV Bắc Kạn - Cao Bằng. XDM TBA 35/220kV NMDG Hương Nê quy mô công suất 1x125MVA
2	Nhà máy điện gió Thượng Quan	100	2028	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp đường dây 110kV Bắc Kạn - Cao Bằng. XDM TBA 35/220kV NMDG Thượng Quan quy mô công suất 1x125MVA
3	Nhà máy điện gió Yên Hạ	66	2029	XDM ĐZ 220kV mạch đơn từ trạm 220kV NMDG Yên Hạ về thanh cái 220kV tại TBA220kV NMDG Thiên Long - Chợ Mới; XDM TBA 35/220kV NMDG Yên Hạ quy mô công suất 1x75MVA
	Tỉnh Yên Bái	160		

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
1	Điện gió Trạm Tàu	60	2029	Đường dây 110 kV 1 mạch, đấu nối từ TBA 110kV NMĐG Trạm Tàu về ngăn lộ 110kV TBA 220kV Nghĩa Lộ.
2	Điện gió Trạm Tàu 1	100	2028	Đường dây 220 kV 1 mạch đấu nối từ TBA 220kV NMĐG Trạm Tàu 1 về TBA 220kV Nghĩa Lộ.
	Tỉnh Quảng Ninh	300		
1	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1- Giai đoạn 2	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Quảng Ninh 1
2	Nhà máy điện gió tại huyện Bình Liêu, huyện Tiên Yên	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Hải Hà. Hoặc Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Cộng Hòa
3	Nhà máy điện gió tại thành phố Móng Cái	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đi TBA 220kV Móng Cái
	Tỉnh Sơn La	503		
1	Điện gió Mai Sơn	128	2027	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ TBA 220kV Sơn La - TBA 500kV Sơn La
2	Điện gió Tây Phù Yên	100	2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Sơn La - Việt Trì
3	Điện gió Mường Sam	150	2030	ĐZ 220kV đấu nối vào TBA 220kV Sông Mã
4	Điện gió Bắc Yên 1	125	2030	Xây dựng đường dây 220kV mạch kép, đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Sơn La - Việt Trì
	Tỉnh Thanh Hóa	245		
1	Điện gió Thái Hải Hùng	30	2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối Dự án Điện gió Thái Hải Hùng vào TBA 220kV Sầm Sơn
2	Nhà máy điện gió Hoằng Hóa	115	2028	ĐZ 220kV từ TBA 220kV dự án đến TBA 220kV Hậu Lộc
3	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 1	50	2029	Đấu nối vào lưới 220kV/110kV hiện trạng
4	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 2	50	2029	Đấu nối vào lưới 220kV/110kV hiện trạng
	Tỉnh Nghệ An	200		
1	Nhà máy điện gió Nam Đàn giai đoạn 2	130	2030	Sử dụng chung hạ tầng ĐZ đấu nối 220kV Đô Lương - Hưng Đông (xây dựng trong giai đoạn 1 của dự án)
2	Điện gió Quỳnh Lập 2	70	2029-2030	ĐZ 110kV mạch đơn NMĐG Quỳnh Lập 2 kết nối đến Trạm biến áp 110kV Hoàng Mai
	Tỉnh Hà Tĩnh	1604,5		
1	Nhà máy điện gió Kỳ Anh ĐT1	49.5	2029-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối đến NMĐG ĐT2
2	Nhà máy điện gió Eco Wind Kỳ Anh	498	2028 - 2030	ĐZ 500 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 500kV Hà Tĩnh - Vũng Áng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
3	Nhà máy điện gió Kỳ Ninh - Hà Tĩnh	198	2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
4	Nhà máy điện gió Hồ Đá Cát	40	2027-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
5	Nhà máy điện gió Kỳ Khang - giai đoạn 2	60	2027-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối Nhà máy ĐG Kỳ Khang giai đoạn 1
6	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên - giai đoạn 2 (phần gần bờ)	84	2030	Chia sẻ đầu tư xây dựng với ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh
7	Nhà máy điện gió Kỳ Anh	400	2029-2030	ĐZ 500kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 500kV mạch 3
8	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 1	65	2028-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
9	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 2	50	2029-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
10	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 3	50	2029-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Nhà máy điện gió Kỳ Anh 1
11	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 4	60	2029-2030	ĐZ 220kV mạch kép, đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
12	Nhà máy điện gió Kỳ Anh DT3 mở rộng	50	2029-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối đến NMĐG DT3
	Tỉnh Quảng Bình	997,5		
1	Nhà máy điện gió Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu (điện gió gần bờ)	120	2028	ĐZ 220kV mạch kép ĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đấu nối về TBA 220kV Lệ Thủy hoặc XD ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đến TBA 220kV Quảng Bình 1
2	Nhà máy điện gió Thái Dương 1 (điện gió gần bờ)	120	2029	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Ba Đồn
3	Cụm Nhà máy điện gió Hải Ninh (Điện gió gần bờ)	118	2028	ĐZ220kV mạch kép đến TBA 220kV Đồng Hới hoặc ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy ĐG Hải Ninh đến TBA 220kV Quảng Bình 2
4	Nhà máy Điện gió HalCom Hồng Đức (Điện gió gần bờ)	120	2027	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2 qua Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Hồng Đức Halcom đi Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới Trạm cắt 220kV đấu nối tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2
5	Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ (Điện gió gần bờ)	120	2027	Xây dựng TBA 35/500kV với tổng công suất 900MVA tại NMĐG Phúc Lộc Thọ; Xây dựng ĐZ mạch đơn 500kV từ NMĐG gió Phúc Lộc Thọ đấu nối về thanh cái 500kV NĐ Quảng Trạch

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
6	Nhà máy điện gió Quảng Bình 1	70	2027	Đấu nối vào TBA Tuyên Hóa 110kV, mạch đơn
7	Trang trại điện gió Quảng Bình 2	70	2029	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ba Đồn - NĐ Formosa
8	Nhà máy điện gió Thanh Sơn (gồm Thanh Sơn 1 và Thanh Sơn 2)	60	2027	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đồng Hới - Ba Đồn - Formosa
9	Nhà máy điện gió Phú Định	69	2029	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm tăng áp 110kV NMĐG Phú Định về trạm 110kV Bắc Đồng Hới
10	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3	110.5	2030	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy Lệ Thủy 3 vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy. Hoặc xây dựng ĐZ, TBA 110 kV nhà máy điện gió đấu nối vào đường dây, TBA 110 kV khu vực huyện Lệ Thủy
11	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3, Giai đoạn 3 - tăng công suất	20	2029	ĐZ mạch kép 220kV từ nhà máy Lệ Thủy 3 vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy. Hoặc ĐZ, TBA 110 kV nhà máy điện gió đấu nối vào đường dây, TBA 110 kV khu vực huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh
	Tỉnh Quảng Trị	493,4		
1	SCI Tân Thành (phần còn lại)	12	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220 kV NMĐG SCI Tân Thành
2	Hưng Bắc (phần còn lại)	40	2025-2030	Đấu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Tài Tâm
3	Tân Hợp 1	50	2025-2030	Đấu nối vào TBA 110 kV NMĐG Tân Hợp
4	Phong Liều mở rộng	30	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hướng Tân
5	AMACCAO - Quảng Trị 2	48	2025-2030	ĐZ 220kV ĐG Amaccao Quảng Trị 2 - Ngăn lộ mở rộng NMĐG Amaccao Quảng Trị 1
6	Phúc Thành An Quảng Trị	48	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hướng Tân
7	My Anh Quảng Trị 1	40	2025-2030	Đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 220kV Lao Bảo
8	Nhà máy điện gió SCI Ba Tầng 1	30	2025-2030	Đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV SCI Tân Thành bằng ĐZ mạch đơn
9	Quảng Trị Win 5	48	2025-2030	XDM các ĐZ trung áp đấu nối về phía 35 kV của MBA 35/220 kV Quảng Trị Win 5-6 - 125 MVA
10	Quảng Trị Win 6	48	2025-2030	XDM TBA 220 kV Quảng Trị Win 5-6 - 125 MVA; XDM ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối TBA Quảng Trị Win 5-6 đến TBA 220 kV Lao Bảo (Hướng Hoá)
11	Phúc Thành An Vĩnh Phúc	30	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220 kV Hướng Tân
12	Đức Thắng 2 (phần còn lại)	20	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối về TBA 220 kV NMĐG Tài Tâm
13	TK Power (phần còn lại)	20	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối về TBA 220 kV NMĐG Tài Tâm

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
14	Cam Lộ 1	36	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Cam Lộ 1 - Đông Hà
15	Licogi 16 - Quảng Trị	30	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Licogi 16 - Quảng Trị - Lao Bảo
	Tỉnh Kon Tum	430,75		
1	Điện gió Chư Hreng (giai đoạn 1)	150	2027	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào ngăn lộ 220kV TBA 500kV Kon Rẫy
2	Điện gió Sạc Ly - Kon Tum (giai đoạn 2)	96	2028-2030	Đấu nối về TBA 220kV NMĐG Sạc Ly - Kon Tum. Lắp thêm 01 MBA công suất 1x125MVA tại trạm biến áp 220kV NMĐG Sạc Ly-Kon Tum
3	Điện gió Kon Plong	103.5	2025-2030	TBA nâng áp NMĐG Kon Plông 35/220kV, công suất 150MVA. Xây dựng trạm cắt 220kV Kon Plông để gom công suất NMĐG Kon Plông và đấu nối vào hệ thống điện quốc gia. XDM ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 35/220kV NMĐG Kon Plông đấu về thanh cái 220kV trạm cắt Kon Plông. Xây dựng ĐZ 220kV bốn mạch từ trạm cắt 220kV Kon Plông đấu chuyển tiếp trên hai mạch đường dây 220kV thủy điện Thượng Kon Tum - 220kV Quảng Ngãi
4	Điện gió Đăk Tờ Re	81.25	2027	Đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 110kV Kon Tum - Kon Plông bằng đường dây 110kV; phương án dự phòng: đấu nối về TBA 500kV Kon Rẫy
	Tỉnh Gia Lai	849		
1	NMĐG Chư Sê - Envision	40	2028	Đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Chư Sê - Krong Buk (mạch 2)
2	NMĐG Ia Blứ 1 (GĐ2)	42	2028	Đấu nối NMĐG Ia Blứ 1 (GĐ 2) về TBA 220kV NMĐG Ia Blứ 1
3	NMĐG Chư Puh 1.1	45	2030	XDM TBA nâng 220 kV NMĐG Chư Puh 1.1, công suất 125 MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Chư Puh 1.1 đấu nối đến TBA 220kV nâng áp Ia Boòng - Chư Prông. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG Chư Puh 1.1
4	NMĐG Chư Puh 1.2	45	2030	XDM các ĐZ trung thế đấu nối về phía trung áp của TBA nâng 220 kV NMĐG Chư Puh 1.1
5	NMĐG TNE 1	45	2030	XDM TBA nâng 220 kV NMĐG TNE 1, công suất 63 MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG TNE 1 đấu nối đến TBA 220kV Chư Puh 1.1. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 1
6	NMĐG TNE 2	45	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 2. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 2

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
7	NMĐG TNE 3	45	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 3. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 3
8	NMĐG Xã Trang (GĐ2)	100	2027	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
9	NMĐG Bờ Ngoong	100	2028	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
10	NMĐG Thăng Hưng (GĐ 2)	38	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
11	NMĐG Phú Mỹ (GĐ 2)	38	2027	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Phú Mỹ đến TBA 220kV NMĐG Hoàng Ân và đi chung về TBA 500kV Pleiku 3
12	NMĐG An Thành Gia Lai	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220 kV NMĐG An Thành Gia Lai sử dụng cột 4 mạch đấu nối transit vào 02 ĐZ 220kV Pleiku - ĐSK An Khê và Pleiku 2 - An Khê
13	NMĐG Ia Dreng 1 - Chư Pưh	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng 35/220kV NMĐG Ia Dreng 1 - Chư Pưh vào thanh cái 220kV trạm 220kV Chư Sê
14	NMĐG Ia Hla	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn về TBA 500kV Nhơn Hoà
15	NMĐG Ia Blứ 1 - Chư Pưh	40	2030	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa, (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
16	NMĐG Ia Blứ 2 - Chư Pưh	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
17	NMĐG Hoàng Ân (GĐ2)	28	2027	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Hoàng Ân đến TBA 500kV Pleiku 3
18	NMĐG Chư Sê 1 (GĐ2)	38	2028	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Chư Sê 1 vào TBA 220kV Chư Sê
	Tỉnh Đắk Lắk	985		
1	Nhà máy điện gió Krông Ana 1	160	2026-2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Krông Ana 1 đấu nối về TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin)
2	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 - Giai đoạn II;	100	2026-2029	ĐZ 220kV đấu nối về TBA 220kV Krông Buk
3	Nhà máy điện gió E&M Đắk Lắk	95	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Buk - Nha Trang
4	Điện gió Thanh Phong Giai đoạn 1	100	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Buk - Pleiku 2
5	Nhà máy điện gió Ea Sin 2	250	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV NMĐG Ea Nam

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
6	Nhà máy điện gió Thuận Phong 2, GD 1	100	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV trạm 500kV Krông Buk - Krông Buk
7	Điện gió HLP Krông Năng	50	2026-2029	Đấu nối tại thanh cái 110kV của TBA 110kV nâng áp HLP Ea HLeo 1
8	Nhà máy điện gió Chư Kbo, GD 1	50	2026-2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ NMĐG Chư Kbo đấu nối về TBA 500kV của NMĐG Ea Nam
9	Dự án Nhà máy điện gió Dliê Ya-Krông Năng, GD 1	80	2026-2029	ĐZ 110kV mạch đơn từ TBA 110kV nhà máy điện gió về HTPP 110kV TBA 220kV Krông Búk
	Tỉnh Bình Định	1233		
1	Nhà máy điện gió Hòn Trâu - Giai đoạn 1	750	2028-2029	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1A) đi TBA 220kV Phù Mỹ và XDM ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1B) đi TBA 220kV Nhơn Hội
2	Nhà máy điện gió Vĩnh Thuận	143	2027-2028	ĐZ 110kV mạch kép từ TBA 110kV NMĐG Vĩnh Thuận đấu nối vào TC110kV của TBA 110kV Đồn Phó
3	Nhà máy điện gió Vân Canh 1	160	2027-2028	ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV ĐG Vân Canh 1 đấu nối transit trên ĐZ 220kV Quy Nhơn - TĐ An Khê và ĐZ 220kV Phước An - TĐ An Khê
4	Nhà máy điện gió Vân Canh 2	180	2027-2028	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV ĐG Vân Canh 2 đấu nối vào TC220kV TBA 220kV ĐG Vân Canh 1
	Tỉnh Phú Yên	300		
1	Dự án điện gió Sông Cầu 2 giai đoạn 2	38	2028-2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Sông Cầu đấu nối vào TBA 220kV NMĐG Sông Cầu 1
2	Dự án điện gió Sông Cầu 1 giai đoạn 1	50	2028-2029	Đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu, đường dây 220kV mạch đơn
3	Dự án điện gió Sơn Long	50	2028-2029	ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV Phú Hòa
4	Dự án điện gió EaBar	50	2028-2029	ĐZ 220 kV đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220 kV Krông Buk - Sông Ba Hạ
5	Dự án điện gió LRSH Sơn Hòa giai đoạn 2	18	2028-2029	Xây dựng trạm 220 kV MĐG Sơn Hòa và ĐZ 220 kV ACSR400 đấu nối vào TBA 220 kV Tuy Hòa
6	Dự án điện gió VICO	44	2028-2029	Đấu nối vào TBA 220kV Tuy Hòa, đường dây 220kV
7	Dự án điện gió LRSC Sông Cầu	50	2028-2029	Đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu, đường dây 110kV mạch đơn
	Tỉnh Khánh Hòa	200		
1	Nhà máy điện gió TDX Khánh Hòa 1	100	2026-2030	ĐZ 220 kV với 02 mạch đấu nối chuyển tiếp trên mạch 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
2	Nhà máy điện gió EEC Khánh Hòa	100	2026-2030	Đầu nối vào 2 mạch của đường dây 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
	Tỉnh Ninh Thuận	1039		
1	Điện gió Tri Hải (giai đoạn 2)	39.5	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2 từ giai đoạn 1
2	Điện gió Bắc Sơn	60.5	2025-2030	ĐZ 220kV từ NMĐG Bắc Sơn đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2
3	Điện gió hồ Núi Một	50	2025-2030	Đường dây 35(22) kV 6 mạch từ Nhà máy đến TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2; Nâng công suất TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2 lên (100+125) MVA
4	Điện gió BIM mở rộng giai đoạn 3	120	2025-2030	Đầu nối về TBA 220kV NMĐG BIM (hiện hữu); Đầu tư mở rộng MBA T2 33/33/200kV, công suất 200MVA tại vị trí dự phòng TBA 220kV NMĐG BIM. Đầu tư mở rộng các ngăn lộ 220kV tại TBA 220kV NMĐG BIM đồng bộ với MBA T2 và hoàn thiện sơ đồ nối điện tại TBA 220kV NMĐG BIM. Đầu tư mở rộng 01 ngăn lộ 220kV tại Trạm cắt Quán Thê (278). Treo mạch 2 ĐZ 220kV NMĐG BIM - Trạm cắt Quán Thê
5	Điện gió V2 - Mở rộng	769	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép ĐG V2 - Mở rộng - TBA 500 kV Thuận Nam
	Tỉnh Bình Thuận	242		
1	NMĐG khu vực biển gần bờ huyện Tuy Phong, Bắc Bình	100	2030	Đầu nối vào lưới điện 220 kV gần khu vực dự án
2	NMĐG khu vực biển gần bờ huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Tân, thị xã La Gi	142	2029	Đầu nối vào lưới điện 220 kV gần khu vực dự án
	Tỉnh Lâm Đồng	200		
1	Dự án điện gió Cầu Đất giai đoạn 2	200	2030	Xây dựng TBA nâng áp 22/220kV, công suất 2x125MVA: ĐZ 22kV mạch đơn từ TBA 220kV đầu nối về TC 220kV trạm cắt 220kV Đa Nhim, mở rộng ngăn lộ ĐZ 220kV trạm cắt 220kV Đa Nhim.
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100		
1	Nhà máy điện gió gần bờ Xuyên Mộc giai đoạn 3	100	2025-2030	ĐZ 110 kV đầu nối vào TC110kV của TBA 220 kV Phước Thuận
	Tỉnh Bến Tre	500		
1	NMĐG huyện Ba Tri	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Ba Tri - 220kV Bình Đại
2	NMĐG huyện Bình Đại 1	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Bình Đại 1 - 220kV Bình Đại

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
3	NMĐG huyện Bình Đại 2	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Bình Đại 2 - 220kV Bình Đại
4	NMĐG huyện Bình Đại 3	100	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Bình Đại 3 - 220kV Bình Đại
5	NMĐG Thạnh Phú 1	125	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thạnh Phú 1 - 220kV Thạnh Phú
6	NMĐG Thạnh Phú 2	75	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thạnh Phú 2 - 220kV Thạnh Phú
7	NMĐG Thạnh Phú 3	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thạnh Phú 3 - 220kV Thạnh Phú
	Tỉnh Bạc Liêu	270		
1	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 Giai đoạn 4	50	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu nối từ NMĐG Đông Hải 1 - giai đoạn 4 tới TBA 220 kV NMĐG Đông Hải 13
2	Nhà máy điện gió Đông Hải 13 Giai đoạn 2	70	2025-2030	Đấu nối vào trạm 220 kV Giá Rai, sử dụng chung đường dây đấu nối với NMĐG Đông Hải 13
3	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 2	50	2025-2030	Lắp đặt máy biến áp NMĐG Đông Hải 3 giai đoạn 2 trong trạm 110 kV
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6 - giai đoạn 2	100	2025-2030	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMĐG Hòa Bình 6 - GĐ2 vào TBA 220 kV Hòa Bình
	Tỉnh Tiền Giang	100		
1	Điện gió Tân Thành 2	100	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu nối về TBA 220 kV Gò Công
	Tỉnh Trà Vinh	1402		
1	Dự án Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8) - mở rộng	160	2027	Lắp mở rộng thêm 2 MBA công suất 2x90MVA tại TBA 220kV NMĐG số 3 (Vị trí V3-8). Sử dụng chung hạ tầng ĐZ truyền tải NMĐG số 3
2	Dự án Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3) mở rộng	120	2027	Đường dây 220kV đấu nối, chia sẻ hạ tầng trạm và đường dây 220kV từ Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (Vị trí V3-3) đến Trạm biến áp 500kV Duyên Hải
3	Dự án Nhà máy điện gió tại vị trí V3-6	275	2027	Xây dựng TBA 220kV ĐG V3-6 và ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-6 về thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-7
4	Dự án Nhà máy điện gió V3-5	120	2027	Xây mới TBA 220kV NMĐG V3-5 và ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-5 về thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-6
5	Dự án Nhà máy điện gió V3-7	329	2027	Xây mới TBA 220kV NMĐG V3-7 và ĐZ 220kV 04 mạch đấu nối TBA 220kV NMĐG V3-7 chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ NB Duyên Hải - Trà Vinh
6	Nhà máy điện gió Đông Hải 4	148	2027	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV ĐG Đông Hải 3 - ĐG Đông Thành 1

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
7	Nhà máy điện gió V3-2	250	2027	Xây dựng TBA 220kV ĐG V3-2 và ĐZ 220kV đấu nối Dự án điện gió V3-2; Đấu nối về thanh cái 220kV của trạm 220kV Trà Vinh 3 và một mạch về thanh cái 220kV trạm 220kV ĐG Đông Hải 3
	Tỉnh Sóc Trăng	988		
1	Điện gió Vĩnh Hải 1	400	2030	ĐZ 220kV từ TBA 220kV NMĐG gần bờ Vĩnh Hải đi TBA 220kV Vĩnh Châu (sử dụng hạ tầng đấu nối sẵn có của Dự án Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu - 129MW) .
2	Điện gió Vĩnh Hải 2	270	2030	ĐZ 220kV từ TBA 220kV dự án đấu về TBA 220kV Trần Đề
3	Điện gió Lạc Hòa 3	50	2029	Tận dụng hạ tầng hiện có, mở rộng thanh cái TBA 110kV - NMĐG Lạc Hòa GD1, lắp thêm máy biến áp
4	Điện gió Mỹ Thanh	68	2030	Xây dựng mới TBA 110kV của dự án. Đường dây 110kV mạch kép đấu nối từ trạm biến áp 110kV dự án về trạm biến áp 110kV KCN Mỹ Thanh
5	Điện gió Vĩnh Tân	200	2030	Tận dụng hạ tầng hiện có, mở rộng thanh cái TBA 220kV - Cụm NMĐG Phú Cường Sóc Trăng 1A và 1B, lắp thêm máy biến áp
	Tỉnh An Giang	50		
1	Nhà máy điện gió An Giang 2	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn từ đầu vào TBA 110 kV NMĐG An Giang 1
	Tỉnh Cà Mau	387		
1	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Viên An	100	2028	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiển - Viên An - TBA 220kV NMĐG Viên An
2	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tam Giang Tây	100	2029	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiển - Tam Giang Tây - TBA 220kV Cà Mau 3
3	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Rạch Gốc	60	2027	ĐZ 110kV 1 mạch TBA 110KV NMĐG Ngọc Hiển - Rạch Gốc - TBA 110kV Rạch Gốc
4	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Đất Mũi	67	2029	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Ngọc Hiển - Đất Mũi - TBA 220kV NMĐG Viên An
5	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tân Ân 1	60	2030	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiển - Tân Ân 1 - TBA 220kV Cà Mau 3
	Tỉnh Hậu Giang	100		
1	Điện gió Sao Mai 1	100	2027	ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối transit vào ĐZ 110kV Long Mỹ - Hồng Dân
	Tỉnh Kiên Giang	171		
1	Nhà máy điện gió tại huyện Hòn Đất (II)	43	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
2	Nhà máy điện gió Kiên Lương 2	65.6	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối về TBA 110kV của nhà máy điện gió Kiên Lương 1
3	Nhà máy điện gió An Biên, An Minh	62.4	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110kV An Biên - Lại Sơn
	Thành phố Huế	100		
1	Nhà máy điện gió Phong Điền	100	2027-2028	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐG Phong Điền đến trạm 220kV Phong Điền
	Tỉnh Khánh Hoà	200		
1	Nhà máy điện gió TDX Khánh Hòa 1	100	2026-2030	ĐZ 220 kV 02 mạch đấu nối từ trạm 220 kV ĐG TDX Khánh Hòa 1 chuyển tiếp trên mạch 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
2	Nhà máy điện gió EEC Khánh Hòa	100	2026-2030	Đấu nối vào mạch 2 của ĐZ 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
	Tỉnh Quảng Nam	100		
1	Dự án Điện gió TDX Quảng Nam 1	100	2025-2030	Đường dây 110kV dài 10,5 km đấu từ TBA nâng 22/110kV đấu vào TBA 220kV Tam Kỳ
	Tỉnh Long An	73		
1	Nhà máy năng lượng gió Châu Thành - Giai đoạn 1	73	2030	ĐZ 110kV mạch kép ĐG Châu thành - trạm 110kV Tầm Vu 2
II	Danh mục các dự án được phân bổ tăng thêm, đưa vào vận hành giai đoạn 2031-2035			
	Kon Tum	100		
1	Điện gió Chư Hreng (giai đoạn 2)	100	2035	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào ngăn lộ 220kV TBA 500kV Kon Rẫy
	Gia Lai	2039,5		
1	NMĐG Ia Phang 1	100	2033	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng áp 22/220kV NMĐG Ia Phang 1 chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Chư Sê - Krông Pa
2	NMĐG TNE 3A	49.5	2033	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 3A Bổ sung thêm một mạch trên ĐZ 220 kV Ia Boòng Chu Prong - TBA 500kV Nhơn Hòa
3	NMĐG TNE 5	49.5	2033	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 5
4	NMĐG Ia Rong 1	49.5	2034	Xây dựng TBA nâng áp 33/220kV NMĐG IA RONG 1, công suất 63MVA.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
				Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA 33/220kV NMĐG Ia Rong 1 đến TBA nâng áp 33/220kV NMĐG TNE 1
5	NMĐG Ia Rong 2	49.5	2034	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 2
6	NMĐG Ia Rong 3	49.5	2034	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 3
7	NMĐG Ia Rong 3A	49.5	2034	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 3A
8	NMĐG Ia Ko 3	49.5	2035	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đấu nối NMĐG Ia Ko 3
9	NMĐG Ia Ko 3A	49.5	2035	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đấu nối NMĐG Ia Ko 3A
10	NMĐG Xã Trang (GĐ3)	100	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV NMĐG Xã Trang - TBA 500kV Pleiku 3
11	NMĐG Bờ Ngoong (GĐ2)	115	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng áp 220kV NMĐG Bờ Ngoong vào TC 220kV của TBA 500kV Pleiku 2
12	NMĐG Ia Tôr	50	2033	ĐZ 110kV mạch đơn từ TBA nâng 22/110kV NMĐG Ia Tôr vào thanh cái 110kV TBA 220kV NMĐG Thăng Hưng
13	NMĐG Ia Blứ 1 - Chư Pưh	50	2035	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
14	NMĐG Ia Blứ 2 - Chư Pưh	50	2035	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
15	NMĐG Ia Boòng - Chư Prông (Giai đoạn 2)	150	2035	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng 22/220kV NMĐG Ia Boòng - Chư Prông (GĐ2) về thanh cái 220kV trạm 500kV Pleiku 2
16	NMĐG Phước Sơn	50	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV, mạch đơn từ TBA 35/220kV NMĐG Phước Sơn đến thanh cái 220kV của TBA 220kV NMĐG Phú Mỹ
17	NMĐG Yang Trung 2	49.5	2033	Đấu nối NMĐG Yang Trung 2 bằng ĐZ 220kV mạch đơn đến thanh cái 220kV TBA nâng áp 220kV NMĐG Chợ Long
18	NMĐG H'Bông 1 - Chư Sê	50	2033	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 35/220kV NMĐG H'Bông 1 - Chư

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
				Sê chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Chư Sê - 220kV Krông Pa
19	Cụm dự án NMĐG Mang Yang 3.1, Mang Yang 3.2, Mang Yang 3.3	300	2032	ĐZ 500 kV mạch kép từ TBA 500kV Mang Yang - TBA 500kV Pleiku ĐZ 220 kV từ TBA 220kV Mang Yang 3.3 đến thanh cái 220kV TBA 220kV NMĐG Mang Yang 2
20	Nhà máy Phong điện Gia Lai	49	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về trạm 500kV Pleiku 3
21	NMĐG Nam Hàm Rồng	40	2033	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 22/220kV NMĐG Nam Hàm Rồng chuyển tiếp trên ĐZ 220kV NMĐG Ia Boong Chư Prông - 500kV Pleiku 2
22	NMĐG An Thành Gia Lai	40	2032	Đấu nối bằng ĐZ 220 kV NMĐG An Thành Gia Lai sử dụng cột 4 mạch đấu nối transit vào 02 ĐZ 220kV hiện có là Pleiku - ĐSK An Khê và Pleiku 2 - An Khê
23	NMĐG Ia Le 3	50	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào mạch hiện hữu ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk
24	NMĐG HE Gia Lai	100	2032	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 35/110/220kV NMĐG HE Gia Lai (được xây dựng tại vị trí khu vực 04) đến thanh cái 220kV của TBA 220kV Chư Sê
25	NMĐG Tây Hồ - Chư Prông	50	2032	ĐZ 110kV mạch đơn từ NMĐG Tây Hồ - Chư Prông đến TBA 110kV NMĐG Phát triển miền núi
26	NMĐG Đăk Jơ Ta	50	2034	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV cụm NMĐG Đăk Jơ Ta - Ayun chuyển tiến trên đường dây 220kV Pleiku 2 - TĐ An Khê.
27	NMĐG Ayun	50	2034	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV cụm NMĐG Đăk Jơ Ta - Ayun chuyển tiến trên đường dây 220kV Pleiku 2 - TĐ An Khê.
28	Nâng CS Trang trại phong điện HBRE Chư Prông (từ 50 lên 100MW)	50	2031	Lắp đặt thêm 01 MBA 22(35)/110kV-63MVA tại gần máy biếp áp dự phòng TBA 110kV Trang điện Phong điện HBRE Gia Lai hiện có
29	Cụm NMĐG K'Bang A, K'Bang B	100	2034	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng 35/220kV tại Cụm NMĐG K'Bang A, K'Bang B về TBA 220kV An Khê
	ĐẮC LẮC	945		
1	Nhà máy điện gió Krông Ana 2	160	2031-2035	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng áp 220kV Nhà máy điện gió Krông Ana 1 đấu nối vào TC 220kV TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin)
2	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 - Giai đoạn III;	150	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 2

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
3	Điện gió Thanh Phong, Giai đoạn 2	100	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
4	Nhà máy điện gió E&M Đắc Lắc, Giai đoạn 2	105	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
5	Nhà máy điện gió Thuận Phong 2, Giai đoạn 2	100	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
6	Cụm Nhà máy điện gió GETEC Đắc Lắc	100	2031-2035	Đấu nối về thanh cái 220kV của TBA 220kV điện gió AMI AC Đắc Lắc bằng ĐZ 220kV mạch đơn
7	Nhà máy điện gió AMI AC Đắc Lắc 1	100	2031-2035	ĐZ 220kV bốn mạch từ TBA 220kV của Cụm NMĐG AMI AC Đắc Lắc đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - TĐ Sêrêpok 4 và từ trạm 220kV Krông Búk đi trạm 220kV TĐ Buôn Kuốp
8	Điện gió Ea Hleo RWP	80	2031-2035	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ NMĐG Thanh Phong - Pleiku 2
9	Điện gió HLP Ea Hleo 1	50	2031-2035	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - Pleiku 2
	Trà Vinh	400		
1	Dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải 3 mở rộng	170	2031	Xây mới TBA 220kV Nhà máy điện gió ven biển Duyên Hải
2	Dự án Nhà máy điện gió Thăng Long (giai đoạn 2)	100	2031	Lắp máy biến áp nâng áp tại NMĐG Thăng Long Trà Vinh, đấu chuyển tiếp lên ĐZ NMĐG Thăng Long Trà Vinh
3	Dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải 2 mở rộng	130	2031	Đấu nối chuyển tiếp lên TBA 220kV Nhà máy điện gió Duyên Hải 2 đấu nối trạm 220kV Duyên Hải
	Cà Mau	942		
1	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Viên An Đông	100	2032	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Ngọc Hiển - Viên An Đông đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV NMĐG Viên An Đông - NMĐG An Đông 1
2	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tân Ân 2	150	2032	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG Ngọc Hiển Tân Ân 2 - TBA 220kV Cà Mau 3
3	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tân Ân 3	142	2033	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG Ngọc Hiển - Tân Ân 3 - TBA 220kV Cà Mau 3
4	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tam Giang Tây 1	200	2032	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG Ngọc Hiển - Tam Giang Tây 1 - TBA 220kV Cà Mau 3
5	Nhà máy điện gió Năm Căn - Tam Giang Đông	100	2034	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG Năm Căn - Tam Giang Đông - TBA 220kV Cà Mau 3
6	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Đất Mũi 1	50	2031	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiển - Đất Mũi 1 - TBA 110kV NMĐG Ngọc Hiển - Đất Mũi
7	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Khai Long 4	100	2035	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG Ngọc Hiển - Khai Long 4 đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ NMĐG Ngọc Hiển - Đất Mũi - TBA 220kV NMĐG Viên An

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
8	Nhà máy điện gió Trần Văn Thời - Phong Điền	50	2031	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Trần Văn Thời - Phong Điền - TBA 110kV Sông Đốc
9	Nhà máy điện gió U Minh - Khánh Tiến	50	2032	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG U Minh - Khánh Tiến - TBA 110kV U Minh
	Bạc Liêu	351		
1	Nhà máy điện gió Hòa Bình 9	200	2025-2030	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMĐG Hòa Bình 9 vào TBA 220 kV Hòa Bình
2	Nhà máy điện gió Hòa Bình - Đông Hải 1 (giai đoạn 1)	151	2025-2030	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMĐG Hòa Bình - Đông Hải 1 vào TBA 220 kV Hòa Bình 9
	Tiền Giang	226		
1	Điện gió Tân Thành 2	226	2031-2035	XDM ĐZ 220 kV đấu nối về TBA 220 kV Gò Công

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 14: Danh mục các dự án điện mặt trời tập trung

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh An Giang	80				
1	Nhà máy điện mặt trời An Cư	40	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời An Giang	80	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	50				
1	Dự án điện mặt trời Phú Mỹ	50	2025-2030		Đường dây 110 kV đấu nối vào trạm biến áp 110kV hiện hữu	
	Tỉnh Bắc Giang	100				
1	Nhà máy điện mặt trời Yên Thế	50	2030		Đường dây 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV mở rộng của TBA 110kV Cầu Gò	
2	Điện mặt trời hồ Đá Ong và hồ Cầu Rễ	50	2030		Đường dây 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV TBA 110kV Cầu Gò	
	Tỉnh Bạc Liêu	50				
1	Nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải	50	2025-2030		Đường 110kV mạch kép đấu nối từ TBA nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải vào ngăn lộ 110kV trạm 220kV Giá Rai.	
	Tỉnh Bến Tre	50				
1	NMĐMT Bến Tre	50	2025-2030		110 kV NMĐMT Bến Tre - 220 kV Bình Đại	
	Tỉnh Bình Định	500				
1	Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức	50	2027-2028		XDM ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức đến đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hoài Nhơn - Phù Mỹ	
2	Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh	60	2027-2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh đến đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hoài Nhơn - Tam Quan	
3	Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một	100	2028-2029		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một đến đầu vào thanh cái 110kV của trạm biến áp 110kV Nhơn Tân hiện hữu	
4	Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 1	100	2027-2028		Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 2	100	2027-2028		Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	
6	Nhà máy điện mặt trời Bình An 1	90	2027-2028		Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	
	Tỉnh Bình Dương		50	1200		
1	KCN Bàu Bàng Mở Rộng	50	2025-2030		Đường dây 22 kV mạch kép	
2	KCN Cây Trường	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
3	KCN Bàu Bàng 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
4	KCN Bàu Bàng 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
5	KCN Dầu Tiếng 1A	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
6	KCN Dầu Tiếng 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
7	KCN Dầu Tiếng 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
8	KCN Bắc Tân Uyên 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
9	KCN Bắc Tân Uyên 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
10	KCN Phú Giáo 3	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
11	KCN Phú Giáo 1	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
12	KCN Bình Dương Riverside ISC	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
13	KCN Tân Uyên 3	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
14	NMĐMT Long Tân	600		2031 -2035	- Xây dựng TBA 220kV NMĐMT Long Tân - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào KCN Dầu Tiếng 1A. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào KCN Dầu Tiếng 4. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN An Lập, An Lập 2, An Lập 3. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN Long Tân. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN Long Hòa 1, 2. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN Thanh An 1, 2, 3.	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Bình Phước	708,4		3650,2		
1	ĐMT MT1	24	2025-2030		Đầu nối về Trạm 110 kV Hoa Lư (hoặc Trạm cắt liên kề TBA 110 kV Hoa Lư)	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT MT2	24	2025-2030		Đầu nối vào TC 110 kV TBA NMĐMT MT1	
3	ĐMT Lộc Thạnh 1-1	40	2025-2030		Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV về TBA 110 kV Hoa Lư	
4	ĐMT Hải Lý Bình Phước 1	40	2025-2030		Đầu nối về Trạm cắt 220 kV Lộc Tấn	
5	Nhà máy điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Srok Phu Miêng (150MWp)	120	2025-2030		Đường dây 110 kV đầu nối gần lộ 110 kV tại trạm 220 kV Bình Long 2	
6	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (100MWp)	80	2025-2030		Đầu nối vào ĐZ 22kV mạch kép của nhà máy ĐMT Thác Mơ hiện hữu và ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đăk Nông	
7	Nhà máy điện mặt trời Phước Hòa (76MWp)	60,4	2025-2030		Đầu nối vào gần lộ 220kV tại TBA 500kV Chơn Thành	
8	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ 2 (150MWp)	120	2025-2030		Đầu nối vào ĐZ 220kV Đông Bình Phước - rẽ Bình Long - rẽ điện phân nhôm	
9	Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ (ĐMT nổi Thác Mơ 5) 200MWp	160	2025-2030		Xây dựng TBA 220kV Đông Bình Phước, công suất 200+300MVA (01 MBA 300MVA cho dự án Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ 2); Xây dựng ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV Đông Bình Phước chuyển tiếp trên 2 mạch tuyến ĐZ 220kV Bình Long - Điện phân nhôm Đăk Nông.	
10	Nhà máy điện mặt trời Minh Tâm (50MWp)	40	2025-2030		Đầu nối vào gần lộ tại thanh cái 220kV của TBA 500kV Chơn Thành	
11	Nhà máy điện mặt trời Phước Hòa (174MWp)	139,2		2031-2035	Đầu nối vào gần lộ 220kV tại TBA 500KV Chơn Thành	
12	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (275MWp)	220		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đăk Nông	
13	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ 1 (200MWp)	160		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Đông Bình Phước - rẽ Bình Long - rẽ điện phân nhôm	
14	Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ 2 (ĐMT nổi Thác Mơ 6) 300MWp	240		2031-2035	Xây dựng TBA 220kV Đông Bình Phước, công suất 200+300MVA (01 MBA 300MVA cho dự án NMĐMT nổi Asia Thác Mơ 2); Xây dựng ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV Đông Bình Phước chuyển tiếp trên 2 mạch tuyến ĐZ 220kV Bình Long	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					- Điện phân nhôm Đắk Nông	
15	Tổ hợp nhà máy điện mặt trời nổi Thác Mơ Bình Phước (400MWp)	320		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đắk Nông	
16	Nhà máy điện mặt trời nổi Cần Đơn (350MWp)	280		2031-2035	Xây dựng trạm nâng áp 110kV NMĐMT nổi hồ TĐ Cần Đơn, công suất 1x63MVA. Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp 110kV NMĐMT nổi hồ TĐ Cần Đơn đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Bù Đốp - TĐ Cần Đơn	
17	Nhà máy điện mặt trời hồ Srok Phu Miêng (GD 2) (125MWp)	100		2031-2035	Đấu nối vào ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Phước Long	
18	Dự án điện mặt trời Minh Tâm (300MWp)	240		2031-2035	Đấu nối vào ngăn lộ tại thanh cái 220kV của TBA 500kV Chơn Thành	
19	Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 6,7,9,10,11,12 (1,000MWp)	800		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
20	Nhà máy điện mặt trời Tân Hưng 1 (55MWp)	44		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
21	Nhà máy điện mặt trời Tân Hưng 2 (55MWp)	44		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
22	Nhà máy điện mặt trời Lộc Thiện (500MWp)	395		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
23	Nhà máy điện mặt trời Hải Lý Bình Phước 2 (180MWp)	144		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
24	Nhà máy điện mặt trời Gianty Apha Group 1 (50MWp)	40		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
25	Nhà máy điện mặt trời Gelex 2 (210MWp)	165		2031-2035	Đấu nối vào máy biến áp AT2 của trạm nâng áp 22/220kV ĐMT Gelex Bình Phước 1	
26	Nhà máy điện mặt trời Tân Long (40MWp)	32		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
27	Nhà máy điện mặt trời Khang Nam Solar (90MWp)	72		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
28	Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước (100MWp)	80		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
29	Nhà máy điện mặt trời Fecon	39		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	(48,8MWp)					
30	Nhà máy điện mặt trời 50MWp Lộc Ninh	40		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
31	Nhà máy điện mặt trời Nậm La (100MWp)	80		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
32	Nhà máy điện mặt trời An Khang Bình Phước (100MWp)	80		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
	Tỉnh Bình Thuận		524	266		
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình	200	2029		- ĐZ 110 kV từ nhà máy đấu nối vào ĐZ 110 kV thủy điện Đại Ninh - Phan Rí. - Trường hợp phương án đấu nối nêu trên không thực hiện được hoặc không phù hợp với thực tế lưới điện, xem xét điều chỉnh phương án đấu nối bổ sung trạm 220 kV Sông Bình và ĐZ 220 kV đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Dự án NMTĐ mặt trời Hồng Liêm 6.1	40	2028		ĐZ 110 kV đấu nối vào TBA ĐMT Hồng Liêm 3	
3	Dự án NMTĐ mặt trời Tân Xuân	23,61	2028		ĐZ 110 kV đấu nối vào TC 110 kV TBA 220 kV Hàm Tân	
4	Dự án điện mặt trời Đa Mi giai đoạn 2	70	2029		Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Đa Mi (hiện hữu)	
5	Dự án điện mặt trời Hàm Thuận giai đoạn 1	100	2029		Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Hàm Thuận (hiện hữu)	
6	Dự án nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 7/Tích hợp pin lưu trữ	40	2028		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết; TBA 22/220kV	Pin lưu trữ có công suất 50MW/150MWh
7	Dự án Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.2	110	2027		Xây mới TBA 22/110kV VH6.2; Xây mới ĐZ 110kV VH6.2 - trạm cắt VH6; Xây mới TBA 110/220kV tại trạm cắt 110kV VH6; Xây mới ĐZ 220kV VH6 - Transit 1 mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Rí	
8	Dự án Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 7.2 / Tích hợp pin lưu trữ	24	2028		Lắp đặt bổ sung 01 máy biến áp 22/220kV tại TBA 220kV NM ĐMT Hồng Phong 7	Pin lưu trữ có công suất

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
						20MW/60MWh
9	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình 4 (giai đoạn 1)	130	2030		Đề xuất phương án đấu nối vào TBA 220 kV Sông Bình đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	
10	Dự án Nhà máy điện mặt trời Tân Đức 1	50	2028		Đấu nối vào ĐZ 110 kV Hàm Tân 2 - Tân Đức	
11	Dự án điện mặt trời Hàm Thuận giai đoạn 2	126		2032	Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Hàm Thuận (hiện hữu)	
12	Dự án điện mặt trời Đa Mi giai đoạn 3	30		2032	Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Đa Mi (hiện hữu)	
13	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình 4 (giai đoạn 2)	70		2033	Đấu nối vào TBA 220 kV Sông Bình đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	
	Tỉnh Cà Mau					
1	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Hiển	50	2027		ĐZ 110kV mạch kép NMĐMT Ngọc Hiển - 220kV Năm Căn; mở rộng ngăn lộ 110kV TBA 220kV Năm Căn	
	Thành phố Đà Nẵng					
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời tại Hòa Vang	50	2026-2030		ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110 kV, xuất tuyến 171 TBA Cầu Đỏ - xuất tuyến 171 TBA 500 Đà Nẵng	
	Tỉnh Đắk Lắk		3010	4907		
1	ĐMT KN Srêpôk 3	304	2025-2027		Xây mới ĐZ 500kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 500kV Pleiku 2 - Chơr Thành	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Ea Súp 1	40	2025-2027		XDM ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái TBA 110kV Cư M'gar	
3	ĐMT Ia Lốp 1	40	2025-2027		XDM ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào phía thanh cái 110kV của TBA 500kV NMĐMT Xuân Thiện - Ea Súp	
4	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Srêpôk 3	50	2028		Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 220kV NMTĐ Srêpôk 3 (hiện hữu)	
5	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Buôn Kuốp	50	2028		XDM ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào Trạm 110/220kV NMTĐ Buôn Kuốp (hiện hữu)	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
6	Nhà máy ĐMT trên hồ Ea Súp Thượng giai đoạn 1	452	2025-2030		- Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Krông Búk. - Mở rộng 02 ngăn lộ 220kV tại TBA 500kV Krông Búk.	
7	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Krông Búk Hạ 1,2	200	2025-2030		Krông Búk hạ 1 (50MW): Xây mới đường dây 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp đường dây 110kV Ea Kar-Krông Búk. Krông Búk hạ 2 (150MW): Xây mới đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp lên đường dây 220kV Krông Búk - Nha Trang mạch 1.	
8	Nhà máy điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Krông H'năng	100	2025-2030		XDM ĐZ 220kV mạch kép đấu nối trên 02 mạch ĐZ 220kV Sông Ba Hạ - Krông Búk	
9	Nhà máy điện mặt trời trên hồ thủy lợi Ea H'leo	150	2025-2030		Xây dựng mới ĐZ 220kV 04 mạch đấu nối trên thanh cái 220kV TBA 500kV NMĐG Ea Nam	
10	Cụm nhà máy điện mặt trời tiểu khu 293, xã Cư M'lan	500	2025-2030		ĐZ 500kV mạch kép chuyển tiếp vào ĐZ 500kV Pleiku 2-Chơn Thành	
11	Nhà máy ĐMT Jang Pông 2	50	2025-2030		ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối TBA 110kV NMĐMT Jang Pông hiện hữu	
12	Nhà máy điện mặt trời Ia Rvê (gồm 04 nhà máy từ số 1 đến số 4)	1000	2025-2030		Xây dựng các ĐZ 110kV đấu nối vào phía 110kV vào TBA 500 kV Xuân Thiện - Ea súp; Mở rộng TBA 500kV ĐMT Xuân Thiện - Ea Súp, công suất 900MVA	
13	Nhà máy điện MT kết hợp trồng cây dược liệu, giai đoạn 1	230	2025-2030		XDM ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 500kV Ea Nam	
14	Nhà máy điện mặt trời Buôn Đôn	48	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TĐ Srêpôk 4A - TĐ Srêpôk 4	
15	Nhà máy ĐMT trên hồ Ea Súp Thượng giai đoạn 2	500		2031-2035	Sử dụng chung Đường dây đấu nối ở giai đoạn 1	
16	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Ea Súp hạ	150		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
17	Nhà máy điện mặt đất kết hợp bán ngập BCG Vụ Bồn	187		2031-2035	Đấu nối cấp điện áp 220kV, về trạm gom 500kV Năng lượng tái tạo 2	
18	Nhà máy điện mặt trời Rừng Xanh	1100		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
19	Nhà máy điện mặt trời Ea Súp (gồm 05 nhà máy từ số 6 đến số 10)	1400		2031-2035	Xây dựng các ĐZ 110kV đấu nối vào phía 110kV vào TBA 500 kV Xuân Thiện - Ea súp; Mở rộng TBA 500kV ĐMT Xuân Thiện - Ea Súp, công	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					suất 900MVA; Xây dựng mới ĐZ 500kV mạch kép, đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 500kV Pleiku 2 - Chơn Thành (mạch 2)	
20	Nhà máy điện MT kết hợp trồng cây dược liệu, Giai đoạn 2	220		2031-2035	Sử dụng chung Đường dây đấu nối ở giai đoạn 1	
21	Cụm Nhà máy ĐMT Cư Kbang	500		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
22	Nhà máy điện mặt trời Ea Hleo	50		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối trên ĐZ 220kV Krông Búk - Pleiku 2	
23	Nhà máy điện mặt trời Ea Huar	50		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV TBA 110kV Buôn Đôn	
24	Nhà máy điện mặt trời VK-100MWp	100		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Cư M'gar - Buôn Đôn	
25	Nhà máy điện mặt trời Ia JLoi	200		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
26	Nhà máy điện mặt trời Ea Bung	450		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
	Tỉnh Đắk Nông	893				
1	Điện mặt trời KN Buôn Tua Srah	312	2027-2028		Giai đoạn 1: Xây dựng TBA 220 kV ĐMT nối Buôn Tua Srah công suất 125 MVA; Xây dựng ĐZ 220 kV ĐMT nối Buôn Tua Srah - TBA 220 kV thủy điện Buôn Tua Srah; Mở rộng 1 ngăn lộ 220 kV tại sân phân phối NMTĐ Buôn Tua Srah; Giai đoạn 2: Lắp MBA thứ 2, công suất 250MVA tại TBA mặt trời nối Buôn Tua Srah; Nâng khả năng tải ĐZ 220kV Buôn Kuôp - Buôn Tua Srah - Đắk Nông	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời Cư Knia	144	2027-2028		Xây dựng TBA nâng áp 22/220 kV tại nhà máy ĐMT Cư Knia, công suất 160 MVA; Xây dựng trạm cắt 220 kV đặt gần vị trí dự kiến đấu nối trên ĐZ 220 kV Buôn Kuôp - Nhà máy Điện phân nhôm. Xây dựng ĐZ 220 kV mạch đơn từ TBA nâng áp 22/220 kV nhà máy ĐMT Cư Knia đấu vào trạm cắt 220 kV	
3	Điện mặt trời Ea Tling	76	2027-2028		Xây dựng TBA nâng áp 22/110kV tại nhà máy điện mặt trời Ea T'ling, công suất (40+63)MVA; Xây dựng ĐZ 110 kV mạch kép từ TBA nâng áp 22/110 kV nhà máy ĐMT Ea T'ling đấu chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Buôn Kuôp - Krông Nô	
4	Điện mặt trời Xuyên Hà	104	2027-2028		Xây dựng TBA nâng áp 22/220 kV tại nhà máy ĐMT Xuyên Hà, công suất 1x125 MVA; Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép từ TBA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					nâng áp 22/220 kV nhà máy ĐMT Xuyên Hà đấu chuyển tiếp vào ĐZ 220 kV Buôn Kuốp - Thủy điện Buôn Tua Srah	
5	Đức An	30	2026-2027		Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Đắc Nông - Buôn Kuốp	
6	Buôn Kuốp	87	2027-2029		Đấu nối thanh cái 22/110kV nhà máy điện mặt trời nổi Buôn Kuốp tỉnh Đắk Lắk	
7	Srêpôk 3	100	2027-2028		Đấu nối thanh cái 22/220kV nhà máy điện mặt trời nổi Srêpôk 3 tỉnh Đắk Lắk	
8	Điện mặt trời Ea Pô 1	40	2027-2028		Đấu nối thanh cái 220kV TBA 220kV thủy điện Srêpôk 4	
	Tỉnh Điện Biên		850	250		
1	Nhà máy ĐMT Nậm Pồ 1	150	2025-2030		Đấu nối về TBA 220kV NMĐG Envision Nậm Pồ thông qua ĐZ 220kV từ TBA 220kV nhà máy ĐMT Nậm Pồ 1	
2	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ	200	2025-2030		ĐZ 110kV mạch kép đấu nối về TC 110kV TBA 220kV Điện Biên và mở rộng 02 ngăn lộ 110kV tại TBA 220kV Điện Biên	
3	Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1	300	2025-2030		Đấu nối Trạm 220kV Điện Biên	
4	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu	100	2025-2030		Xây dựng mới TBA 35/110kV, đấu transit vào ĐZ110kV hiện hữu của Nhà máy thủy điện Trung Thu	
5	Dự án điện mặt trời lòng hồ thủy điện Sông Mã 3	100	2025-2030		Xây dựng trạm 110kV tại nhà máy điện mặt trời Sông Mã 3 với công suất 01 máy 125MVA. Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép, đấu nối vào thanh cái 110kV TBA Sông Mã 3.	
6	Dự án điện mặt trời Anh Huy	50		2031-2035	Đấu nối lên lưới 110kV Tuần Giáo - Trung Thu	
7	Nhà máy điện mặt trời Rạng Đông	200		2031-2035	Dự kiến đấu nối Transit lên ĐZ 220kv tuyến Sơn La - Điện Biên	
	Tỉnh Đồng Nai		1069	3942		
1	ĐMT nổi KN Trị An	928	2028-2030		Giai đoạn 1: Xây mới ĐZ 110 kV mạch kép, đấu nối từ TBA 110 kV KN Trị An về TBA 110 kV Vĩnh An. Giai đoạn 2: Xây mới ĐZ 500 kV mạch kép từ TBA 500 kV KN Trị An đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 500 kV Sông Mỹ - Tân Định.	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời Trị An	101	2028-2030		Đấu nối cấp điện áp 110 kV và 22 kV	
3	ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 1)	40	2028-2030		Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Hàm Thuận - Đa Mi - Xuân Lộc	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
4	ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 2)	80		2031-2035	Đấu nối vào TBA 220 kV ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 1)	
5	ĐMT hồ Cầu Dầu	100		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ	
6	ĐMT hồ Gia Măng	79		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Xuân Lộc - Xuân Trường	
7	ĐMT hồ mỏ đá (hồ Tân Hạnh, hồ Bình Hoá, hồ Tân Vạn, hồ Hoá An, hồ Tân Bản)	100		2031-2035	ĐZ 22 kV mạch kép đấu nối vào ĐZ 22 kV hiện hữu và TBA 110 kV Biên Hoà	
8	Điện mặt trời hồ Trị An 1	500		2031-2035	Xây dựng TBA 35/500 kV ĐMT Trị An. Xây dựng ĐZ 500 kV 2 mạch đấu nối chuyển tiếp vào 1 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
9	Điện mặt trời hồ Trị An 2	500		2031-2035		
10	Điện mặt trời hồ Trị An 3	500		2031-2035		
11	Điện mặt trời hồ Trị An 4	500		2031-2035		
12	Điện mặt trời hồ Trị An 5	600		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 500 kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
13	Điện mặt trời hồ Trị An 6	600		2033-2035	Xây dựng mới ĐZ 500 kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
14	Điện mặt trời vùng bán ngập	160		2033-2035	Đấu chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Kiêm Tân - Định Quán 2 - Định Quán. Đấu nối về thanh cái 110 kV trạm 110 kV Định Quán 2.	
15	Điện mặt trời hồ Thủy lợi	223		2033-2035	Đấu nối vào lưới 22 kV, 110 kV và 220 kV của khu vực	
	Tỉnh Đồng Tháp		74	249		
1	Điện mặt trời Tháp Mười 1	74	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 110kV Tháp Mười - Trường Xuân - Tam Nông	
2	Điện mặt trời Tháp Mười 2	99		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 110kV Tháp Mười - Trường Xuân - Tam Nông	
3	Điện mặt trời Tân Hồng	50		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 110kV Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	
4	Điện mặt trời Tam Nông	100		2031-2035	ĐZ 110kV An Long - Tam Nông	
	Tỉnh Gia Lai	1030				

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
1	ĐMT KN Ia Ly - Gia Lai	400	2025-2028		Xây mới 2 mạch đường dây 500kV NMĐMT KN Ialy - Gia Lai đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 500kV Pleiku - NMTĐ Ialy (điều chỉnh so với phương án đấu nối tại Văn bản số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020 do khó có thể mở rộng được ngăn lộ tại TĐ Ialy)	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Krông Pa 2	39,2	Năm 2025 vận hành một phần dự án, công suất 19MW; Năm 2028 vận hành phần còn lại 20,2MW		TBA nâng 110 kV ĐMT Krông Pa 2, công suất 2x25 MVA. XDM ĐZ 110 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TĐ Đắk Srông 3A+3B - ĐMT Krông Pa. Khi TBA 220 kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đấu nối ĐMT Krông Pa 2 về TBA 220 kV Krông Pa bằng ĐZ 110 kV.	
3	Phú Thiện	32	2027		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Chư Sê - Ayun Pa	
4	Chư Ngọc - EVNLICOGI 16, giai đoạn 2	20	2026		XDM ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối vào TBA 110 kV Krông Pa	
5	Trang Đức	39,2	2027		TBA nâng 110 kV tại ĐMT Trang Đức, công suất 50 MVA; ĐZ 110 kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Krông Pa - TĐ Đắk Srông 3B. Khi TBA 220 kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đấu nối ĐMT Trang Đức về TBA 220 kV Krông Pa bằng ĐZ 110 kV.	
6	Ayun Pa	20	2027		ĐZ 110 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Ayun Pa - Ea H'leo	
7	Rsuom - Bitexco - TôNa	11,84	2027		Đấu nối vào thanh cái 22 kV NMTĐ Đắk Srông 3B	
8	ĐMT nối Plei Thơ Ga 1 kết hợp hệ thống pin lưu trữ	35	2028		Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đấu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhơn Hòa	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
9	ĐMT nổi Plei Thor Ga 2 kết hợp hệ thống pin lưu trữ	20	2027		Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đấu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhơn Hòa	
10	ĐMT Ia Blứ 4	40	2028		Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
11	ĐMT Ia Blứ 3	40	2028		Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
12	ĐMT Ia Blứ A	40	2029		Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
13	ĐMT Nhơn Hòa 2	90	2029		- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 125MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1.	
14	ĐMT Nhơn Hòa 1	49	2029		- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1.	
15	ĐMT Nhơn Hòa 1A kết hợp hệ thống Pin lưu trữ	49	2028		- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1.	
	Thành phố Hà Nội		280			
1	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Suối Hai	120	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 110kV đi TBA 110kV Ba Vì	
2	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Đồng Mô	160	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 110kV trạm 110kV Đại học Quốc Gia	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Hà Tĩnh		412,6	1336		
1	ĐMT Sơn Quang	23,2	2026-2027			Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Cẩm Lạc	100		2031-2032	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng	
3	Nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn giai đoạn 1	50	2026-2028		ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về thanh cái TBA 220kV Vũng Áng (xây mới ngăn lộ)	
4	Nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn giai đoạn 2	200		2031-2032	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về thanh cái TBA 220kV Vũng Áng (xây mới ngăn lộ)	
5	Dự án ĐMT trên các mặt kênh thủy lợi	59.4	2026-2027		Lưới điện phân phối và lưới trung áp khu vực dọc tuyến kênh	
6	Dự án ĐMT trên các mặt kênh thủy lợi	571		2031-2032	Lưới điện phân phối và lưới trung áp khu vực dọc tuyến kênh	
7	Nhà máy điện mặt trời nổi Sông Rác giai đoạn 1	180	2027-2028		Xây dựng Trạm nâng áp 35/500kV Điện mặt trời Sông Rác và ĐZ 500kV mạch đơn đấu nối Nhà máy với TBA 500kV Hà Tĩnh; Mở rộng 01 ngăn lộ 500kV tại TBA 500kV Hà Tĩnh	
8	Nhà máy điện mặt trời nổi Sông Rác giai đoạn 2	220		2031-2032	Xây dựng Trạm nâng áp 35/500kV Điện mặt trời Sông Rác và ĐZ 500kV mạch đơn đấu nối Nhà máy với TBA 500kV Hà Tĩnh; Mở rộng 01 ngăn lộ 500kV tại TBA 500kV Hà Tĩnh	
9	Nhà máy điện mặt trời nổi Kê Gồ 1 giai đoạn 1	100	2026-2027		Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối vào thanh cái 220kV của TBA 500kV Hà Tĩnh	
10	Nhà máy điện mặt trời nổi Kê Gồ 1 giai đoạn 1	100		2031-2032	Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối vào thanh cái 220kV của TBA 500kV Hà Tĩnh	
11	Nhà máy điện mặt trời nổi Kê Gồ 2	145		2031-2032	Đấu nối vào TBA 220kV Nhà máy ĐMT nổi hồ Kê Gồ 1	
	Tỉnh Hậu Giang	50		372		
1	ĐMT Sao Mai 1	50	2027		ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối transit vào ĐZ 110kV Long Mỹ - Hồng Dân	
2	ĐMT Sao Mai 1 (mở rộng)	172		2033	XDM ĐZ 4 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ mạch kép 220kV Sóc Trăng 2 - Châu Thành - Ô Môn. Xây dựng mới Trạm biến áp 33/220kV - 450MVA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	ĐMT Sao Mai 2	200		2035	XDM ĐZ 4 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ mạch kép 220kV Nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn. Xây dựng mới Trạm biến áp 33/220kV - 250MVA	
	Thành phố Huế		290	950		
1	NMĐMT Phong Hoà	40	2027		ĐZ 110 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV ĐMT Phong Điền 2 đến TBA 220 kV Phong Điền	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời A Lưới	105	2027		Xây mới ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về trạm 220kV NMTĐ A Lưới xuất tuyến A Lưới - Phong Điền	
3	Nhà máy điện mặt trời Điền Hương	95	2027		Xây mới ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối từ thanh cái 110 kV TBA nâng 22/110 kV Nhà máy điện mặt trời Điền Hương đấu nối vào thanh cái TBA 110 kV Mỹ Thủy.	
4	Nhà máy điện mặt trời Phong Điền III	50	2028		Xây mới ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối vào TBA 110kV Phong Điền II	
5	ĐMT Cầu Hai (giai đoạn 1)	350		2031-2035	ĐZ 220 kV 04 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Huế - Hoà Khánh	
6	ĐMT Tam Giang	600		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép đấu vào TBA 220 kV Phong Điền	
	Tỉnh Khánh Hòa		100			
1	ĐMT Ninh Sim	32	2025-2030			Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Long Sơn - giai đoạn 2	100	2026		Đấu nối vào TBA 220 kV Vân Phong trên cơ sở tận dụng hạ tầng đấu nối của nhà máy điện mặt trời Long Sơn giai đoạn 1, xây dựng 06 mạch đường dây 22 kV NMĐMT Long Sơn giai đoạn 2 về sân phân phối ĐMT Long Sơn giai đoạn 1	
	Tỉnh Kiên Giang		400			
1	Điện mặt trời trên ao nuôi tôm Giang Thành 1	400	2025-2030		Đấu nối bằng cáp 220kV về TBA 220kV Kiên Bình hiện có: - Tại trạm biến áp 35/220kV dự án Điện mặt trời trên ao nuôi tôm Giang Thành 1, lắp đặt 02 MBA 35/220kV - (2x250) MVA và 02 ngăn xuất tuyến 220kV đi TBA Kiên Bình; - XD ĐZ 220kV, mạch kép n đến TBA 220kV Kiên Bình;	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					- Xây dựng 02 ngăn xuất tuyến 220kV mở rộng tại TBA 220kV Kiên Bình.	
	Tỉnh Kon Tum		550			
1	ĐMT KN Ialy Kon Tum	160	2027-2029		XDM ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp 35/110kV tại NMĐMT KN Ialy Kon Tum đến trạm nâng áp 35/110/500kV tại NMĐMT KN Ialy - Gia Lai (điều chỉnh so với phương án đấu nối tại Văn bản số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020).	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Ia Toi DT	140	2026		Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép chuyển tiếp lên ĐZ 220kV NMTĐ Sê San 3A - TBA 500kV Pleiku	
3	ĐMT Đăk Rơ Sa	50	2027		ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về TBA 110kV Tân Mai Đăk Tô	
4	ĐMT FSI Plei Krông (lòng hồ thủy điện Plei Krông) - Giai đoạn 1	75	2028		Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 220kV Kon Tum	
5	ĐMT nối Plei Krông ĐK (giai đoạn 1)	40	2028		Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 220kV Kon Tum	
6	ĐMT Ya Tăng	60	2026		Đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV TĐ Sê San 3A - TĐ Sê San 3 bằng ĐZ 220kV	
7	ĐMT Sê San 3A (trên lòng hồ thủy điện Sê San 3A) - Giai đoạn 1	25	2026		TBA 220kV ĐMT Sê San 3A - 60MVA; ĐZ 220kV mạch đơn ĐMT Sê San 3A - TĐ Sê San 3A; MR 1 ngăn lộ 220kV tại SPP TĐ Sê San 3A	
	Tỉnh Lai Châu	1060		420		
1	Điện mặt trời Bản Chát 1	250	2030		ĐZ 220kV NR Điện mặt trời Bản Chát 1 (ĐZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	
2	Điện mặt trời Bản Chát 2	300	2030		ĐZ 220kV NR Điện mặt trời Bản Chát 2 (ĐZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	
3	Điện mặt trời Huội Quảng 1	100	2028		ĐZ 110kV TBA 110kV NMĐMT Huội Quảng 1 - TBA 220kV NMĐMT Huội Quảng 2, 3	
4	Điện mặt trời Huội Quảng 2	140	2028		TBA 220kV Huội Quảng 2,3, công suất 450MVA và ĐZ 220kV đấu nối transit trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Than Uyên	
5	Điện mặt trời Huội Quảng 3	100	2029		ĐZ 35kV NMĐMT Huội Quảng 3 - TBA 220kV NMĐMT Huội Quảng 2, 3	
6	Điện mặt trời Nậm Manh	80	2028		ĐZ 110kV mạch đơn ĐMT Nậm Manh - TBA 220kV ĐMT Nậm Hàng	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Điện mặt trời Nậm Hàng	90	2028		TBA 220/110/35kV Nậm Hàng, công suất (250+125) MVA và ĐZ 220kV mạch kép ĐMT Nậm Hàng - TBA 500kV Lai Châu	
8	ĐMT nổi trên hồ TĐ Lai Châu	120		2031-2035	ĐZ 220 kV 04 mạch ĐMT nổi trên hồ TĐ Lai Châu - rẽ Lai Châu - Mường Tè	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
9	ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát	200		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát - rẽ Than Uyên - Bản Chát; ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát - rẽ Than Uyên - Huội Quảng	
10	ĐMT nổi Huội Quảng 1 (trên hồ TĐ Huội Quảng)	50		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Huội Quảng 1 - rẽ Than Uyên - Bản Chát	
11	ĐMT nổi Huội Quảng 2 (trên hồ TĐ Huội Quảng)	50		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Huội Quảng 1 - rẽ Than Uyên - Huội Quảng	
C	Tỉnh Lâm Đồng		336	70		
1	ĐMT Tam Bó	40	2026-2030		Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Di Linh - Đa Dâng 3	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Đại Ninh	96	2028		Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đức Trọng - Di Linh	
3	Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Đồng Nai 2	240	2027		Đầu bằng ĐZ 220kV vào TĐ Đồng Nai 2	
4	ĐMT nổi hồ chứa TĐ Krông Nô 3	70		2031-2035	Xây dựng TBA nâng áp 22/110 kV NMĐMT Krông Nô 3	
	Tỉnh Long An		268	116		
1	ĐMT TTC Đức Huệ 2	41,4	2025-2030		ĐZ 110 kV đầu nối TC110kV NM ĐMT TTC Đức Huệ 1 hiện hữu đến TC 110 kV TBA 110 kV Đức Huệ	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 7	80	2029		- ĐZ 220 kV từ trạm 220 kV ĐMT Solar Park đầu về thanh cái 220 kV của TBA 500 kV Đức Hòa. Mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Đức Hòa. - Lắp đặt 1 máy biến áp 220 kV công suất 125 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. - Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đầu nối về máy biến áp 125 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park.	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	NM ĐMT RedSun	60	2025-2030		Đầu nối vào thanh cái 110kV NMĐMT Gaia hiện hữu theo ĐZ mạch kép 110kV truyền tải điện từ nhà máy Điện mặt trời Gaia về trạm 220kV Long An 2	
4	ĐMT Đức Huệ VNT 1	40	2025-2030		ĐZ 220 kV mạch đơn NMĐMT Đức Huệ VNT 1 đầu nối đến thanh cái 220kV TBA 550kV Đức Hòa. Lắp đặt MBA T1 công suất 63MVA	
5	ĐMT Đức Huệ VNT 2	30	2025-2030		Lắp đặt MBA T2 công suất 63MVA tại NMĐMT Đức Huệ VNT 1	
6	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 06 (giai đoạn 1)	16.6	2030		Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đầu nối về máy biến áp 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
7	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 06 (giai đoạn 2)	36		2031	Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đầu nối về máy biến áp 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
8	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 8	80		2031	Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đầu nối về MBA 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
	Tỉnh Nghệ An		360			
1	Nhà máy điện mặt trời hồ Khe Gỗ	200	2029-2030		Đầu nối về thanh cái 110kV của TBA 220kV Quỳnh Lưu	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Vực Mầu	160	2029-2030		Đầu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Quỳnh Lưu - Nghi Sơn	
	Tỉnh Ninh Thuận		1924	3819,5		
1	ĐMT Phước Thái 2	87	2025-2030		Đầu nối vào thanh cái 22 kV TBA 220 kV Phước Thái	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Phước Thái 3	43,5	2025-2030		Đầu nối vào thanh cái 22 kV TBA 220 kV Phước Thái	
3	ĐMT Phước Hữu 2	184	2026-2030		XD ĐZ 220kV mạch kép đầu nối TC TBA 220kV Ninh Phước	
4	ĐMT Phước Trung	40	2026-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
5	Điện mặt trời Bác Ái 7 hồ Sông Cái	70	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐMT Hồ Bác Ái đầu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
6	ĐMT Nhị Hà Solar Farm	80	2025-2030		Xây dựng ĐZ mạch đơn 220kV Đầu về thanh cái 220 kV trạm 500/220 kV Thuận Nam	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Điện mặt trời hồ Sông Sắt	70	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐMT Hồ Sông Sắt đấu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
8	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thẻ	250	2025-2030		Đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - trạm cắt 220kV Quán Thẻ, xây dựng TBA 35/220kV Đông Quán Thẻ với quy mô 03 MBA 35/220kV công suất 160MVA, ĐZ mạch kép 220kV từ TBA 35/220kV Đông Quán Thẻ đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TC Quán Thẻ - TBA 220/500kV Vĩnh Tân.	
9	ĐMT Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt giai đoạn 2	50	2025-2030		Đấu nối về TBA 220kV Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt (hiện hữu của GĐ 1)	
10	ĐMT Hacom Solar Giai đoạn 2	50	2025-2030		Đấu nối về ngăn lộ 220kV TBA 220kV NMĐMT Hacom Solar	
11	Dự án ĐMT hồ CK7	50	2025-2030		Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Thuận Nam	
12	Điện mặt trời Ninh Phước 6.3	50	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐMT Ninh Phước 6.3 đấu nối transit trên ĐZ 220kV Ninh Phước - 500kV Ninh Sơn	
13	ĐMT Hồ Sông Than	50	2025-2030		Đường dây 220kV ĐMT Hồ Sông Than - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
14	ĐMT Hòa Sơn Dốc Dài	400	2025-2030		Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Dốc Dài - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
15	ĐMT Bắc Ái 1	150	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ ĐMT Bắc Ái 1 đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đa Nhím - Tháp Chàm 2	
16	ĐMT Ninh Sơn 1	73,5	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm biến áp 220kV ĐMT Ninh Sơn 1 đấu nối transit trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
17	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thẻ 2	50	2025-2030		Đấu nối về trạm cắt 220kV Quán Thẻ với khối lượng như sau: - Đầu tư MBA T2 35/220kV - 63MVA tại vị trí dự phòng của TBA BIM 3 và các thiết bị đồng bộ, hoàn thiện sơ đồ đấu nối TBA 220kV BIM 3 - Mở rộng 1 ngăn lộ xuất tuyến 220kV TBA BIM 3 đi Trạm cắt Quán Thẻ - Treo mạch 2 đường dây 220kV BIM3 - Trạm cắt Quán Thẻ. - Mở rộng 1 ngăn lộ 220kV tại Trạm cắt Quán Thẻ (271)	
18	ĐMT Hòa Sơn Suối Ông 4	350	2025-2030		Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Suối Ông 4 - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
19	ĐMT Phước Ninh mở rộng GĐ 2	50	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép ACSR 2x330 từ trạm nâng áp 220kV ĐMT Phước Ninh mở rộng đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Thuận Nam đi trạm 500kV Vĩnh Tân	
20	ĐMT Nhị Hà Solar Farm (GĐ2)	50		2031-2035	Xây dựng ĐZ mạch đơn 220kV đấu về thanh cái 220 kV trạm 500/220 kV Thuận Nam	
21	Dự án ĐMT hồ CK7 (GĐ2)	100		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Thuận Nam	
22	Dự án ĐMT Ninh Phước 7	200		2031-2035	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Ninh Sơn	
23	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thê (GĐ2)	50		2031-2035	NMĐMT Đông Quán Thê đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - trạm cắt 220kV Quán Thê, xây dựng TBA 35/220kV Đông Quán Thê với quy mô 03 MBA 35/220kV công suất 160MVA và 02 ngăn xuất tuyến ĐZ 220kV, dự phòng vị trí 01 ngăn ĐZ 220kV đi TBA 220kV Cà Ná. - ĐZ mạch kép 220kV từ TBA 35/220kV Đông Quán Thê đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TC Quán Thê - TBA 220/500kV Vĩnh Tân	
24	ĐMT Hòa Sơn Suối ông 4	50		2031-2035	Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Suối Ông Bốn - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
25	ĐMT Bắc Ái 7 hồ Sông Cái	60		2031-2035	Đấu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
26	Điện mặt trời Ninh Phước	276		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch của ĐZ 220kV Ninh Phước - trạm 500kV Ninh Sơn; với các hạng mục đầu tư xây dựng phục vụ đấu nối như sau: - Xây dựng mới TBA 220kV ĐMT Ninh Phước công suất 2x150MVA để gom công suất NMĐMT Ninh Phước; - Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối NMĐMT Ninh Phước chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV Ninh Phước - trạm 500kV Ninh Sơn.	
27	ĐMT Hồ Bà Râu	80		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Cam Ranh - Tháp Chàm	
28	ĐMT Phước Ninh mở rộng GĐ 2	38		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng áp 220kV ĐMT Phước Ninh mở rộng đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Thuận Nam đi trạm 500kV Vĩnh Tân (sử dụng chung	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					đường dây truyền tải dự án ĐMT Phước Ninh mở rộng GĐ 2 công suất 50 MW)	
29	ĐMT hồ Trà Co	40		2031-2035	Xây dựng 2 mạch ĐZ 220kV ĐMT Hồ Trà Co chuyển tiếp trên một mạch ĐZ 220kV ĐMT Thiên Tân Solar - Nha Trang	
30	ĐMT 7A	50		2031-2035	Gom công suất về TBA 110kV NMĐG 7A hiện hữu bằng ĐZ 22kV mạch kép (truyền tải lên lưới điện quốc gia bằng ĐZ 110kV từ NMĐG 7A đi TBA 220kV Ninh Phước mạch kép	
31	Dự án ĐMT hồ Cho Mo	80		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
32	Điện mặt trời Nhị Hà - Giai đoạn 2	150		2031-2035	Nâng công suất TBA ĐMT 220kV Nhị Hà từ 63MVA thành (63+150)MVA	
33	Điện mặt trời hồ Núi Một 2	80		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2 đấu nối về trạm 220kV Ninh Phước	
34	ĐMT hồ Tân Giang	50		2031-2035	Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2. Các hạng mục đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp 220kV phục vụ đấu nối như sau: + Xây dựng TBA 22/220kV NMĐMT hồ Tân Giang công suất 1x50MVA; + Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đầu vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2 + Đầu tư mở rộng 1 ngăn lộ ĐZ 220kV tại TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2.	
35	ĐMT Hồ Tà Ranh	39.5		2031-2035	Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2	
36	ĐMT Thuận Nam 11	50		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Ninh Phước	
37	ĐMT Hòn Khô	120		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
38	Nhà máy Điện mặt trời Bắc Ái 14	80		2031-2035	Đường dây 110kV mạch kép ĐMT Bắc Ái 14 - TBA 220kV Tháp Chàm	
39	Nhà máy điện mặt trời HIẾU THIỆN	120		2031-2035	Đấu nối thanh cái 220kV trạm 220 KV Ninh Phước	
40	Nhà máy điện mặt trời Phước Chiến	200		2031-2035	ĐZ 220kV từ NMĐG Bắc Sơn đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
41	Nhà máy điện mặt trời Tây Quán Thê	100		2031-2035	Đấu nối về ngăn lộ 110kV của MBA 35/110/220kV-250MVA hiện hữu thuộc TBA 220kV ĐMT Bim 2. Đấu nối lên lưới 220kV thông qua ĐZ 220kV BIM2-Trạm cắt Quán Thê - rẽ Vĩnh Tân - Thuận Nam; - Mở rộng 1 ngăn lộ xuất tuyến 220kV TBA BIM 2 - Treo mạch 2 ĐZ 220kV BIM2 - Trạm cắt Quán Thê; - Mở rộng 1 ngăn lộ 220kV tại vị trí dự phòng tại Trạm cắt Quán Thê (276).	
42	Nhà máy điện mặt trời Tri Hải	100		2031-2035	Nhà máy điện mặt trời Tri Hải đấu nối về TBA 220kV NMĐG Tri Hải với khối lượng như sau: - Đầu tư MBA T2 33/220kV - công suất 125MVA. Nhà máy điện mặt trời Tri Hải đấu nối MBA T2. - Đầu tư mở rộng các ngăn lộ 220kV tại TBA 220kV NMĐG Tri Hải đồng bộ với MBA T2.	
43	Dự án Điện mặt trời kết hợp sản xuất Hydrogen xanh Nhị Hà 5	160		2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu nối về 220kV Nhị Hà (250+125)MVA	
44	Dự án Điện mặt trời kết hợp sản xuất Hydrogen xanh Thuận Nam 1	140		2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu chuyển tiếp trên 2 mạch Phước Thái - Ninh Phước (250+125) MVA	
45	Nhà máy điện mặt trời Ninh Sơn 2	90		2031-2035	Đề xuất xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
46	Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 2	160		2031-2035	Xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào TBA 500kV Ninh Sơn	
47	Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 3	200		2031-2035	Đề xuất xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
48	Nhà máy Điện mặt trời Nhị Hà	100		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ TBA 110kV NMĐMT Nhị Hà đến đấu nối vào TBA 110kV KCN Cà Ná	
49	Dự án Điện mặt trời Thái Vinh 1	120		2031-2035	220kV đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm Phước Thái - (2x250)MVA	
50	Dự án Điện mặt trời Thái Vinh 2	120		2031-2035	220kV đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm Phước Thái - (2x250)MVA	
51	Dự án Điện mặt trời Quảng Sơn 2	96		2031-2035	220kV đấu nối đến 500kV Ninh Sơn - (250+150) MVA, chung đấu nối với Quảng Sơn 1	
52	Nhà máy điện mặt trời Thái Vinh 3	120		2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu nối về 220kV Phước Thái - 250MVA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
53	Nhà máy điện mặt trời mặt trời Bắc Ái 11 kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS)	100		2031-2035	Đấu nối nhà máy ĐMT Bắc Ái 11 bằng ĐZ mạch kép chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Tháp Chàm	
54	Nhà máy điện mặt trời mặt trời Phước Hà kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS)	100		2031-2035	Dự kiến đấu nối chuyển tiếp lên 01 mạch ĐZ 220 kV Thuận Nam - Ninh Phước	
55	Nhà máy điện mặt trời Bắc Ái 1.1	150		2031-2035	Xây dựng mới TBA 22kV/220kV, công suất 2x125MVA đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đa Nhim - Nha Trang hiện có	
	Tỉnh Phú Thọ		100			
1	Điện năng lượng mặt trời tập trung	100	2026-2030		Đấu nối vào lưới điện trung, hạ áp	
	Tỉnh Phú Yên		955			
1	ĐMT nổi hồ Sông Hinh	200	2028-2029		ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV TĐ Sông Hinh	
2	ĐMT nổi Hồ Sông Hinh 3	200	2028-2029		ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV TĐ Sông Hinh	
3	Nhà máy điện mặt trời nổi trên lòng hồ Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ	220	2028-2029		XDM TBA 220kV ĐMT nổi Sông Ba Hạ công suất 50MVA. Xây dựng ĐZ 220kV ĐMT nổi Sông Ba Hạ - TĐ Sông Ba Hạ.	
4	Nhà máy Điện mặt trời Tây Hòa 1	50	2028-2029		ĐZ 110 kV Đấu nối vào trạm 220kV ĐMT Tây Hòa 3	
5	Nhà máy điện ĐMT Tây Hòa 2	60	2028-2029		Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110kV Sơn Hòa - 220kV Tuy Hòa	
6	Nhà máy điện ĐMT Tây Hòa 3	70	2028-2029		Chuyển tiếp vào ĐZ 220kV TBA Tuy Hòa - TĐ Sông Ba Hạ	
7	Nhà máy ĐMT Đa Lộc Phú Yên	55	2028-2029		Đường dây 110kV đấu nối vào TBA 110kV Đồng Xuân	
8	Nhà máy ĐMT Xuân Quang Phú Yên	100	2028-2029		Đường dây 110kV đấu nối vào TBA 110kV Đồng Xuân	
	Tỉnh Quảng Bình		410			
1	Nhà máy điện mặt trời Lệ Thủy	60	2025-2030	2030	XDM trạm 220kV ĐMT Lệ Thủy công suất 2x125MVA; Xây dựng mới ĐZ mạch kép đấu trạm 220kV ĐMT Lệ Thủy chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - ĐG B&T1.	
2	Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 1	120	2025-2030	2028	Chuyển tiếp lên ĐZ 220kV mạch kép Đồng Hới - Ba Đồn	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 2	80	2025-2030	2028	Chuyển tiếp lên ĐZ 220kV mạch kép Đồng Hới - Ba Đồn	
4	Dự án điện mặt trời tích hợp hệ thống pin lưu trữ 240 MWh Quảng Bình	150	2025-2030	2028	Đấu nối vào ĐZ, TBA 220 kV BT1 và TBA 220KV BT2	
	Tỉnh Quảng Ngãi	140				
1	ĐMT Đàm Nước Mặn	40	2030		Đấu nối ở cấp điện áp 110 kV	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Lâm Bình	100	2030		Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Quảng Ngãi - Phù Mỹ	
	Tỉnh Quảng Ninh		390			
1	ĐMT (Hồ) Yên Lập	140	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Trảng Bạch - Yên Hưng - ND Uông Bí	
2	ĐMT (Hồ) Khe Chè	50	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV ND Phả Lại - ND Mạo Khê	
3	ĐMT (Hồ) Quất Đông	50	2027-2028		ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110kV Hải Hà - Texhong - Móng Cái	
4	ĐMT (Hồ) Đàm Hà Động	50	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép, đấu nối transit vào ĐZ 220kV Cẩm Phả - Hải Hà	
5	ĐMT Đàm Hà	100	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép, đấu nối transit vào ĐZ 220kV Cẩm Phả - Hải Hà	
	Tỉnh Quảng Trị		270	581		
1	Dự án điện mặt trời nổi Triệu Thượng 1,2	70	2025-2030		Đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 110kV Trạm 220kV Đông Hà - Trạm 220kV Phong Điền	
2	Dự án điện mặt trời Triệu Sơn 1	50	2025-2030		Đấu nối về TBA 110 kV Mỹ Thủy	
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời Trúc Kinh 2	100	2025-2030		XDM ĐZ 220 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đông Hà - Đồng Hới	
4	Dự án Nhà máy điện mặt trời Hà Thượng	50	2025-2030		XDM ĐZ 220 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đông Hà - Đồng Hới	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Dự án điện mặt trời Hải Quy, huyện Hải Lăng	50		2031-2035	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối từ Nhà máy điện mặt trời Hải Quy đến thanh cái 110kV của TBA 110kV Diên Sanh hiện có	
6	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 1	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220KV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
7	Dự án điện mặt trời Hải Dương, huyện Hải Lăng	65		2031-2035	Đấu nối cấp điện áp 110kV về thanh cái TBA 110kV Mỹ Thủy bằng ĐZ 110kV mạch đơn	
8	Dự án điện mặt trời nổi Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị 2	40		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ NM ĐMT nổi Quảng Trị đến TBA 220kV Lao Bảo	
9	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 2	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220KV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
10	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi hồ Trúc Kinh 3	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng áp nhà máy ĐMT nổi hồ Trúc Kinh - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
11	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi Bảo Đài	96		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV 2 mạch phân pha từ TBA 220kV Bảo Đài đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
12	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi La Ngà	70		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV La Ngà đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
13	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Đập Trầm	140		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 110kV của TBA Diên Sanh	
	Tỉnh Sóc Trăng		50			
1	ĐMT Phân trường Thạnh Trị	50	2030		ĐZ 110 kV mạch đơn đấu về thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị. Mở rộng thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị.	
	Tỉnh Sơn La		3315	1050		
1	Bắc Yên 1	55	2028		- Xây dựng trạm 220 kV ĐMT Bắc Yên 1, công suất 200 MVA để truyền tải công suất của các nhà máy ĐMT Bắc Yên 1 (55 MW), NM ĐMT Bắc Yên 2 (50 MW), NM ĐMT Bắc Yên 3 (50 MW). - Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220 kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ.	
2	Bắc Yên 2	50	2028		- Xây dựng trạm biến áp 22 kV Bắc Yên 2. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 2 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Bắc Yên 3	50	2028		- Xây dựng trạm biến áp 22 KV Bắc Yên 3. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 3 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	
4	Mai Sơn 1	50	2028		Xây dựng TBA 220 kV công suất 150 MVA tại khu vực bản Tân Thảo, xã Cò Nòi để truyền tải công suất của Mai Sơn 2 50 MW và Mai Sơn 3 công suất 60 MW; Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Sơn La - Việt Trì	
5	Mai Sơn 2	60	2028		Xây dựng ĐZ 35kV 4 mạch đầu nối về phía 35kV trạm 220kV Mai Sơn 2	
6	Mường La 1	40	2028		TBA và ĐZ 220kV mạch kép đầu nối ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	
7	Mường La 2	50	2029		Đường dây 220kV đầu nối TBA 220kV Mường La 1	
8	ĐMT nổi lòng hồ thủy điện Sơn La	800	2027-2029		Xây dựng TBA nâng áp và ĐZ 500kV đầu nối TBA 500kV Sơn La	
9	Sông Mã 1	50	2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
10	Sông Mã 2	50	2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
11	Sông Mã 3	60	2030		- Xây dựng trạm 110 kV Điện Mặt trời Sông Mã 3 công suất 100MVA - Xây dựng ĐZ 110 kV mạch đơn đầu vào TBA 110 kV thủy điện Mường Lầm	
12	Tổ hợp sản xuất điện sạch tích năng Chim Ván - Cụm nhà máy ĐMT và Pin tích năng Phiêng Pằn	1000	2027-2030		Xây dựng ĐZ và TBA 500kV ĐMT Phiêng Pằn đầu nối TBA 500kV Mai Sơn 8	
13	Mai Sơn 4	75	2028		Xây dựng ĐZ 110 kV đầu nối về trạm 500 kV Mai Sơn	
14	Mai Sơn 5	210	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ Trạm 110kV Mai Sơn 5 đầu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
15	Mai Sơn 6	75	2028		Đầu nối về phía 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
16	Mai Sơn 7	270	2028		Xây dựng trạm 500 kV Mai Sơn 7 công suất 2700 MMA; Xây dựng ĐZ 500 kV từ TBA 500kV Mai Sơn - Việt Trì	
17	Mai Sơn 8	85	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Mai Sơn 8 đầu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
18	Mai Sơn 9	70	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Mai Sơn 9 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
19	Yên Châu 4	135	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Yên Châu 4 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
20	Yên Châu 5	80	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Yên Châu 5 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
21	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.1 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nối Sơn La 1.1 - rẽ Sơn La - Điện Biên	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
22	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nối Sơn La 1.2 - ĐMT nối Sơn La 1.1	
23	Dự án ĐMT nối Sơn La 2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV 4 mạch ĐMT nối Sơn La 2 - rẽ Huội Quảng - Sơn La	
	Tỉnh Tây Ninh		450	314		
1	Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 5	450	2025-2030		Xây dựng mới TBA 220kV Dầu Tiếng 5 và ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Dầu Tiếng 5 đấu nối TBA 220kV Tây Ninh.	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Tân Châu - Tuấn Dung giai đoạn 1	314		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Bình Long - Tây Ninh	
	Tỉnh Thái Nguyên		220			
1	Nhà máy điện mặt trời nổi Hồ Núi Cốc	220	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái trạm 110kV Hồ Núi Cốc	
	Tỉnh Thanh Hóa		333	52		
1	Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thanh Hóa I	128	2030		ĐZ 110kV bốn mạch từ trạm nâng áp 22/110kV ĐMT Thanh Hóa 1 đấu chuyển tiếp trên 02 mạch ĐZ 110kV từ 220kV Nghi Sơn - 220kV Thanh Hóa	
2	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Lặc	45	2029		ĐZ 110kV ĐMT Ngọc Lặc - Ngọc Lặc	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
3	Điện mặt trời Long Sơn - Thanh Hóa	80	2028		Đường dây 110kV mạch kép, từ trạm nâng áp 22/110 kV ĐMT Long Sơn đấu nối về thanh cái TBA 110kV XM Long Sơn 2	
4	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 1	80	2027		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐMT hồ Yên Mỹ chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nông Cống - Nghi Sơn	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 2	52		2031-2035	Đấu nối vào đường dây 110kV/220kV hiện trạng	
	Tỉnh Trà Vinh		50			
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời Trà Vinh - Giai đoạn 2	50	2026		- Lắp đặt thêm MBA 1x63MVA đấu nối vào TBA 220 kV nhà máy điện mặt trời Trung Nam - Trà Vinh hiện hữu. - Nâng cấp tuyến ĐZ 220KV NMĐMT Trung Nam Trà Vinh - Đấu nối TBA 500kV Duyên Hải hiện hữu	
	Tỉnh Tuyên Quang		198	200		
1	Các dự án điện mặt trời nổi lưới	198	2025-2030		Đấu nối vào lưới phân phối 110kV, trung áp, hạ áp tại địa phương	
2	Dự án ĐMT nổi Tuyên Quang 1 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	80		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Tuyên Quang 1 - ĐMT nổi Tuyên Quang 2	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
3	Dự án ĐMT nổi Tuyên Quang 2 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	120		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nổi Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Bắc Kạn; ĐZ 220 kV ĐMT nổi Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Yên Sơn	
	Tỉnh Vĩnh Long	50				
1	Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Long 1	50	2026-2030		Đường dây 110kV mạch kép NMĐMT Vĩnh Long 1 đấu nối vào ĐZ 110kV Bình Minh - Cầu Kè	
	Tỉnh Yên Bái	1630				
1	ĐMT Yên Bình	500	2027-2029		- Đối với Cụm Cẩm Ân: XDM TBA tăng áp 22/220kV công suất 3x63MVA. XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐ MT Yên Bình chuyển tiếp 1 mạch ĐZ 220kV Bảo Thắng - Yên Bái; - Đối với cụm Phúc An: XDM TBA 22/220kV công suất 7x63MVA, XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐ MT Yên Bình chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
2	ĐMT nổi Hồ Thác Bà	500	2026-2027		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về thanh cái 220kV trạm 220kV Yên Bái.	
3	ĐMT Mỹ Gia 2	580	2027-2029		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 220kV nhà máy ĐMT nổi hồ Thác Bà đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
4	ĐMT Tân Lĩnh	50	2030		Xây dựng TBA tăng áp 22/110kV công suất 1x63MVA; Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Nhà máy điện mặt trời Tân Lĩnh đấu nối vào ngăn lộ 110kV TBA 220kV Lục Yên	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	TP Cần Thơ	50				
1	ĐMT tập trung	50	2025-2030		Đấu nối vào lưới điện phân phối trung, hạ áp	
	Tỉnh Lào Cai	100				
1	ĐMT tập trung khác	100	2025-2030		Phương án đấu nối dự kiến được đề xuất trong kỳ tiếp theo	
	Tỉnh Hà Nam	50				
1	ĐMT tập trung tỉnh Hà Nam	50	2025-2030		Đấu nối bằng cấp điện áp 35 kV	

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 15: Danh mục các dự án điện sinh khối có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Yên Bái	158		
1	Nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1	50	2027	QĐ 262/QĐ-TTg. ĐZ 110kV mạch đơn đấu về TBA 110 kV Văn Yên
2	Nhà máy điện sinh khối Trường Minh	58	2030	QĐ 262/QĐ-TTg. XDM ĐZ 220 kV Trường Minh - Yên Bái
3	Điện sinh khối Lục Yên	50	32 MW vận hành năm 2029; 18 MW vận hành năm 2031	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Lục Yên - Bảo Thắng
	Tỉnh Bắc Kạn	50		
1	NMĐ sinh khối Bắc Kạn 1	50	2028	QĐ 1682/QĐ-TTg (35 MW), điều chỉnh công suất. ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Bắc Kạn 1 - rẽ Bắc Kạn - Phú Lương
	Tỉnh Lào Cai	50		
1	ĐSK Bảo Thắng	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất. XDM ĐZ 110 kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TBA Gang thép Lào Cai - TBA 220 kV Bảo Thắng
	Tỉnh Tuyên Quang	100		
1	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang	50	2028	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang (GĐ 2)	50	32 MW GĐ 2025-2030, 18 MW GĐ 2031-2035	ĐZ 110 kV mạch kép Hàm Yên - Xi măng Tân Quang
	Tỉnh Phú Thọ	50		
1	Nhà máy điện sinh khối Phú Thọ	50	20 MW GĐ 2025-2030, 30 MW GĐ 2031-2035	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Phố Vàng - Tân Sơn
	Tỉnh An Giang	104		
1	Nhà máy điện sinh khối An Giang 1	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg. XDM ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối vào TBA 110 kV Tri Tôn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
2	Nhà máy điện sinh khối An Giang 2	54	2031-2035	ĐZ 110 kV NMĐ sinh khối An Giang 2 - Cái Dầu
	Tỉnh Điện Biên	55		
1	NMĐ sinh khối Mường Nhé (Nậm Kè - 30 MW và Chung Chải - 25 MW)	55	2026-2030	ĐZ 110 kV mạch kép NMĐ sinh khối MSS Chung Chải - TBA 220 kV Nậm Pồ
	Tỉnh Hoà Bình	100		
1	NMĐ sinh khối Hoà Bình	100	75 MW vận hành năm 2029; 25 MW vận hành năm 2031	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất lên 75 MW GĐ 2025-2030, XDM ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Hoà Bình - Xuân Thiện
	Tỉnh Phú Yên	50		
1	Dự án điện sinh khối Thuận Phát	50	2028-2029	ĐZ 110 kV đấu nối vào ĐZ 110 kV Sông Hinh - Tuy Hòa
	Tỉnh Quảng Bình	172		
1	NMĐ sinh khối Quảng Bình	50	2029	QĐ 1682/QĐ-TTg (10 MW), điều chỉnh tăng thêm 40 MW. ĐZ 110 kV mạch đơn đấu vào TBA 110 kV Tây Bắc Quán Hâu
2	NMĐ sinh khối PIR-1 Quảng Bình	50	2028	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Áng Sơn - Vĩnh Linh
3	NMĐ sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 1	58	2028	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
4	NMĐ sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 2	14	2033	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
	Tỉnh Quảng Nam	100		
1	Dự án Điện Sinh khối Tiên Phước	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
2	Dự án Điện Sinh khối Quảng Nam	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
	Tỉnh Quảng Ngãi	50		
1	Điện sinh khối Tư Nghĩa	50	7 MW GĐ 2025-2030; 43 MW GĐ 2031-2035	Đấu nối bằng ĐZ 110 kV về TBA 110 kV Quảng Phú
	Tỉnh Thanh Hóa	110		

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Điện sinh khối Thanh Hóa 1	50	2029	Đầu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Ngọc Lặc - Thiệu Yên
2	Điện sinh khối Thanh Hóa 2	60	2029	Đầu nối chuyển tiếp trên mạch 2 ĐZ 110 kV Thiệu Yên - Bá Thước
	Tỉnh Bình Định	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Định	50	2028 - 2029	ĐZ 110 kV NMĐ sinh khối Bình Định - Phù Cát
	Tỉnh Đắk Lắk	120		
1	NMĐ sinh khối Đắk Lắk	120	2025-2028	ĐZ 220kV mạch đơn từ NMĐ sinh khối Đắk Lắk - Krông Ana, TBA nâng phù hợp công suất NMĐ
	Tỉnh Gia Lai	106		
1	Nâng công suất NMĐ sinh khối An Khê (mở rộng)	40	2027	Công suất hiện hữu là 95 MW, mở rộng thêm 40 MW. ĐZ 220 kV đầu nối vào TBA 220 kV NMĐ sinh khối An Khê hiện hữu. Thay MBA 63 MVA bằng MBA 115 MVA.
2	Cụm NMĐ sinh khối xã Gào (3 nhà máy)	66	2035	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Diên Hồng - Chư Sê
	TP Cần Thơ	150		
1	NMĐ sinh khối Cần Thơ	150	2025-2035	ĐZ 110 kV Long Xuyên 2 - Vĩnh Thạnh
	Tỉnh Long An	75		
1	NMĐ sinh khối Long An	75	33 MW vận hành 2028 42 MW vận hành 2032	QĐ 1682/QĐ-TTg (13 MW). Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV NMĐMT GAIA - Long An 2
	Tỉnh Bình Phước	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Phước	50	2025-2030	Đầu nối vào TBA 110 kV Bình Long
	Tổng công suất	1.700		

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đầu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 16: Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	TP. Hà Nội	150		
1	Dự án Nhà máy điện rác Sóc Sơn	90	2025	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Dự án cải tạo môi trường và đốt rác phát điện Hà Nội	60	2029	ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối từ TBA 110 kV của Dự án về TC 110 kV TBA 220 kV Sóc Sơn
	TP. Hồ Chí Minh	260		
1	Dự án nhà máy đốt rác phát điện Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam (VWS)	60	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Trạm 220 kV Bình Chánh - Trạm 110 kV DEPOT Đa Phước
2	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 1 (điều chỉnh công suất từ 40 MW lên thành 60 MW)	60	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đấu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đấu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
3	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 2	140	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đấu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đấu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
	Tổng công suất	410		

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 17: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2030

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến	
			Tên dự án	Công suất (MW)
1	ĐGNK Bắc Bộ 1	1500	ĐGNK Bắc Bộ 1.1	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.2	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.3	500
2	ĐGNK Bắc Bộ 2	500	ĐGNK Bắc Bộ 2	500
3	ĐGNK Bắc Bộ 3	500	ĐGNK Bắc Bộ 3	500
4	ĐGNK Nam Trung Bộ 1	1500	ĐGNK Nam Trung Bộ 1.1	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.2	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.3	500
5	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500
6	ĐGNK Nam Bộ 1	500	ĐGNK Nam Bộ 1	500
7	ĐGNK Nam Bộ 2	500	ĐGNK Nam Bộ 2	500
8	ĐGNK Nam Bộ 3 (*)	500	ĐGNK Nam Bộ 3	500

Ghi chú:

- Các dự án cần có giải pháp để bảo đảm tiến độ vận hành theo quy hoạch được duyệt. Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Dự án điều chuyển từ khu vực Trung Trung Bộ sang Nam Bộ.

Bảng 18: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2035 (MW)

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến		Dự kiến Điểm gom công suất	Năm vận hành
			Tên dự án thành phần	Công suất (MW)		
I	Bắc Bộ	11200				
1	Bắc Bộ 1	2200	Bắc Bộ 1.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.2 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.3 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.4	700	Trạm BB 1	2031-2035
2	Bắc Bộ 2	1000	Bắc Bộ 2.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 2.2	500	Trạm BB 1	2031-2035
3	Bắc Bộ 3	1000	Bắc Bộ 3.1 (*)	500	Trạm BB 3	2025-2030
			Bắc Bộ 3.2	500	Trạm BB 3	2031-2035
4	Bắc Bộ 4	1000	Bắc Bộ 4	1000	Trạm BB 2	2031-2035
5	Bắc Bộ 5	1000	Bắc Bộ 5	1000	Trạm BB 2	2031-2035
6	Bắc Bộ 6	1000	Bắc Bộ 6	1000	Trạm BB 2	2031-2035
7	Bắc Bộ 7	1000	Bắc Bộ 7	1000	Trạm BB 2	2031-2035
8	Bắc Bộ 8	1000	Bắc Bộ 8	1000	Trạm BB 3	2031-2035
9	Bắc Bộ 9	1000	Bắc Bộ 9	1000	Trạm BB 4	2031-2035
10	Bắc Bộ 10	1000	Bắc Bộ 10	1000	Trạm BB 4	2031-2035
II	Nam Trung Bộ	4300				
1	Nam Trung Bộ 1	2000	Nam Trung Bộ 1.1 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.2 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.3 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.4	500	Trạm NTB1	2031-2035
2	Nam Trung Bộ 2	1000	Nam Trung Bộ 2.1 (*)	500	Trạm NTB2	2025-2030
			Nam Trung Bộ 2.2	500	Trạm NTB2	2031-2035
3	Nam Trung Bộ 3	1300	Nam Trung Bộ 3	1300	Trạm NTB3	2031-2035
III	Nam Bộ	1500				
1	Nam Bộ 1	500	Nam Bộ 1 (*)	500	Trạm NB1	2025-2030
2	Nam Bộ 2	500	Nam Bộ 2 (*)	500	Trạm NB2	2025-2030
3	Nam Bộ 3	500	Nam Bộ 3 (*)	500	Trạm NB3	2025-2030
	Tổng	17000				

Ghi chú:

- Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Các dự án đã xác định giai đoạn đến năm 2030 tại Bảng 18.

Bảng 19: Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Tỉnh/Thành phố	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình	300	Ninh Bình	2027	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình 2	1200	Ninh Bình	2030	
3	Nhà máy điện linh hoạt Hải Dương	1200	Hải Dương	2025 - 2035	
4	Nhiệt điện linh hoạt tăng thêm (*)	Khoảng 6.530		2025 - 2035	

Ghi chú:

(*) Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt tăng thêm sẽ được làm rõ theo quy định của pháp luật.

- Nhiên liệu sử dụng cho các dự án nhiệt điện linh hoạt sẽ chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Bảng 20: Các dự án tiềm năng xuất khẩu điện

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Loại nguồn	Ghi chú
1	Các dự án xuất khẩu ĐGNK	8.000-10.000	Điện gió ngoài khơi	Trên cơ sở đề xuất của Singapore, Malaysia và các nước khác
2	Khu vực điện gió ngoài khơi TGS Duyên Hải	2.000	Điện gió ngoài khơi	Tỉnh Trà Vinh đề xuất
3	Xuất khẩu điện tỉnh Cà Mau	2.000-5.000	Các nguồn từ NLTT	Tỉnh Cà Mau
4	Dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu 5	10.000	Điện gió ngoài khơi xuất khẩu	Tỉnh Bạc Liêu đề xuất

Ghi chú:

Các dự án xuất khẩu điện được phép phát triển trên cơ sở đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh quốc phòng và các điều kiện kinh tế, kỹ thuật.

Phụ lục II.2
DANH MỤC LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG MỚI
ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2035

Bảng 1: Danh mục các công trình UHVDC giai đoạn 2031-2035

TT	Tên công trình	Quy mô (km/MW)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2026-2030				
1	Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	3000 MW	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu XD trạm chuyển đổi Back-to-Back trên lãnh thổ Việt Nam.	x	
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1	2x700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Vũng Áng, Quảng Bình, Quảng Trị. Xem xét phương án tận dụng hướng tuyến đường dây 500kV Quảng Trị - Vũng Áng - Nho Quan cũ.	x	
2	Trạm converter Trung Trung Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Bình, Quảng Trị	x	
3	Trạm converter Bắc Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Giang	x	
4	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 2 – Bắc Bộ 2	2x1050km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
5	Trạm converter Trung Trung Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Ngãi	x	
6	Trạm converter Bắc Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực các huyện phía Tây Hà Nội.	x	
7	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Nam Trung Bộ – Bắc Bộ 3	2x1550km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Dự phòng trường hợp phát triển cao hơn của nguồn điện Nam Trung Bộ.	x	
8	Trạm converter Nam Trung Bộ	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Ninh Thuận	x	

9	Trạm converter Bắc Bộ 3	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hưng Yên.	x	
10	Đường dây từ Bà Rịa - Vũng Tàu ra Hải Phòng	2x1700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực miền Nam.	x	

Ghi chú:

Các hệ thống HVDC truyền tải liên vùng, khoảng cách truyền tải lớn (gồm các đường dây HVDC và các trạm chuyển đổi converter AC-DC, DC-AC) có chi phí đầu tư rất lớn. Cần nghiên cứu kỹ, đánh giá tổng thể khi triển khai thực hiện các hệ thống này căn cứ tiến độ triển khai các dự án nguồn điện (bao gồm nguồn điện nền và nguồn NLTT), gắn với tín hiệu thị trường và cơ chế chính sách.

**Bảng 2: Định hướng các đường dây và trạm biến áp UHVAC 765÷1000 kV
giai đoạn 2031-2035**

STT	Tên công trình	Quy mô (km/MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1	600km	Trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến ĐZ sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
2	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2	600km	Trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
3	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
4	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
5	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
6	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	

Ghi chú:

Sự xuất hiện của hệ thống truyền tải cực siêu cao UHVAC 765-1000 kV kết nối Nam Trung Bộ - Nam Bộ trong bảng trên gắn với quy mô phát triển nguồn điện tại Nam Trung Bộ (ĐHN Ninh Thuận 3,4, điện mặt trời, điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi), cần có thêm các nghiên cứu về tính khả thi và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật tổng thể.

Bảng 3: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Tây Hà Nội	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Sơn Tây	1800	Xây mới	x	
3	Nam Hà Nội	1800	Xây mới	x	
4	Đan Phượng	1800	Xây mới, xem xét nối cấp trạm 220kV Đan Phượng	x	
5	Hải Phòng	1800	Xây mới	x	
6	Hải Phòng 2	1800	Xây mới	x	
7	BB 1 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
8	Gia Lộc	900	Xây mới	x	
9	Phổ Nối	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
10	Hưng Yên 1	1800	Xây mới, đổi tên từ TBA 500 kV Long Biên trong Quy hoạch điện VIII	x	
11	Hưng Yên 2	900	Xây mới	x	
12	Nam Định	1800	Xây mới, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là NĐ Nam Định, NMNĐ Nam Định 1	x	
13	Thái Bình	1200	Xây mới	x	
14	Trạm cắt Hòa Bình 2	Trạm cắt	Xây mới trạm cắt	x	
15	Lào Cai	2700	Xây mới	x	
16	Lạng Sơn	1800	Xây mới		x
17	Yên Bái (*)	1800	Xây mới		x
18	Thái Nguyên	1800	Xây mới	x	
19	Việt Trì	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
20	Vĩnh Yên	1800	Xây mới	x	
21	Bắc Giang	900	Xây mới	x	
22	Yên Thế	900	Xây mới	x	
23	Bắc Ninh	1800	Xây mới	x	
24	Bắc Ninh 2	1800	Xây mới	x	
25	Quảng Ninh	1,800	Xây mới	x	
26	Lai Châu	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
27	Than Uyên	2700	Xây mới		x
28	Điện Biên	2700	Xây mới		x
29	Sơn La 1 (*)	1800	Xây mới		x
30	Sơn La 2 (*)	1800	Xây mới		x
31	Hòa Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
32	Nghi Sơn	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
33	Thanh Hóa	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
34	Nam Cấm		Xây mới trạm cắt phục vụ đầu nối nhập khẩu điện từ Lào		x
35	Quỳnh Lưu	1800	Xây mới	x	
36	Hà Tĩnh 2	2700	Xây mới		x
37	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	4500	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Thường Tín	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Đông Anh	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Tây Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
4	Nam Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
5	Đan Phượng	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
6	Vân Trì	1800	Xây mới	x	
7	Hải Phòng 2	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	BB 1 (*)	3600	Cải tạo, nâng công suất		x
9	BB 2 (*)	3600	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
10	Gia Lộc	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
11	Hưng Yên 1	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
12	Hưng Yên 2	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
13	Hà Nam	1800	Xây mới	x	

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
14	Nam Định	2700	Cải tạo, nâng công suất, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là NĐ Nam Định, NMNĐ Nam Định 1	x	
15	Nam Định 2	900	Xây mới	x	
16	Nam Định 3	1800	Xây mới, đồng bộ với phụ tải KKT Ninh Cơ (theo đề nghị của UBND tỉnh Nam Định tại Văn bản số 06/UBND-VP5 ngày 03/01/2025) và trong trường hợp phát triển phụ tải chuyên dùng khi TBA 220 kV không đảm bảo cấp điện. Xem xét quy mô tới 3.600 MVA khi nhu cầu phụ tải phát triển mạnh; xem xét đầu nối các nguồn ĐGNK và LNG tự sản tự tiêu để cấp điện cho phụ tải này		x
17	Thái Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
18	BB 4 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
19	Lạng Sơn 2 (*)	1800	Xây mới		x
20	Hà Giang	1800	Xây mới	x	
21	Thái Nguyên 2	900	Xây mới	x	
22	Phú Thọ	1800	Xây mới	x	
23	Vĩnh Tường	1800	Xây mới	x	
24	Bắc Giang	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
25	Yên Thế	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
26	Bắc Ninh	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
27	Bắc Ninh 2	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
28	Bắc Ninh 3	1800	Xây mới	x	
29	BB 3 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
30	Hải Hà	900	Xây mới		x
31	Quảng Ninh 2	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
32	NLTT Lai Châu 1 (*)	1800	Xây mới		x
33	Sơn La	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
34	Thanh Hóa	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
35	Tĩnh Gia	1800	Xây mới	x	
36	Nam Cẩm	900	Lắp bổ sung MBA tại trạm cắt phục vụ cấp điện cho phụ tải địa phương (nếu cần), xem xét nối cấp trạm 220kV Nam Cẩm (nếu cần)	x	

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
37	Hà Tĩnh	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
38	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2700	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
39	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x

Bảng 4: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030						
1	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1	x	75	Cải tạo một mạch thành hai mạch	x	
2	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Đan Phượng	x	
3	Hung Yên 1 - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2	x	8	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 1, thay thế cho đường dây 500 kV Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín trong Quy hoạch điện VIII	x	
4	Hung Yên 2 - Hưng Yên 1	2	x	35	Đầu nối TBA 500kV Hưng Yên 2	x	
5	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội	x	
6	Sơn Tây - Đan Phượng	2	x	20	Đầu nối TBA 500 kV Sơn Tây	x	
7	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2	x	70	Xây mới	x	
8	BB 1 - Hải Phòng (*)	2	x	25	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
9	Hải Phòng - Thái Bình	2	x	38	Đầu nối TBA 500 kV Hải Phòng. Vận hành năm 2025.	x	
10	Quảng Ninh 2 - Rẽ Quảng Ninh - Phố Nối và NĐ Thăng Long - Phố Nối	4	x	5	Xây mới	x	
11	Hải Phòng - Hải Phòng 2	2	x	20	Xây mới	x	
12	BB1 - Quảng Ninh 2 (*)	2	x	60	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
13	Gia Lộc - Rẽ Thái Bình - Phố Nối	4	x	13	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc	x	
14	Thái Bình - Rẽ NMNĐ Nam Định 1 - Phố Nối	4	x	1	Đầu nối TBA 500 kV Thái Bình	x	
15	Nam Định - Rẽ Thanh Hóa - Phố Nối	4	x	1	Xây mới, đầu nối, hoàn thiện sơ đồ TBA 500kV Nam Định.	x	
16	Sam Nuea - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	110	Xây mới		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
17	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan và Sơn La - Nho Quan	4	x	5	Xây mới	x	
18	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2	x	80	Xây mới	x	
19	Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào Cai	2	x	65	Mua điện Trung Quốc	x	
20	Lào Cai - Vĩnh Yên	2	x	210	Đấu nối TBA 500 kV Lào Cai, giải tỏa Thủy điện nhỏ và dự phòng mua điện Trung Quốc. Vận hành năm 2025.	x	
21	Lạng Sơn - Bắc Giang (*)	2	x	120	Xây mới		x
22	Lạng Sơn - Yên Thế (*)	2	x	120	Xây mới		x
23	Yên Bái - Thái Nguyên (*)	2	x	100	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
24	Yên Bái - Rẽ Lào Cai - Vĩnh Yên (*)	4	x	20	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
25	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	2	x	29	Đấu nối TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
26	Yên Thế - Thái Nguyên	2	x	70	Xây mới	x	
27	Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa	4	x	5	Đấu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên	x	
28	Bắc Giang - Bắc Ninh	2	x	40	Xây mới	x	
29	Bắc Giang - Rẽ Quảng Ninh - Hiệp Hòa	4	x	5	Đấu nối TBA 500 kV Bắc Giang	x	
30	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2	x	1	Đấu nối TBA 500 kV Bắc Ninh	x	
31	Bắc Ninh 2 - Rẽ Bắc Giang - Hiệp Hòa	4	x	10	Đấu nối TBA 500 kV Bắc Ninh 2	x	
32	LNG Quảng Ninh - Quảng Ninh	2	x	30	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Thay thế cho đường dây 500 kV LNG Quảng Ninh I - Quảng Ninh trong Quy hoạch điện VIII. Trường hợp TBA 500kV Quảng Ninh không thể mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đấu chuyển tiếp vào ĐD	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
					500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa		
33	Lai Châu - Than Uyên	2	x	75	Xây mới		x
34	Than Uyên - Yên Bái (*)	2	x	170	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
35	Điện Biên - Lai Châu (*)	2	x	50	Xây mới		x
36	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Hòa Bình và Sơn La - Nho Quan (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
37	Sơn La 1 - Sơn Tây (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
38	Sơn La 2 - Sơn La 1 (*)	2	x	50	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
39	TĐ Hòa Bình mở rộng - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	2	x	1	Đồng bộ TĐ Hòa Bình MR	x	
40	Quỳnh Lưu - Rẽ Quảng Trạch - Thanh Hóa	4	x	5	Xây mới	x	
41	LNG Nghi Sơn - LNG Quỳnh Lập	2	x	10	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 1		x
42	LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	2	x	190	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2	x	
43	LNG Quỳnh Lập - Quỳnh Lưu	2	x	15	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2		x
44	Đầu nối TĐTN Bắc Trung Bộ	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
45	LNG Quảng Trạch II - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện	x	
46	Trạm cắt Nam Cẩm - Rẽ Vũng Áng - Nho Quan	4	x	12	Xây mới, phục vụ đầu nối nguồn điện nhập khẩu Lào. Chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 500 kV Vũng Áng - Nho Quan hiện hữu (mạch 1,2)		x
47	Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	380	Xây mới, sử dụng dây phân pha tiết diện lớn, chuyển đầu nối đường dây 500kV Vũng Áng - Rẽ Đà Nẵng - Hà Tĩnh (mạch 3,4), kết hợp thay dây siêu nhiệt đoạn này.	x	
48	Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (mạch 3,4)	2	x	16	Chuyển tiếp vào đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng mạch 2	x	
49	Hà Tĩnh 2 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh (*)	4	x	5	Xây mới		x
50	ĐG Phila - Trạm cắt 500 kV Nam Cẩm	2	x	35	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào		x
51	ĐG Cha Lo - TBA 500 kV Hà Tĩnh	2	x	50	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào		x
52	Đầu nối Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To- Back) 500kV Lào Cai	4	x	2	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu xây dựng trạm chuyển đổi Back-to- Back trên lãnh thổ Việt Nam.	x	
53	Dự phòng đầu nối các nguồn điện tại các tỉnh Boulikhamxay, Khammouane, Lào			600	Xây mới	x	x
54	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			200	Xây mới và cải tạo	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035						
1	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 1 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
2	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 2 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
3	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 3 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
4	Vân Trì - Vĩnh Yên	2	x	40	Xây mới	x	
5	BB 2 - Rẽ BB 1 - Hải Phòng 2 (*)	4	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
6	Hà Nam - Thái Bình	2	x	20	Xây mới	x	
7	Nam Định 2 - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	5	Xây mới	x	
8	Nam Định - Nam Định 3	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với TBA 500 kV Nam Định 3		x
9	BB 4 - Bắc Giang (*)	2	x	135	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
10	Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên	2	x	180	Xây mới	x	
11	Lạng Sơn 2 500 kV - Rẽ Lạng Sơn - Yên Thế	4	x	10	Xây mới		x
12	Thái Nguyên 2 - Thái Nguyên - Yên Thế	2	x	20	Xây mới	x	
13	Phú Thọ - Rẽ Sơn La - Việt Trì	4	x	20	Xây mới	x	
14	Sơn Tây - Vĩnh Tường	2	x	20	Xây mới	x	
15	Bắc Ninh 3 - Rẽ Hưng Yên 1 - Phố Nối	4	x	10	Xây mới	x	
16	BB 3 - Lạng Sơn (*)	2	x	140	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
17	Hải Hà - Rẽ BB 3 - Lạng Sơn	2	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.	x	
18	NLTT Lai Châu 1 - Rẽ Lai Châu - Than Uyên (*)	4	x	20	Xây mới		x
19	LNG Công Thanh - Rẽ Nghi Sơn - Nho Quan	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
20	LNG Thái Bình GĐ 2 - Thái Bình	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
21	LNG Vũng Áng III - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trạch	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
22	LNG Thanh Hóa - LNG Công Thanh	2	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
23	LNG Công Thanh - Bắc Ninh 3	2	x	220	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong GĐ triển khai dự án. Xem xét sử dụng cột bốn mạch, tận dụng tối đa hướng tuyến với LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 1.	x	
24	Đầu nối TĐTN Bắc Bộ 1 (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
25	TĐTN Đông Phú Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì và Sơn La - Vĩnh Yên	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
26	TĐTN Bắc Bộ 1 - rẽ Sơn La 1 - Sơn Tây (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
27	Tĩnh Gia - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	4	Xây mới	x	
28	LNG Hải Phòng - TBA 500 kV Hải Phòng (hoặc TBA 500 kV Gia Lộc)	2	x	45	Đồng bộ NMĐ LNG Hải Phòng giai đoạn I		x
29	LNG Quảng Trạch III - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
30	Cải tạo Quảng Trị - Vũng Áng (mạch 2)	2	x	200	Xây mới, dự phòng trường hợp triển khai HVDC Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1, tận dụng tuyến đường dây 500 kV Quảng Trị - Vũng Áng hiện hữu	x	
31	TĐ Sơn La MR - TĐ Sơn La - Lai Châu	1	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
32	TĐ Lai Châu MR - Rẽ TĐ Lai Châu - Lai Châu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
33	Cải tạo Vũng Áng - Nho Quan (mạch 1)	2	x	360	Cải tạo đường dây 500 kV hiện hữu thành 02 mạch	x	
34	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			340	Xây mới và cải tạo	x	x

**Bảng 5: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Bắc**

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Vân Trì	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Sóc Sơn 2	250	Xây mới	x	
4	Văn Điển	500	Xây mới	x	
5	Long Biên 2	500	Xây mới	x	
6	Mê Linh	500	Xây mới	x	
7	Chương Mỹ	250	Xây mới	x	
8	Ứng Hòa	500	Xây mới	x	
9	Đại Mỗ	750	Xây mới	x	
10	Hòa Lạc	500	Xây mới	x	
11	Cầu Giấy	250	Xây mới	x	
12	Hai Bà Trưng	250	Xây mới	x	
13	Thanh Xuân	750	Xây mới	x	
14	Đan Phượng	500	Xây mới	x	
15	Phú Xuyên	250	Xây mới	x	
16	Hòa Lạc 2	500	Xây mới	x	
17	NLTT Hà Nội 2 (*)	500	Xây mới		x
18	Vật Cánh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
19	NĐ Hải Phòng	500	Cải tạo, nâng công suất		x
20	Đồ Sơn	250	Xây mới	x	
21	An Lão	500	Xây mới	x	
22	Đại Bản	250	Xây mới	x	
23	Dương Kinh	500	Xây mới	x	
24	Tiên Lãng	500	Xây mới	x	
25	Cát Hải	500	Xây mới	x	
26	NĐ Phả Lại	750	Cải tạo, nâng công suất	x	x
27	Gia Lộc	500	Xây mới	x	
28	Tứ Kỳ	250	Xây mới	x	
29	NĐ Hải Dương	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
30	Tân Việt	500	Xây mới	x	
31	Thanh Hà	250	Xây mới	x	
32	Nhị Chiểu	250	Xây mới	x	
33	Nam Sách	250	Xây mới	x	
34	Thanh Miện	250	Xây mới	x	
35	Hưng Yên 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới	x	
36	Bãi Sậy	500	Xây mới	x	
37	Văn Giang	250	Xây mới	x	
38	Lý Nhân	500	Xây mới	x	
39	Đồng Văn	750	Xây mới	x	
40	Hải Hậu	500	Xây mới	x	
41	Nam Định 2	250	Xây mới	x	
42	Nghĩa Hưng	500	Xây mới	x	
43	Nam Định 3	750	Xây mới		x
44	Giao Thủy	250	Xây mới	x	
45	Quỳnh Phụ	500	Xây mới	x	
46	Vũ Thư	500	Xây mới	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
47	Thái Bình 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
48	Ninh Bình 2	500	Xây mới	x	
49	Nho Quan 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
50	Tam Điệp	250	Xây mới	x	
51	Gia Viễn	500	Xây mới	x	
52	Hà Giang	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
53	Bắc Quang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
54	Cao Bằng	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
55	Bắc Hà	250	Xây mới	x	x
56	Bát Xát	500	Xây mới	x	
57	Lào Cai 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
58	Văn Bàn	250	Xây mới	x	
59	Bắc Kạn 1 (*)	500	Xây mới		x
60	Lạng Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
61	Đồng Mô	500	Xây mới	x	
62	Lạng Sơn 2 (*)	500	Xây mới		x
63	Lạng Sơn 1 (*)	500	Xây mới		x
64	Tuyên Quang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
65	Nghĩa Lộ	500	Xây mới	x	
66	Yên Bái	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
67	Lục Yên	250	Xây mới	x	
68	Yên Bái 1 (*)	500	Xây mới		x
69	Yên Bái 2 (*)	500	Xây mới		x
70	Sông Công	500	Xây mới	x	
71	Phú Bình 2	500	Xây mới	x	
72	Đại Từ	250	Xây mới	x	
73	NLTT Thái Nguyên 2 (*)	500	Xây mới		x
74	Phú Thọ 2	500	Xây mới	x	
75	Việt Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
76	Phú Thọ 3	250	Xây mới	x	
77	Tam Dương	500	Xây mới	x	
78	Bá Thiện	500	Xây mới	x	
79	Phúc Yên	250	Xây mới	x	
80	Chấn Hưng	250	Xây mới	x	
81	Bắc Giang 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
82	Lạng Giang	250	Xây mới	x	
83	Yên Dũng	500	Xây mới	x	
84	Hiệp Hòa 2	500	Xây mới	x	
85	Tân Yên	500	Xây mới	x	
86	Việt Yên	500	Xây mới	x	
87	Bắc Giang 1 (*)	500	Xây mới		x
88	Bắc Ninh 6	500	Xây mới	x	
89	Bắc Ninh 4	500	Xây mới	x	
90	Bắc Ninh 5	500	Xây mới	x	
91	Bắc Ninh 7	500	Xây mới	x	
92	Bắc Ninh 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
93	Hoành Bồ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
94	Cẩm Phả	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
95	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
96	Khe Thần	126	Xây mới	x	
97	Móng Cái	500	Xây mới	x	
98	Yên Hưng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
99	Hải Hà 2	250	Xây mới thay thế TBA 220 kV KCN Hải Hà	x	
100	Cộng Hòa	500	Xây mới	x	
101	Nam Hòa	500	Xây mới	x	
102	Quảng Ninh 1 (*)	500	Xây mới		x
103	NLTT Quảng Ninh 2 (*)	500	Xây mới		x
104	Mường Tè	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
105	Pắc Ma	500	Xây mới	x	
106	Phong Thổ	500	Xây mới	x	
107	Sìn Hồ	250	Xây mới	x	
108	Than Uyên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
109	NLTT Lai Châu 1 (*)	500	Xây mới		x
110	NLTT Lai Châu 2 (*)	500	Xây mới		x
111	Điện Biên	500	Xây mới	x	
112	Điện Biên 1 (*)	500	Xây mới		x
113	Điện Biên 2 (*)	500	Xây mới		x
114	Mường La	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
115	Sông Mã	250	Xây mới		x
116	Mộc Châu	250	Xây mới		x
117	Phù Yên	375	Xây mới		x
118	Sơn La 1 (*)	250	Xây mới		x
119	Sơn La 2 (*)	500	Xây mới		x
120	Sơn La 3 (*)	500	Xây mới		x
121	Sơn La 4 (*)	500	Xây mới		x
122	Sơn La 5 (*)	500	Xây mới		x
123	Sơn La 6 (*)	500	Xây mới		x
124	Hòa Bình	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
125	Yên Thủy	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
126	Tân Lạc	250	Xây mới	x	
127	Sầm Sơn	500	Xây mới	x	
128	Tĩnh Gia	500	Xây mới	x	
129	KKT Nghi Sơn	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
130	Lọc hoá dầu Nghi Sơn	500	Xây mới		x
131	Hậu Lộc	500	Xây mới	x	
132	Thiệu Hóa	250	Xây mới	x	
133	Thiệu Yên	250	Xây mới	x	
134	Thanh Hóa 1 (*)	500	Xây mới		x
135	Đồng Vàng	500	Xây mới		x
136	Nghi Sơn 2	500	Xây mới		x
137	Đô Lương	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
138	Nam Cẩm	500	Xây mới	x	
139	Quỳ Hợp	250	Xây mới	x	x
140	Tương Dương	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
141	Bá Thước	250	Xây mới	x	
142	Hoàng Mai	500	Xây mới	x	
143	Hoàng Mai 2	250	Xây mới	x	
144	Quỳnh Lưu 500kV nối cấp	500	Xây mới	x	
145	NLTT Nghệ An 1 (*)	500	Xây mới		x
146	NLTT Nghệ An 2 (*)	500	Xây mới		x
147	Hà Tĩnh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
148	Can Lộc	250	Xây mới	x	
149	Vũng Áng	500	Xây mới	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
150	Vũng Áng 2	500	Xây mới		x
151	Hà Tĩnh 1 (*)	500	Xây mới		x
152	NLTT Hà Tĩnh 2 (*)	500	Xây mới		x
153	NLTT Hà Tĩnh 3 (*)	500	Xây mới		x
154	NLTT Hà Tĩnh 4 (*)	500	Xây mới		x
155	NLTT Hà Tĩnh 5 (*)	500	Xây mới		x
156	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	3750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
157	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch bao gồm nhưng không giới hạn tại các thanh cái TBA 500 kV Phố Nối, Tây Hà Nội, Hiệp Hòa, Đan Phượng, Bắc Ninh, NĐ Phả Lại, Trảng Bạch		Hạn chế dòng ngắn mạch	x	x
158	Cải tạo sơ đồ thanh cái linh hoạt, 4 phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn tại các trạm 500 kV Nho Quan, Sơn La, Đông Anh và các trạm Vân Trì, Vật Cách, Long Biên, Trục Ninh, Thái Bình, Hà Đông, Thanh Nghị, Bắc Ninh 2, NĐ Hải Dương		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện	x	x
159	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Sóc Sơn 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Văn Điển	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Long Biên 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
4	Xuân Mai	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
5	Chương Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
6	Ứng Hòa	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
7	Hòa Lạc	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	Cầu Giấy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
9	Hai Bà Trưng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
10	Đan Phượng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
11	Phú Xuyên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
12	Đông Anh 2	500	Xây mới	x	
13	Đông Anh 3	500	Xây mới	x	
14	Hòa Lạc 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
15	Phúc Thọ	500	Xây mới	x	
16	Thanh Trì	500	Xây mới	x	
17	Thanh Oai	500	Xây mới	x	
18	Vân Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
19	Vân Trì 2	500	Xây mới	x	
20	Đình Vũ	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
21	Đồ Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
22	An Lão	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
23	Thủy Nguyên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
24	Đại Bản	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
25	Hải Phòng 2	250	Xây mới	x	
26	Đình Vũ 2	500	Xây mới	x	
27	Gia Lộc	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
28	Tứ Kỳ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
29	Thanh Hà	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
30	Nhị Chiểu	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
31	Nam Sách	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
32	Thanh Miện	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
33	Phổ Nối	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
34	Phổ Cao	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
35	Hưng Yên 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
36	Văn Giang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
37	Phổ Nối 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
38	Phủ Lý	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
39	Thanh Nghị	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
40	Lý Nhân	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
41	Kim Bảng	500	Xây mới	x	
42	Nam Định 2	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
43	Giao Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
44	Nam Định 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
45	Thái Bình 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
46	Tiền Hải	500	Xây mới	x	
47	Ninh Bình 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
48	Tam Điệp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
49	Hà Giang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
50	Hà Giang 2	250	Xây mới	x	
51	Quảng Uyên	250	Xây mới	x	
52	Lào Cai 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
53	Văn Bàn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
54	Lào Cai 2	250	Xây mới	x	
55	NLTT Lào Cai 3 (*)	500	Xây mới		x
56	Đồng Mô	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
57	TĐ Tuyên Quang	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
58	Sơn Dương	500	Xây mới	x	
59	Lục Yên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
61	Đại Từ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
62	Phúc Xuân	500	Xây mới	x	
63	Phú Lương	500	Xây mới	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
64	Phú Bình 3	500	Xây mới	x	
65	Phú Thọ 3	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
66	Việt Trì 2	500	Xây mới	x	
67	Phú Thọ 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
68	Vĩnh Yên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
69	Bá Thiện	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
70	Phúc Yên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
71	Chấn Hưng	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
72	Vĩnh Tường 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
73	Lạng Giang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
74	Yên Dũng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
75	Sơn Động	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
76	Tân Yên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
77	Việt Yên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
78	Chũ	500	Xây mới	x	
79	Bắc Ninh	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
80	Bắc Ninh 3	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
81	Bắc Ninh 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
82	Bắc Ninh 6	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
83	Bắc Ninh 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
84	Bắc Ninh 3 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
85	Bắc Ninh 10	750	Xây mới	x	
86	Bắc Ninh 9	750	Xây mới	x	
87	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
88	Hải Hà 2	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
89	Vân Đồn	250	Xây mới	x	
90	Sìn Hồ	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
91	NLTT Lai Châu 3 (*)	500	Xây mới		x
92	NLTT Lai Châu 4 (*)	500	Xây mới		x
93	Sông Mã	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
94	Yên Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
95	Lương Sơn	250	Xây mới	x	
96	Hòa Bình 1 (*)	250	Xây mới		x
97	Thiệu Hóa	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
98	Thiệu Yên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
99	Tĩnh Gia 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
100	Quỳ Hợp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
101	Tương Dương	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
102	Hoàng Mai 2	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
103	Hưng Nguyên	500	Xây mới	x	
104	Cửa Lò	500	Xây mới	x	
105	Cần Lộc	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
106	Lộc Hà	250	Xây mới	x	
107	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
108	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các TBA theo hướng linh hoạt;	x	x

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
			lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải ĐZ và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...		

Bảng 6: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030						
1	Đông Anh 500 kV - Vân Trì	2	x	16	Xây mới	x	
2	Đại Mỗ (Mỹ Đình) - Rẽ Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Mỗ	x	
3	Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	16	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Xuân	x	
4	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2	x	30	Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đầu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên	x	
5	Chương Mỹ - Rẽ Hòa Bình - Hà Đông	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chương Mỹ	x	
6	Đan Phượng 500 kV - Mê Linh	2	x	15	Xây mới	x	
7	Đan Phượng 500 kV - Cầu Giấy	2	x	20	Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đầu nối TBA 220 kV Cầu Giấy	x	
8	Đầu nối Đan Phượng 500 kV - rẽ Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ	4	x	11	Xây mới	x	
9	Nam Hà Nội 500 kV - rẽ Hà Đông - Phủ Lý	4	x	5	Xây mới	x	
10	Hai Bà Trưng - Mai Động	2	x	3	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng	x	
11	Hai Bà Trưng - Thành Công	2	x	5	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng	x	
12	Long Biên - Mai Động	2	x	15	Xây mới	x	
13	Long Biên 2 - Rẽ Mai Động - Long Biên	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Long Biên 2	x	
14	Hưng Yên 1 500 kV - Long Biên 2	2	x	20	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Hưng Yên 1	x	
15	Hưng Yên 1 500 kV - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	4	x	4	Xây mới	x	
16	Mạch 2 Hà Đông - Ứng Hòa - Phủ Lý	2	x	40	Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa	x	
17	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 1)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh	x	
18	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 2)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh. Chuyển đầu nối ĐZ 220 kV Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì khi dòng ngắn mạch khu vực tăng cao hơn giới hạn cho phép	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
19	Nam Hà Nội 500 kV - Phú Xuyên	2	x	15	Đầu nối TBA 220 kV Phú Xuyên	x	
20	Hòa Bình - Tây Hà Nội mạch 4	1	x	50	Xây mới, tận dụng cải tạo đoạn tuyến Hòa Bình - Hà Đông mạch 3 cũ. Đồng bộ với cải tạo sơ đồ sân phân phối 220kV TĐ Hòa Bình để hạn chế dòng ngắn mạch	x	
21	Nâng khả năng tải 500 kV Thường Tín - Phố Nối	2	x	34	Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối	x	
22	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Sóc Sơn	2	x	10	Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch	x	
23	Nâng khả năng tải Vân Trì - Tây Hồ - Chèm	2	x	20	Đảm bảo cấp điện Hà Nội	x	
24	Nâng khả năng tải Xuân Mai - Hà Đông	1	x	25	Cải tạo	x	
25	Sóc Sơn 2 - Rẽ Hiệp Hòa - Đông Anh	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2	x	
26	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc	2	x	12	Xây mới	x	
27	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc 2	2	x	15	Xây mới	x	
28	Sơn Tây 500 kV - Rẽ Sơn Tây - Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới	x	
29	Tây Hà Nội 500 kV - Hòa Lạc	2	x	14	Xây mới	x	
30	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phú Lý	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Ứng Hòa	x	
31	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Văn Điển	x	
32	NLTT Hà Nội 2 - Sơn Tây (*)	2	x	15	Xây mới		x
33	Dương Kinh - Rẽ Đồng Hòa - Đình Vũ	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Dương Kinh, đồng thời chuyển đầu nối Hải Dương 2 - Đồng Hòa và Đồng Hòa - Đình Vũ thành Hải Dương 2 - Đình Vũ	x	
34	An Lão - Rẽ Đồng Hòa - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV An Lão	x	
35	Cát Hải - Đình Vũ	2	x	12	Trường hợp không mở rộng được ngăn lộ trạm biến áp 220 kV Đình Vũ, xem xét đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 220kV Đình Vũ - Dương Kinh	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
36	Đại Bản - Rẽ Hải Dương 2 - Dương Kinh	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Bản	x	
37	Đồ Sơn - Dương Kinh	2	x	8	Đầu nối TBA 220 kV Đồ Sơn	x	
38	Hải Phòng 2 500 kV - Rẽ Đồng Hòa - Vật Cách	4	x	10	Xây mới	x	
39	Hải Phòng 2 500 kV - Đại Bản	4	x	5	Xây mới, xem xét nối cấp TBA 220kV Đại Bản	x	
40	Hải Phòng 500 kV - Dương Kinh	2	x	8	Xây mới	x	
41	Hải Phòng 500 kV - Tiên Lãng	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Tiên Lãng	x	
42	Nam Hòa - Cát Hải	2	x	12	Xây mới	x	
43	BB 1 - Đồ Sơn (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
44	Gia Lộc - Rẽ NĐ Hải Dương - Phở Nối	4	x	5	Xây mới	x	
45	500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	32	Xây mới	x	
46	Gia Lộc 500 kV - Rẽ Gia Lộc - Hải Phòng 500 kV	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc, trường hợp không bố trí được quỹ đất nối cấp Gia Lộc 220 kV	x	
47	Nhị Chiểu - Rẽ Mạo Khê - Hải Dương 2	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nhị Chiểu	x	
48	Tân Việt - Rẽ Gia Lộc - Phở Nối	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Tân Việt	x	
49	Thanh Hà - Rẽ 500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Hà	x	
50	Tứ Kỳ - Rẽ Hải Phòng 500 kV- Gia Lộc	4	x	4	Xây mới	x	
51	Gia Lộc 500 kV - Thanh Miện	2	x	11	Xây mới	x	
52	Nam Sách - NĐ Hải Dương	2	x	11	Xây mới	x	
53	Bãi Sậy - Kim Động	2	x	11	Đầu nối TBA 220 kV Bãi Sậy	x	
54	Hưng Yên 2 500 kV - Đồng Văn	2	x	14	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2	x	
55	Hưng Yên 2 500 kV - Rẽ Kim Động - Phở Cao	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2	x	
56	Văn Giang - Rẽ Hưng Yên 1 500 kV - Thường Tín 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Văn Giang	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
57	Mạch 2 Nho Quan - Phủ Lý	1	x	40	Xây mới cải tạo 1 mạch thành hai mạch	x	
58	Đồng Văn - Phủ Lý	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Văn, trường hợp Phủ Lý không mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đầu chuyển tiếp Hà Đông - Phủ Lý	x	
59	Lý Nhân - Rẽ Thanh Nghị - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Lý Nhân	x	
60	Hải Hậu - Trục Ninh	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Hải Hậu	x	
61	Nam Định 2 - Rẽ Trục Ninh - Ninh Bình và Trục Ninh - Nam Định	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nam Định 2	x	
62	NĐ Nam Định 500 kV - Hải Hậu	2	x	10	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định	x	
63	NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	2	x	47	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định	x	
64	NĐ Nam Định 500 kV - Nam Định 3	2	x	18	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
65	NĐ Nam Định 500 kV - Ninh Bình 2	2	x	30	Dây phân pha tiết diện lớn. Đầu nối TBA 500 kV Nam Định	x	
66	Nghĩa Hưng - Rẽ NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nghĩa Hưng	x	
67	Giao Thủy - rẽ LNG Thái Bình - Trục Ninh	4	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Giao Thủy	x	
68	Vũ Thư - Rẽ Thái Bình - Nam Định và Thái Bình - Ninh Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Vũ Thư	x	
69	LNG Thái Bình - Tiên Lãng	2	x	56	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
70	LNG Thái Bình - Trục Ninh	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
71	Quỳnh Phụ - Rẽ Thái Bình - Đồng Hòa	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Quỳnh Phụ	x	
72	Thái Bình 500 kV - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4	x	5	Đầu nối phía 220 kV Thái Bình 500 kV	x	
73	Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị	2	x	53	Xây mới	x	
74	Cải tạo đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn 01 mạch thành 02 mạch	2	x	34	ĐD 220kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn thay thế cho ĐD 220kV Ninh Bình - Tam Điệp - Bim Sơn	x	
75	Gia Viễn - Nam Định	2	x	13	Chuyển đầu nối Gia Viễn - Nam Định, thực hiện trong trường hợp di chuyển TBA 220 kV Ninh Bình	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
76	Gia Viễn - Rẽ Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Gia Viễn	x	
77	Nâng khả năng tải Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	2	x	26	Cải tạo	x	
78	Ninh Bình 2 - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Ninh Bình 2	x	
79	Tam Điệp - Rẽ Bím Sơn - Ninh Bình	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tam Điệp trên một mạch trước, đầu nối mạch còn lại đồng bộ với đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bím Sơn	x	
80	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình - Rẽ Nam Định 500 kV – Hậu Lộc	2	x	16	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình		x
81	Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang)	2	x	55	Tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
82	Nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên			42+51	Nâng khả năng tải các đoạn AC410 trên tuyến Hà Giang - TĐ Bắc Mê (42km) và Hà Giang - Thái Nguyên (51km)	x	
83	Treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc	1	x	30	Tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
84	Bảo Lâm - Bắc Mê	2	x	30	Giải phóng công suất thủy điện nhỏ Hà Giang	x	
85	Cao Bằng - Lạng Sơn	2	x	120	Xây mới	x	
86	Bát Xát - 500 kV Lào Cai	2	x	47	Đầu nối TBA 220 kV Bát Xát	x	
87	Đầu nối 500 kV Lào Cai	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, rẽ Bảo Thắng - Yên Bái	x	
88	Bắc Hà - Lào Cai 500 kV	1	x	50	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực	x	x
89	TĐ Bắc Hà - chuyển đầu nối 500 kV Lào Cai	1	x	5	Giảm tải đường dây 220kV Bảo Thắng - Lào Cai 500 kV	x	
90	Than Uyên - 500 kV Lào Cai	2	x	73	Đầu nối TBA 220 kV Than Uyên, giải tỏa thủy điện nhỏ. Vận hành năm 2025.	x	
91	Văn Bàn - Rẽ Than Uyên - Lào Cai 500 kV	4	x	10	Đầu nối TBA 220 kV Văn Bàn, giải phóng công suất thủy điện nhỏ	x	
92	Nâng khả năng tải Lào Cai 500 kV - Lục Yên	2	x	90	Cải tạo	x	
93	Bắc Kạn 1 - Bắc Kạn (*)	2	x	10	Xây mới		x
94	Đồng Mỏ - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Mỏ	x	
95	Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ (*)	2	x	60	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
96	Lạng Sơn 2 - Lạng Sơn 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
97	TĐ Yên Sơn - Rẽ TĐ Tuyên Quang - Tuyên Quang	2	x	8	Đồng bộ TĐ Yên Sơn		x
98	Nghĩa Lộ - Việt Trì (500 kV Việt Trì)	2	x	93	Giải tỏa thủy điện nhỏ	x	
99	Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2	x	103	Giải tỏa thủy điện nhỏ	x	
100	Chuyển đầu nối Bắc Quang - Lục Yên	2	x	1	Chuyển đầu nối Bắc Quang về Lục Yên	x	
101	Lục Yên - rẽ 220 kV Lào Cai - Yên Bái	4	x	5	Xây mới	x	
102	Nâng khả năng tải Lục Yên - Yên Bái	2	x	58	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
103	Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang	2	x	36	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
104	Yên Bái 2 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x
105	Yên Bái 500 kV - Rẽ Yên Bái - Tuyên Quang (*)	4	x	5	Xây mới		x
106	Yên Bái 1 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x
107	Đầu nối TĐ An Bình (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
108	Đầu nối TĐ An Thịnh (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
109	Đầu nối TĐ Việt Thành (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
110	NLTT Thái Nguyên 2 - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
111	Phú Bình 2 - Rẽ Thái Nguyên - Bắc Giang	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2	x	
112	500 kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2	x	
113	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Lưu Xá - Phú Bình	2	x	13	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
114	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Malungtang - Thái Nguyên	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
115	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Tuyên Quang (TBA) - Phú Bình	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
116	Đại Từ - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Từ	x	
117	Đầu nối Yên Thế 500 kV	4	x	4	Xây mới	x	
118	Hiệp Hòa 2 - Rẽ Hiệp Hòa 500 kV - Phú Bình 2	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Hiệp Hòa 2	x	
119	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Phú Bình	1	x	11	Nâng khả năng tải mạch ACSR410	x	
120	Nâng khả năng tải Thái Nguyên - Lưu Xá - Phú Bình	1	x	30	Cải tạo	x	
121	Sông Công - Rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Sông Công	x	
122	Tân Yên - Rẽ Yên Thế - Việt Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tân Yên	x	
123	Yên Thế 500 kV - Việt Yên	2	x	25	Đầu nối TBA 220 kV Việt Yên	x	
124	500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	2	x	50	Xây mới	x	
125	Phú Thọ 2 - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 2	x	
126	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Việt Trì	2	x	10	Cải tạo	x	
127	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường	1	x	27	Cải tạo	x	
128	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên	1	x	36	Cải tạo	x	
129	Phú Thọ 3 - Rẽ Nghĩa Lộ - 500 kV Việt Trì	4	x	22	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 3	x	
130	Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) - Rẽ Vĩnh Yên - Sóc Sơn	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thiện. Kết hợp cải tạo, nâng khả năng tải đoạn tuyến hiện hữu từ Vĩnh Yên 220kV đến điểm giao cắt.	x	
131	Chấn Hưng - Rẽ 500 kV Việt Trì - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chấn Hưng	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
132	Phúc Yên - Rẽ Vĩnh Yên 500 kV - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	1	Xây mới	x	
133	Tam Dương - Rẽ 500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	4	x	4	Đầu nối TBA 220 kV Tam Dương	x	
134	Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	2	x	17	Xây mới và cải tạo, chuyển đầu nối thành đường dây 02 mạch Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	x	
135	Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh	2	x	28	Thay thế cho đường dây 220 kV Mê Linh - Bá Thiện trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Trạm 220 kV Bá Thiện nối cấp trong trạm 500 kV Vĩnh Yên.	x	
136	NĐ Phả Lại - Bắc Giang Mạch 2	2	x	27	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch	x	
137	Bắc Giang 1 - Lạng Sơn 1 (*)	2	x	35	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
138	Bắc Giang 500 kV - Rẽ NMNĐ An Khánh Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	8	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bắc Giang	x	
139	Đầu nối NMNĐ An Khánh Bắc Giang	4	x	14	Đồng bộ NMNĐ An Khánh Bắc Giang, đầu nối trên ĐĐ 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn	x	
140	Đồng Mỏ - Sơn Động	2	x	60	Xây mới	x	
141	Lạng Giang - Rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên	2	x	1	Đầu nối trạm biến áp 220 kV Lạng Giang	x	
142	Yên Dũng - Rẽ NĐ Phả Lại - Quang Châu	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Yên Dũng	x	
143	Bắc Ninh 4 - Đông Anh	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 4	x	
144	Bắc Ninh 5 - Rẽ Bắc Ninh 500 kV - Phố Nối	2	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 5	x	
145	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh	2	x	10	Đồng bộ với chuyển đầu nối đường dây 220kV Phả Lại - Bắc Ninh và Bắc Ninh - Quang Châu thành Phả Lại - Quang Châu để hạn chế dòng ngắn mạch	x	
146	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh 4	2	x	14	Xây mới	x	
147	Bắc Ninh 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối	4	x	3	Đầu nối phía 220 kV Bắc Ninh 500 kV	x	
148	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phố Nối	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 6, xem xét sử dụng cột 04 mạch treo trước 02 mạch	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
149	Bắc Ninh 7 - Rẽ Đông Anh 500 kV - Bắc Ninh 4	4	x	2	Xây mới	x	
150	Cộng Hòa - Rẽ Cẩm Phả - Hải Hà	4	x	2	Xây mới	x	
151	Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Móng Cái	2	x	15	Xây mới, phục vụ tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
152	Hải Hà - Móng Cái	2	x	40	Xây mới	x	
153	Hải Hà - Hải Hà 2	2	x	10	Xây mới, thay thế đường dây KCN Hải Hà - Hải Hà trong QHĐ VIII	x	
154	Khe Thản - Rẽ Trảng Bạch - Hoành Bồ	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Khe Thản	x	
155	Nâng khả năng tải Quảng Ninh - Hoành Bồ	2	x	20	Cải tạo	x	
156	Quảng Ninh 1 - Rẽ Hoành Bồ - ND Sơn Động và Hoành Bồ - Trảng Bạch (*)	4	x	5	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
157	Yên Hưng - Nam Hòa	2	x	29	Đầu nối TBA 220 kV Nam Hòa	x	
158	NLTT Quảng Ninh 2 - Cộng Hòa (*)	2	x	16	Xây mới		x
159	Quảng Ninh 2 500 kV - Rẽ Yên Hưng - Nam Hòa	4	x	15	Xây mới	x	
160	Quảng Ninh 2 500 kV - Rẽ - Hoành Bồ - Trảng Bạch	2	x	5	Xây mới	x	
161	Pắc Ma - Mường Tè	2	x	31	Giải tỏa TĐ	x	
162	Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	2	x	60	Giải tỏa công suất TĐ, giảm tải TBA 500 kV Lai Châu, dây phân pha tiết diện lớn	x	
163	Mường Tè - Sìn Hồ	2	x	35	Công suất TĐN khu vực Mường Tè	x	
164	Nậm Ou 7 - Lai Châu	2	x	65	Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x97km, trên địa phận Việt Nam 2x65km. Đồng bộ nguồn TĐ từ Lào.	x	
165	Phong Thổ - Than Uyên	2	x	88	Giải tỏa thủy điện nhỏ	x	
166	Sìn Hồ - Rẽ Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Sìn Hồ, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
167	NLTT Lai Châu 1 - Than Uyên (*)	2	x	10	Xây mới		x
168	NLTT Lai Châu 2 - Than Uyên (*)	2	x	10	Xây mới		x
169	Than Uyên 500 kV - Than Uyên	2	x	10	Xây mới, chuyển đầu nối Phong Thổ - Than Uyên		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
170	Than Uyên 500 kV - Rẽ TĐ Bản Chát - Than Uyên	4	x	5	Xây mới		x
171	500 kV Sơn La - Điện Biên	2	x	133	Đầu nối TBA 220 kV Điện Biên	x	
172	Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	2	x	23	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
173	Điện Biên 1 - Lai Châu (*)	2	x	52	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
174	Nậm Ou 5 - Điện Biên	2	x	22	Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x73km, trên địa phận Việt Nam 2x22km. Đồng bộ nguồn thủy điện từ Lào.	x	
175	Điện Biên 2 - Điện Biên 500 kV (*)	2	x	18	Xây mới		x
176	Điện Biên 500 kV - Rẽ Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	4	x	5	Xây mới		x
177	Mộc Châu - Rẽ đầu nối TĐ Trung Sơn	2	x	35	Đầu nối TBA 220 kV Mộc Châu	x	
178	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Mường La	1	x	21	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực	x	
179	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Sơn La	1	x	41	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực	x	
180	Nâng khả năng tải Huội Quảng - Sơn La	2	x	20	Xây mới	x	
181	Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Phù Yên (cấp điện phụ tải chuyên dùng)		x
182	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Suối Sập 2A (*)	2	x	5	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
183	Sông Mã - Sơn La 500 kV (*)	2	x	83	Giải phóng công suất thủy điện nhỏ	x	x
184	Sơn La 2 - Sơn La (*)	2	x	35	Xây mới		x
185	Sơn La 3 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
186	Sơn La 4 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
187	Sơn La 5 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
188	Sơn La 6 - Rẽ Huội Quảng - Nghĩa Lộ (*)	2	x	20	Xây mới		x
189	Đầu nối Tân Lạc	6	x	5	Tân Lạc - Rẽ Hòa Bình - Yên Thủy và chuyển đầu nối TĐ Trung Sơn, hình thành các đường dây 220 kV mạch kép Hòa Bình - Tân Lạc, Tân Lạc - Yên Thủy và Tân Lạc - TĐ Trung Sơn - TĐ Hồi Xuân	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
190	Thanh Hóa 500 kV - Sầm Sơn	2	x	36	Đầu nối TBA 220 kV Sầm Sơn	x	
191	500 kV Thanh Hóa - Hậu Lộc	2	x	35	Đầu nối TBA 220 kV Hậu Lộc	x	
192	Đồng Vàng - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	4	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải		x
193	Mạch 3 Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	1	x	83	Treo dây mạch 2	x	
194	Nâng khả năng tải Nông Cống - 500 kV Thanh Hóa	2	x	26	Cải tạo trong trường hợp giải tỏa NĐ Nghi Sơn 2 qua lưới điện 220 kV.	x	
195	NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu	2	x	10	Chuyển đầu nối Nông Cống - Nghi Sơn và Nghi Sơn - Quỳnh Lưu thành Nông Cống - Quỳnh Lưu. Thay thế đường dây 220 kV NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nghi Sơn - Vinh	x	
196	Nghi Sơn 2 - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	2	Đầu nối trạm 220kV Nghi Sơn 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
197	Nông Cống - Nghi Sơn - chuyển đầu nối NĐ Nghi Sơn	2	x	42	Giai đoạn 2 của đường NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu, hoàn trả hiện trạng ĐD 220 kV Nông Cống - Quỳnh Lưu	x	
198	TĐ Nam Sum (Lào) - Nông Cống	2	x	129	Tên gọi khác của đường dây 220 kV "Trạm cắt 220 kV Nậm Sum - Nông Cống (phần đường dây trên lãnh thổ Việt Nam)", đã được phê duyệt trong văn bản số 1889/TTg-CN ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng bộ TĐ Nậm Sum Lào	x	
199	Thanh Hóa 1 - Rẽ Nghi Sơn - Nông Cống (*)	4	x	2	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
200	Thanh Hóa 500 kV - Bim Sơn	2	x	36	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch đường dây 220 kV Ba Chè - Bim Sơn	x	
201	Thiệu Hóa - Thanh Hóa 500 kV	2	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Hóa	x	
202	Đường dây đầu nối TBA 220 kV Lạc hoá dầu Nghi Sơn	2	x	10	Xây mới		x
203	Thiệu Hóa - Thiệu Yên	2	x	25	Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Yên	x	
204	TĐ Hồi Xuân - Rẽ Trung Sơn - Nho Quan	2	x	16	Xây mới		x
205	TĐ Hồi Xuân - Bá Thước	2	x	30	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thước	x	x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
206	Tĩnh Gia - Rẽ Nông Cống - Nghi Sơn	2	x	8	Đầu nối TBA 220 kV Tĩnh Gia	x	
207	NLTT Nghệ An 1 - Nam Cấm (*)	2	x	20	Xây mới		x
208	NLTT Nghệ An 2 - Quỳnh Hợp (*)	2	x	20	Xây mới		x
209	ĐG Trường Sơn - Đô Lương (*)	2	x	40	Xây mới		x
210	Đô Lương - Nam Cấm	2	x	36	Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An	x	
211	Tương Dương - Đô Lương	2	x	81	Đồng bộ cụm TĐ Nậm Mô (Lào)	x	
212	Quỳnh Lưu 500 kV rẽ Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	4	x	10	Đầu nối phía 220 kV Quỳnh Lưu 500 kV	x	
213	Hoàng Mai - Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	10	Xây mới	x	
214	Hoàng Mai - rẽ Nghi Sơn - Hưng Đông	2	x	10	Xây mới	x	
215	Hoàng Mai 2 - Rẽ Quỳnh Lưu 500kV - Hoàng Mai	2	x	5	Xây mới	x	
216	Mỹ Lý - Bản Vẽ	2	x	72	Đồng bộ TĐ Mỹ Lý		x
217	Nâng khả năng tải Hưng Đông - Quỳnh Lưu và Hưng Đông - Nghi Sơn	2	x	100	Cải tạo, nâng khả năng tải 2 mạch đường dây 220 kV Hưng Đông – Nghi Sơn và Hưng Đông – Quỳnh Lưu hoặc xem xét phương án cải tạo Đường dây Hưng Đông – Nghi Sơn từ 1 mạch thành 2 mạch nếu mở rộng được ngăn lộ tại TBA Nghi Sơn và Hưng Đông. Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An	x	
218	Quỳ Hợp - Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Quỳ Hợp, giải phóng công suất TĐN.		x
219	TĐ Nậm Mô 1 - Rẽ Mỹ Lý - Bản Vẽ	2	x	18	Đồng bộ TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)		x
220	Tương Dương - Quỳ Hợp	2	x	80	Giải phóng TĐN và tăng cường nhập khẩu điện Lào	x	x
221	Vũng Áng 2 - Rẽ Vũng Áng - 500 kV NB Vũng Áng	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
222	Vũng Áng - 500 kV NB Vũng Áng	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng	x	
223	Can Lộc - Rẽ Hà Tĩnh - Hưng Đông	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Can Lộc	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
224	Hà Tĩnh 1 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh (*)	4	x	4	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
225	Nâng khả năng tải Hà Tĩnh - Hưng Đông	2	x	66	Chống quá tải mùa khô. Cải tạo nâng khả năng tải 2 mạch đường dây hiện hữu	x	
226	NLTT Hà Tĩnh 2 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
227	NLTT Hà Tĩnh 3 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
228	NLTT Hà Tĩnh 4 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
229	NLTT Hà Tĩnh 5 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
230	TĐ Bản Chát MR - Rẽ Bản Chát - Than Uyên	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN- KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
231	TĐ Tuyên Quang MR - TĐ Tuyên Quang	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN- KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
232	TĐ Sông Lô 9 - rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	2	Đồng bộ NMTĐ Sông Lô 9		x
233	TĐ Tuyên Quang - Rẽ Hà Giang - Thái Nguyên và TĐ Bắc Mê - Thái Nguyên	4	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Tuyên Quang MR	x	
234	Ước tính khối lượng đầu nối các nguồn NLTT			800	Xây mới	x	x
235	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới			314	Xây mới và cải tạo	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035						
1	Đan Phượng 500 kV - Phúc Thọ	2	x	13	Xây mới	x	
2	Đông Anh 2 - Rẽ Vân Trì - Tây Hồ và Vân Trì - Chèm	4	x	2	Xây mới	x	
3	Đông Anh 3 - Rẽ Vân Trì - Đông Anh 500 kV	4	x	2	Xây mới	x	
4	Sơn Tây 500 kV - Phúc Thọ	2	x	6	Xây mới	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
5	Thanh Oai - Rẽ Ứng Hòa - Hà Đông	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Thanh Oai	x	
6	Thanh Trì - Rẽ Thường Tín - Mai Động	2	x	5	Xây mới, đấu nối 220kV Thanh Trì	x	
7	Vân Trì 500 kV - rẽ Vân Trì - Đông Anh 2	4	x	10	Xây mới	x	
8	Vân Trì 500 kV - Vân Trì 2	2	x	10	Xây mới	x	
9	Đầu nối TĐ Thuận Mỹ	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
10	Đình Vũ 2 - BB2	2	x	5	Xây mới		x
11	BB 2 - Cát Hải (*)	2	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
12	Hải Phòng 2 500 kV - Hải Phòng 2	2	x	5	Xây mới	x	
13	Gia Lộc 500 kV - Gia Lộc - chuyển đầu nối Gia Lộc - Tân Việt	2	x	10	Xây mới	x	
14	Yên Mỹ - Rẽ Hưng Yên 1 500 kV - Văn Giang (mạch 2)	2	x	2	Xây mới	x	
15	Hà Nam 500 kV - Đồng Văn	4	x	12	Xây mới, đấu nối Hà Nam 500kV	x	
16	Hà Nam 500 kV - Rẽ Thanh Nghị - Lý Nhân	4	x	4	Xây mới, đấu nối Hà Nam 500kV	x	
17	Kim Bảng - Rẽ Đồng Văn - Phủ Lý	4	x	4	Xây mới	x	
18	Nam Định 2 500 kV - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	5	Xây mới	x	
19	Tiền Hải - Rẽ Thái Bình - Trực Ninh	2	x	2	Xây mới	x	
20	Thịệu Yên - Bá Thước	2	x	65	Xây mới	x	
21	Hà Giang 2 - Hà Giang 500 kV	2	x	10	Xây mới	x	
22	Hà Giang 500 kV - Rẽ Hà Giang - TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên	4	x	10	Xây mới	x	
23	Quảng Uyên - Rẽ Cao Bằng - Lạng Sơn	4	x	5	Xây mới	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
24	Lào Cai 2 - Rẽ Lào Cai 220 kV - Trung Quốc	2	x	2	Xây mới	x	
25	NLTT Lào Cai 3 - 500 kV Lào Cai (*)	2	x	20	Xây mới		x
26	Lạng Sơn 2 500 kV - Rẽ Lạng Sơn - Đồng Mô	4	x	10	Xây mới		x
27	Sơn Dương - Rẽ Tuyên Quang - Đại Từ	2	x	2	Xây mới	x	
28	500 kV Thái Nguyên 2 - Phú Bình 3	2	x	10	Đấu nối TBA 220 kV Phú Bình 3	x	
29	Phú Lương - Rẽ Thái Nguyên - TĐ Bắc Mê	2	x	2	Xây mới	x	
30	Phúc Xuân - Rẽ Thái Nguyên 500 kV - Thái Nguyên	2	x	5	Xây mới	x	
31	Thái Nguyên 2 500 kV - Phú Bình 2	2	x	15	Xây mới	x	
32	Thái Nguyên 2 500 KV- Sông Công	2	x	8	Xây mới	x	
33	Phú Thọ 3 - Việt Trì 2	2	x	22	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Việt Trì 2	x	
34	Phú Thọ 500 kV - Rẽ Phù Yên - Phú Thọ 2	2	x	20	Xây mới	x	
35	Phú Thọ 500 kV - Việt Trì 2	2	x	20	Xây mới	x	
36	Vĩnh Tường 500 kV - Rẽ Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	4	x	8	Xây mới	x	
37	Vĩnh Tường 500 kV - Vĩnh Tường	2	x	8	Xây mới, chuyển đấu nối thành Vĩnh Tường 500kV - Chấn Hưng	x	
38	Bắc Giang 500 kV - Chũ	2	x	32	Xây mới	x	
39	Chũ - Rẽ Sơn Động - Đồng Mô	4	x	2	Xây mới	x	
40	Bắc Ninh 2 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 4 - Bắc Ninh 7	4	x	5	Xây mới	x	
41	Bắc Ninh 3 500 kV - Bắc Ninh 10	2	x	12	Xây mới	x	
42	Bắc Ninh 3 500 kV - Bắc Ninh 9	4	x	2	Xây mới	x	
43	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phổ Nối (mạch 2)	2	x	3	Xây mới	x	
44	Cộng Hòa - Vân Đồn	2	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Vân Đồn	x	
45	NLTT Lai Châu 3 - NLTT Lai Châu 1 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x
46	NLTT Lai Châu 4 - NLTT Lai Châu 1 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
47	Hòa Bình 1- Yên Thủy (*)	2	x	18	Xây mới		x
48	Nam Hà Nội 500 kV - Lương Sơn	2	x	18	Xây mới	x	
49	TĐ Trung Sơn MR - TĐ Trung Sơn	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN- KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
50	Tĩnh Gia 500 kV - chuyển đầu nối Tĩnh Gia 220 kV	2	x	4	Xây mới	x	
51	Tĩnh Gia 500 kV - Rẽ Nông Công - Nghi Sơn	4	x	4	Xây mới	x	
52	Đầu nối Nam Cẩm 500 kV	4	x	5	Xem xét nối cáp TBA 220kV Nam Cẩm	x	
53	Hưng Nguyên - Rẽ Đô Lương - Nam Cẩm	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Hưng Nguyên	x	
54	Nam Cẩm 500 kV - Cửa Lò	2	x	11	Xây mới	x	
55	TĐ Bản Vẽ MR - TĐ Bản Vẽ	1	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Bản Vẽ MR	x	
56	Lộc Hà - Rẽ Hà Tĩnh - Can Lộc	4	x	7	Xây mới	x	
57	TĐ Huội Quảng MR - TĐ Huội Quảng	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong văn bản số 15/SCT- QLNL của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang ngày 03/1/2025.	x	
58	TĐ Huội Quảng MR - Rẽ Bản Chát - Than Uyên	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong văn bản số 15/SCT- QLNL của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang ngày 03/1/2025	x	
59	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới			320	Xây mới và cải tạo	x	x

**Bảng 7: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Quảng Bình (*)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
2	Lao Bảo (Hương Hóa)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT	x	
3	Trạm cắt Quảng Trị 2	Trạm cắt	Xây mới	x	
4	Quảng Trị	1800	Xây mới	x	
5	Đà Nẵng	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
6	Thanh Mỹ	2700	Cải tạo, nâng công suất, đồng bộ với tiến độ phát triển nguồn điện	x	
7	Dung Quất	900	Xây mới, tên gọi trong danh mục các các đường dây 500kV, 220kV đầu nối của TBA 500 kV Dung Quất là TBKHH Dung Quất	x	
8	Bình Định	1800	Xây mới	x	
9	Kon Tum	1800	Xây mới, lắp MBA tại trạm cắt 500 kV Kon Tum trong QHĐ VIII, giải tỏa công suất NLTT	x	
10	Pleiku 2	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
11	Pleiku 3	1800	Cải tạo, nâng công suất		x
12	Nhơn Hòa	1800	Xây mới		x
13	Krông Buk	1800	Xây mới	x	
14	Ea Nam (*)	1800	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
15	Kon Rẫy (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
16	NLTT Đắc Lắc 1 (*)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
17	Tuy Hòa	1800	Xây mới	x	
18	NLTT Phú Yên 1 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
19	Dự phòng công suất TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	1800	Xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x
20	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Dốc Sỏi	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Dung Quất	1800	Cải tạo, nâng công suất, tên gọi trong danh mục các các đường dây 500kV, 220kV đầu nối của TBA 500 kV Dung Quất là TBKHH Dung Quất	x	
3	Pleiku	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
4	ĐMT Ea Súp	1800	Cải tạo, nâng công suất		x
5	Hương Thủy	1800	Xây mới	x	
6	Hòa Liên	900	Xây mới	x	
7	Mang Yang (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
8	Ia Blư 500 kV (*)	900	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
9	NLTT Đắc Lắc 1 (*)	3600	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
10	Đắc Nông 2 (*)	1800	Xây mới, cấp điện phụ tải luyện nhôm (theo đề xuất trong Văn bản số 167 UBND-KT ngày 08/01/2025 của UBND tỉnh Đắc Nông) và gom công suất NLTT		x
11	Diên Khánh	900	Xây mới	x	
12	NLTT Quảng Trị (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
13	Phong Điền	900	Xây mới, xem xét nối cấp TBA 220 kV Phong Điền, giải tỏa công suất NLTT	x	
14	NLTT Đắc Lắc 2 (*)	3600	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
15	Dự phòng công suất TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	3600	Xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x
16	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x

**Bảng 8: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
	Giai đoạn 2025-2030						
1	Quảng Bình - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trị (*)	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Quảng Bình		x
2	NMNĐ Quảng Trị - Quảng Trị	2	x	17	Xây mới, trong trường hợp NĐ Quảng Trị được tiếp tục triển khai	x	
3	Quảng Trị - Rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng	4	x	6	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Quảng Trị	x	
4	Trạm cắt Quảng Trị 2 - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	5	Xây mới	x	
5	Lao Bảo (Hương Hóa) - Trạm cắt Quảng Trị 2	2	x	31	Xây mới	x	
6	Cụm NMD Xebanghieng (Lào) - Lao Bảo (*)	2	x	20	Xây mới, nhập khẩu điện Lào	x	
7	LNG Hải Lăng - NMNĐ Quảng Trị	2	x	6	Xây mới, đồng bộ LNG Hải Lăng GĐ 1, trường hợp NMNĐ Quảng Trị chậm tiến độ, xây trước ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị dài khoảng 23km đầu nối LNG Hải Lăng GĐ 1 và NMNĐ Quảng Trị chuyển tiếp vào ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị (2 mạch)	x	
8	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 1 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án		x
9	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 2 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án		x
10	Thanh Mỹ - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	45	Xây mới	x	
11	Monsoon - Thanh Mỹ	2	x	22	Xây mới, Đã đóng điện T1/2025	x	
12	TBKHH Dung Quất - Dốc Sỏi	2	x	8	Xây mới	x	
13	TBKHH Miền Trung - Dốc Sỏi	2	x	20	Xây mới	x	
14	TBKHH Dung Quất - Bình Định	2	x	207	Xây mới	x	
15	Kon Rẫy - Rẽ Dốc Sỏi - Pleiku 2 (*)	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Kon Rẫy		x

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
16	Hatsan - Kon Tum (*)	2	x	100	Xây mới, nhập khẩu điện Lào		x
17	Kon Tum - Rẽ Thanh Mỹ - Pleiku 2	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Kon Tum	x	
18	TĐ Ialy MR - TĐ Ialy	1	x	2	Xây mới	x	
19	Nhon Hòa - Rẽ Pleiku - Đắc Nông	2	x	4	Xây mới		x
20	NLTT Đắc Lắc 1- Krông Buk (*)	4	x	20	Xây mới		x
21	Krong Buk - Tây Ninh 1	2	x	314	Xây mới	x	
22	Krông Buk - Rẽ Pleiku 2 - Chơn Thành	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Krông Buk	x	
23	Vân Phong - Bình Định	2	x	238	Xây mới	x	
24	Bình Định - Krông Buk	2	x	216	Xây mới	x	
25	NLTT Phú Yên 1 - Tuy Hòa (*)	2	x	30	Xây mới		x
26	Tuy Hòa - Rẽ Vân Phong - Bình Định	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tuy Hòa	x	
27	Ước tính khối lượng đầu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			200	Xây mới, cải tạo	x	x
28	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV xây mới và cải tạo			200	Xây mới, cải tạo	x	x
	Giai đoạn 2031-2035						
1	NLTT Quảng Trị - Trạm cắt Quảng Trị 2 (*)	2	x	31	Xây mới		x
2	Đầu nối trạm converter HVDC Trung Trung Bộ 1 (*)	6	x	20	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
3	Cải tạo Đà Nẵng - Dốc Sỏi thành 2 mạch	2	x	100	Cải tạo	x	
4	Hương Thủy - Rẽ Quảng Trị - Đà Nẵng	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Hương Thủy	x	
5	Phong Điền - rẽ Hòa Liên - Trạm cắt Quảng Trị 2	4	x	10	Xây mới	x	
6	Hòa Liên - Rẽ Trạm cắt Quảng Trị 2 - Thanh Mỹ	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Hòa Liên	x	
7	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 3 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án		x

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
8	Đầu nối trạm converter HVDC Trung Trung Bộ 2 (*)	4	x	20	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
9	Đầu nối Thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 4 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án		x
10	Mang Yang - Rẽ TBK Dung Quất - Krông Buk (*)	4	x	5	Xây mới		x
11	NLTT Đắc Lắc 1 - HVDC Trung Trung Bộ 2 (*)	2	x	350	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Nguyên, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025		x
12	Ia Blư - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk (*)	2	x	4	Xây mới		x
13	NLTT Đắc Lắc 2- rẽ Krông buk -Chơn Thành (*)	4	x	30	Xây mới		x
14	Đắc Nông 2 - Rẽ Krông Buk - Tây Ninh (*)	2	x	30	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đắc Nông 2		x
15	Cải tạo Đắc Nông - Cầu Bông 1 mạch thành 2 mạch	2	x	180	Xây mới, dự phòng trường hợp phát triển cao NLTT Tây Nguyên, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025	x	
16	Diên Khánh - Rẽ NĐ Vân Phong 1 - Thuận Nam	4	x	5	Xây mới	x	
17	Cải tạo Thạnh Mỹ - Pleiku 2 thành 2 mạch	2	x	199	Xây mới	x	
18	Ước tính khối lượng đầu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			200	Xây mới, cải tạo	x	x
19	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV xây mới và cải tạo			200	Xây mới, cải tạo	x	x

**Bảng 9: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Đồng Hới	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Ba Đồn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Lệ Thủy (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
4	Lao Bảo	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT	x	
5	Đồng Hà	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
6	Hướng Linh	250	Xây mới		x
7	Hướng Tân	500	Cải tạo, nâng công suất		x
8	Đông Nam	250	Xây mới	x	
9	Phong Điền	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
10	Chân Mây	250	Xây mới	x	
11	Hương Thủy	250	Xây mới	x	
12	Liên Chiểu	500	Xây mới	x	
13	Sân Bay Đà Nẵng	250	Xây mới	x	
14	Tiên Sa	250	Xây mới	x	
15	Tam Kỳ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
16	Thanh Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
17	Sông Tranh 2	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
18	Duy Xuyên	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
19	Tam Hiệp	250	Xây mới	x	
20	Điện Bàn	250	Xây mới	x	
21	Nam Hội An	250	Xây mới	x	
22	TĐ Nước Long	275	Cải tạo, nâng công suất		x
23	Dung Quất 2	500	Xây mới	x	
24	Quảng Ngãi 2	250	Xây mới	x	
25	Phước An	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
26	Phù Mỹ	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
27	Nhon Hội	500	Xây mới		x
28	Phù Mỹ 2	500	Xây mới, cấp điện cho KCN Phù Mỹ	x	
29	Tuy Hòa	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
30	Sông Cầu	250	Xây mới	x	
31	Nam Phú Yên	750	Xây mới, cấp điện cho phụ tải thép	x	
32	Vân Phong	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
33	Vạn Ninh	250	Xây mới	x	
34	Cam Thịnh	250	Xây mới	x	
35	Bờ Y	250	Xây mới	x	
36	Pleiku	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
37	Chư Sê	500	Cải tạo, nâng công suất	x	

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
38	An Khê	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
39	Pleiku 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới	x	
40	Krông Pa	250	Xây mới	x	
41	Gia Lai 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
42	Krông Ana	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
43	Krông Buk 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
44	Ea Kar	250	Xây mới	x	
45	Đắk Nông	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
46	Đắk Nông 2	500	Xây mới	x	
47	Điện phân nhôm	1184	Xây mới		x
48	Quảng Bình 1 (*)	500	Xây mới		x
49	Quảng Bình 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
50	Quảng Trị 1 (*)	250	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
51	Quảng Trị 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
52	NLTT Quảng Ngãi 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
53	Kon Tum 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
54	Kon Tum 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
55	Kon Tum 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
56	Mang Yang (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
57	Gia Lai 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
58	NLTT Ea Hleo (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
59	Ea Hleo	500	Xây mới	x	
60	Đắk Nông 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
61	Hoài Mỹ	500	Xây mới, cấp điện cho KCN Hoài Mỹ	x	
62	Phú Yên 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
63	Quảng Bình 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
64	NLTT Đắk Lắk 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
65	NLTT Đắk Lắk 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
66	NLTT Đắk Lắk 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
67	Đắk Song	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT	x	
68	Bình Định 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
69	Phú Yên 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
70	Phú Yên 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
71	Dự phòng công suất TBA 220 kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	1000	Xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
72	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cáo tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đồng Hới	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Hướng Linh	500	Cải tạo, nâng công suất		x
3	Đồng Nam	500	Cải tạo, nâng công suất		x
4	Hương Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
5	Hải Châu	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
6	Sân Bay Đà Nẵng	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
7	Duy Xuyên	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	Tam Hiệp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
9	Dốc Sỏi	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
10	Phù Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
11	Vạn Ninh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
12	Cam Thịnh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
13	Bờ Y	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
14	Gia Lai 1 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
15	Krông Ana	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
16	Ea Kar	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
17	Quảng Trị 1 (*)	500	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
18	Quảng Trị 3 (*)	250	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
19	Quảng Trị 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
20	Mang Yang (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
21	Gia Lai 2 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
22	ĐGNK Trung Trung Bộ	500	Xây mới		x
23	NLTT Huế 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
24	NLTT Huế 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
25	Kon Tum 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
26	Kon Tum 5 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
27	Gia Lai 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
28	Gia Lai 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
29	NLTT Đắc Lắc 1 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
30	NLTT Đắc Lắc 2 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
31	NLTT Đắc Lắc 3 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT		x
32	NLTT Đắc Lắc 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
33	NLTT Đắc Lắc 5 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
34	NLTT Đắc Lắc 6 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
35	NLTT Đắc Lắc 7 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
36	Đắc Nông 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT		x
37	Dự phòng công suất TBA 220 kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	2000	Xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x

**Bảng 10: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
	Giai đoạn 2025-2030						
1	Ba Đồn - Rẽ Vũng Áng - Đồng Hới	2	x	3	Xây mới, chuyển tiếp mạch 2	x	
2	Lệ Thủy - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Lệ Thủy		x
3	Điện gió B&T1 - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2	4	x	10	Xây mới		x
4	Quảng Bình 500 kV - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Quảng Bình		x
5	Nâng khả năng tải Đồng Hới - Đồng Hà	2	x	108	Cải tạo	x	
6	Quảng Bình 1 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới		x
7	Quảng Bình 2 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	25	Xây mới		x
8	Quảng Bình 3 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	25	Xây mới		x
9	TBA 500 kV Quảng Trị rẽ Đồng Hà - Huế và Đồng Hà - Phong Điền	6	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Quảng Trị	x	
10	Quảng Trị 500 kV - Đông Nam	2	x	27	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Đông Nam	x	
11	Đồng Hà - Huế mạch 3	1	x	78	Cải tạo, Đồng Hà - Quảng Trị 500 kV - Huế	x	
12	ĐG TNC Quảng Trị 1 - Hương Tân	1	x	11	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
13	Hương Linh - Lao Bảo	1	x	12	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
14	ĐG LIG Hương Hóa 1 - Hương Tân	1	x	13	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
15	ĐG LIG Hương Hóa 2 - LIG Hương Hóa 1	1	x	8	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
16	ĐG Savan 1 - Lao Bảo	2	x	17	Xây mới, khi TBA 500 kV Lao Bảo vào vận hành, chuyển đấu nối về TBA 500 kV Lao Bảo (Hương Hóa)		x
17	500 kV Lao Bảo (Hương Hóa) - Rẽ Lao Bảo - Đông Hà	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Lao Bảo (Hương Hóa)	x	
18	500 kV Lao Bảo (Hương Hóa) - Rẽ ĐG Tài Tâm - Lao Bảo	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Lao Bảo (Hương Hóa)	x	

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
19	Quảng Trị 1 - Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x
20	Quảng Trị 2 - Lao Bảo 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x
21	Chân Mây - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Chân Mây	x	
22	Phong Điền - Rẽ Đông Hà - Huế (mạch 2)	2	x	5	Xây mới	x	
23	Hương Thủy - Rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hương Thủy	x	
24	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	2	x	82	Cải tạo	x	
25	Nâng khả năng tải Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	2	x	100	Cải tạo	x	
26	Liên Chiểu - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	3	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Liên Chiểu	x	
27	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	11	Xây mới	x	
28	Tiên Sa - Rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	3	Xây mới, đấu nối nối TBA 220 kV Tiên Sa	x	
29	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Sân bay Đà Nẵng	x	
30	Điện Bàn - Nam Hội An	2	x	24	Xây mới	x	
31	Tam Hiệp - Rẽ Tam Kỳ - Dốc Sỏi	4	x	1	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Tam Hiệp	x	
32	Đà Nẵng 500 kV - Điện Bàn	2	x	12	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Điện Bàn	x	
33	TĐ Nam Emoun - Trạm cắt Đắc Ooc	1	x	51	Xây mới	x	
34	Nâng khả năng tải Đắc Ooc - Thạnh Mỹ	2	x	31	Cải tạo, tăng cường nhập khẩu điện Lào	x	
35	Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	2	x	69	Xây mới, TBA 500 kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	x	
36	Trạm cắt 220 kV Đắc Ooc - TĐ Sông Bung 2	2	x	10	Xây mới, tăng cường nhập khẩu điện Lào	x	
37	Phước An - Rẽ TĐ An Khê - Quy Nhơn (mạch 1)	2	x	2	Cải tạo	x	
38	TBKHH Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Dung Quất 2	x	
39	Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	3	Xây mới	x	
40	Nâng khả năng tải Dốc Sỏi - Dung Quất	2	x	8	Cải tạo, xem xét phương án xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất	x	

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
41	TBKHH Dung Quất - Rẽ Dốc Sỏi - Dung Quất	4	x	3	Xây mới, điều chỉnh quy mô thành 2x3 trong trường hợp xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất	x	
42	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	4	x	2	Xây mới	x	
43	NLTT Quảng Ngãi 1 - rẽ Quảng Ngãi - Phù Mỹ (*)	4	x	2	Xây mới		x
44	Nâng khả năng tải Sơn Hà - Dốc Sỏi	2	x	46	Cải tạo	x	
45	Nâng khả năng tải Quảng Ngãi - Dốc Sỏi	2	x	60	Cải tạo	x	
46	Thay dây phân pha mạch 1 đường dây Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	1	x	140	Cải tạo	x	
47	Trạm cắt 220 kV Bờ Y - Bờ Y	2	x	30	Xây mới	x	
48	Bờ Y - Kon Tum	2	x	51	Xây mới	x	
49	TĐ Đắk Mi 1 - TĐ Đắk My 2	1	x	15	Xây mới		x
50	TĐ Đắk Lô 3 - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	4	x	1	Xây mới		x
51	Kon Rẫy 500 kV - Rẽ Thượng Kon Tum - Kon Tum	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Kon Rẫy		x
52	Thượng Kon Tum - Kon Tum	2	x	82	Xây mới	x	
53	Nâng khả năng tải Kon Tum - Pleiku	2	x	36	Cải tạo	x	
54	Kon Tum 500 kV - rẽ Bờ Y - Kon Tum (*)	4	x	5	Xây mới	x	
55	Kon Tum 1 - Kon Tum 500 kV (*)	2	x	26	Xây mới		x
56	Kon Tum 2 - Kon Rẫy 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới		x
57	Kon Tum 3 - 500 kV Kon Rẫy (*)	2	x	30	Xây mới		x
58	Sơn Hà - Thượng Kon Tum	2	x	35	Xây mới	x	
59	Nâng khả năng tải Pleiku - ĐSK An Khê - TĐ An Khê	1	x	98	Cải tạo	x	
60	Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk (mạch 2)	2	x	2	Xây mới	x	
61	Pleiku 2 - Krông Buk Mạch 2	1	x	120	Cải tạo	x	
62	Krông Pa - Chư Sê	2	x	63	Xây mới	x	
63	ĐG Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 (mạch 2)	2	x	6	Xây mới		x
64	ĐG Ia Boong - Chư Prông - ĐG Nhơn Hòa 1	1	x	8	Xây mới		x

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
65	Mang Yang - Rẽ TĐ An Khê - Pleiku (*)	2	x	5	Xây mới		x
66	Gia Lai 1 - Pleiku 3 (*)	2	x	20	Xây mới		x
67	Gia Lai 2 - Nhơn Hòa (*)	2	x	20	Xây mới		x
68	Krông Buk 500 kV - Krong Buk	2	x	27	Xây mới	x	
69	Krông Buk - Nha Trang Mạch 2	1	x	150	Cải tạo	x	
70	Ea Kar - Rẽ Krông Buk - Nha Trang	4	x	2	Xây mới	x	
71	Nâng khả năng tải TĐ Srepok 3 - Buôn Kuop	1	x	34	Cải tạo	x	
72	NLTT Ea Hleo - 500 kV Ea Nam (*)	1	x	12	Xây mới		x
73	Ea Hleo - Rẽ Krong Buk - Chư Sê	4	x	5	Xây mới	x	
74	TĐ Sông Ba Hạ - Krong Buk 500 kV	2	x	115	Xây mới	x	
75	ĐG Krông Buk - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 mạch 2	2	x	1	Xây mới		x
76	NLTT Đắc Lắc 1 - NLTT Đắc Lắc 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
77	NLTT Đắc Lắc 2 - NLTT Đắc Lắc 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
78	NLTT Đắc Lắc 3 - NLTT Đắc Lắc 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
79	Nâng khả năng tải Buôn Kuop - Buôn Tua Shra - Đắc Nông 500 kV	1	x	112	Cải tạo	x	
80	Đắc Nông 2 - Rẽ Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah	2	x	10	Xây mới	x	
81	Đắc Nông 3 - Đắc Nông 500 kV	1	x	12	Xây mới		x
82	Đắc Song - rẽ Đắc Nông - Buôn Kuop	2	x	4	Xây mới	x	
83	Nâng khả năng tải Pleiku 2 - Phước An	1	x	98	Xây mới	x	
84	Phước An - Nhơn Hội	2	x	22	Xây mới		x
85	Bình Định 500 kV - Rẽ Phước An - Phù Mỹ	4	x	5	Xây mới	x	
86	Bình Định 500 kV - Rẽ An Khê - Quy Nhơn và Pleiku 2 - Phước An	4	x	35	Xây mới	x	
87	Phù Mỹ 2 - Phù Mỹ	2	x	20	Xây mới	x	
88	Phù Mỹ - Rẽ Phước An - Quảng Ngãi (mạch 2)	2	x	2	Cải tạo	x	

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
89	Hoài Mỹ - rẽ Phù Mỹ - Quảng Ngãi	4	x	5	Xây mới	x	
90	Bình Định 1 - Bình Định 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
91	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Vân Phong - Nha Trang	2	x	118	Cải tạo	x	
92	Tuy Hòa - Phước An	2	x	93	Xây mới	x	
93	HBRE An Thọ - Tuy Hòa	1	x	16	Xây mới		x
94	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Quy Nhơn	1	x	90	Cải tạo	x	
95	Đầu nối TBA 220 kV Sông Cầu	4	x	5	Xây mới, GD1: Đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Tuy Hòa - Quy Nhơn hiện hữu. GD2: Chuyển về đầu nối chuyển tiếp trên 02 mạch ĐD 220 kV Tuy Hòa - Phước An sau khi đường dây này vào vận hành	x	
96	Nam Phú Yên - Rẽ Nha Trang - Tuy Hòa	4	x	4	Xây mới, Cấp điện phụ tải thép	x	
97	Phú Yên 1- Tuy Hòa 500kV (*)	2	x	21	Xây mới		x
98	Tuy Hòa 500 kV - Rẽ Tuy Hòa - Phước An	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tuy Hòa	x	
99	Phú Yên 2 - NLTT Phú Yên 1 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới		x
100	Phú Yên 3 - NLTT Phú Yên 1 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới		x
101	Vạn Ninh - Rẽ Vân Phong - Tuy Hòa	4	x	2	Xây mới	x	
102	500 kV Vân Phong - Rẽ Tuy Hòa - Vân Phong 220 kV (mạch 2)	2	x	26	Xây mới	x	
103	Cam Thịnh - Rẽ Cam Ranh - Tháp Chàm	4	x	3	Xây mới	x	
104	Vân Phong 500 kV - Vân Phong 220 kV	2	x	20	Xây mới	x	
105	TĐ Sê San 3 MR - rẽ Sê San 3A – Sê San 3	2	x	2	Xây mới, đầu nối TĐ Sê San 3 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
106	TĐ Sê San 4 MR - rẽ Pleiku - Sê San 4	2	x	1	Xây mới, đầu nối TĐ Sê San 4 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
107	TĐ Srêpók 3 MR - rẽ TĐ Srêpók 3 - Buôn Kuốp	2	x	1	Xây mới, đấu nối TĐ Srêpók 3 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
108	TĐ Buôn Kuốp MR - rẽ Buôn Kuốp - Krông Ana	2	x	1	Xây mới, đấu nối TĐ Buôn Kuốp MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
109	ĐG Đắc ND'rung 1,2,3 – Đắc Nông 500 kV	2	x	18	Công trình đã có trong Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/3/2023. Xây mới, đồng bộ ĐG Đắc ND'rung 1,2,3 trong trường hợp các nhà máy điện này đủ điều kiện triển khai		x
110	Ước tính khối lượng đấu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			500	Xây mới, cải tạo	x	x
111	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV xây mới và cải tạo			500	Xây mới, cải tạo	x	x
	Giai đoạn 2031-2035						
1	TBKHH Quảng Trị - Rẽ Đông Nam - 500 kV Quảng Trị	2	x	5	Xây mới		x
2	Quảng Trị 3 - NLTT Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	16	Xây mới		x
3	Quảng Trị 4 - NLTT Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
4	Hương Thủy - Huế - chuyển đấu nối Phong Điền	2	x	19	Xây mới	x	
5	Phong Điền 500 kV - rẽ Phong Điền - Huế	4	x	2	Xây mới	x	
6	NLTT Huế 1 - Phong Điền 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
7	NLTT Huế 2 - Phong Điền 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
8	Đà Nẵng 500 kV - rẽ Ngũ Hành Sơn - Duy Xuyên	2	x	8	Xây mới	x	
9	Hòa Khánh - Rẽ Hải Châu - Đà Nẵng	2	x	1	Xây mới	x	
10	500 kV Hòa Liên - Hòa Khánh - chuyển đấu nối Liên Chiểu	2	x	6	Xây mới	x	
11	500 kV Hòa Liên - Rẽ Hòa Khánh - Hải Châu	4	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Hòa Liên	x	

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
12	TĐ Sông Tranh 2 MR - TĐ Sông Tranh 2	1	x	1	Xây mới	x	
13	Cải tạo nâng khả năng tải Duy Xuyên - Đà Nẵng	1	x	30	Cải tạo	x	
14	Cải tạo nâng khả năng tải Duy Xuyên - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng	1	x	50	Cải tạo	x	
15	Cải tạo nâng khả năng tải Thanh Mỹ 500 kV – Thanh Mỹ	2	x	20	Cải tạo	x	
16	Kon Tum 4 - Kon Tum 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới		x
17	Kon Tum 5 - Kon Rẫy 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới		x
18	Mang Yang 500 kV - rẽ An Khê - Pleiku 2 (*)	2	x	10	Xây mới		x
19	Mang Yang 500 kV - rẽ TĐ An Khê - Pleiku (*)	2	x	10	Xây mới		x
20	Ia Blư 500 kV - rẽ Chư Sê - Krông Buk (*)	4	x	20	Xây mới		x
21	Gia Lai 3 - Mang Yang 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
22	Gia Lai 4 - Mang Yang 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
23	NLTT Đắc Lắc 4 - ĐMT Easup (*)	2	x	20	Xây mới		x
24	NLTT Đắc Lắc 5 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
25	NLTT Đắc Lắc 6 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
26	NLTT Đắc Lắc 7 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
27	Đắc Nông 4 - Đắc Nông 2 500 kV (*)	2	x	12	Xây mới		x
28	Diên Khánh - Rẽ Nha Trang - Cam Ranh	4	x	7	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Diên Khánh	x	
29	Đấu nối TĐ Sông Tranh MR	2	x	5	Xây mới, đấu nối TĐ Sông Tranh MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	

TT	Tên đường dây	Số mạch x km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
30	TĐ Sê San 3A MR - rẽ TĐ Sê San 3 - TĐ Sê San 3A	2 x 2	Xây mới, đấu nối TĐ Sê San 3A MR theo đề xuất trong Văn bản số 11 /BC-UBND của UBND tỉnh Kon Tum ngày 13/01/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
31	Ước tính khối lượng đấu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT	500	Xây mới, cải tạo	x	x
32	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV xây mới và cải tạo	500	Xây mới, cải tạo	x	x

**Bảng 11: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Di Linh	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Thuận Nam	2700	Cải tạo, nâng công suất		x
3	Ninh Sơn	2700	Xây mới, thiết kế sơ đồ vận hành linh hoạt	x	
4	Sơn Mỹ	900	Xây mới		x
5	Hồng Phong (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
6	NTB 1 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ		x
7	Cầu Bông	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	Củ Chi	1800	Xây mới	x	
9	Chơn Thành	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
10	Tây Ninh 1	1800	Xây mới	x	
11	Tây Ninh 2	900	Xây mới	x	
12	Tân Định	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
13	Tân Uyên	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
14	Bình Dương 1	1800	Xây mới	x	
15	Bình Dương 2	Trạm cắt	Xây mới, dự phòng đấu nối đường dây truyền tải liên vùng Nam Trung Bộ - Nam Bộ	x	
16	Sông Mỹ	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
17	Long Thành	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
18	Đồng Nai 2	1800	Xây mới	x	
19	Phú Mỹ	900	Cải tạo, nâng công suất	x	
20	Bắc Châu Đức	1800	Xây mới	x	
21	Đức Hòa	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
22	Long An	1800	Xây mới	x	
23	Bến Tre (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
24	Thốt Nốt	1800	Xây mới	x	
25	Duyên Hải	1350	Cải tạo, nâng công suất	x	
26	Trà Vinh 1 (*)	1800	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025		x
27	Long Phú	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
28	Sóc Trăng (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
29	Bạc Liêu (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
30	Cà Mau (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
31	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3600	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
32	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Lâm Đồng	1800	Xây mới, đồng bộ phụ tải luyện nhôm (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng)		x
2	500 kV Ninh Thuận 1 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
3	500 kV Ninh Thuận 2 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
4	Hồng Phong (*)	2700	Cải tạo, nâng công suất		x
5	NTB 2 (*)	1800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ		x
6	NTB 3 (*)	1800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ		x
7	Cù Chi	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	Đa Phước	2700	Xây mới, thiết kế sơ đồ vận hành linh hoạt	x	
9	TP Thủ Đức	1800	Xây mới	x	
10	Chơn Thành	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
11	Lộc Ninh (*)	2700	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
12	Tây Ninh 2	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
13	Tây Ninh 3 (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
14	Bình Dương 1	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
15	Bình Dương 2	2700	Lắp MBA tại Trạm cắt 500 kV Bình Dương 2	x	
16	Long Thành	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
17	Đồng Nai 4 (*)	2700	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
18	Long Điền	1800	Xây mới	x	
19	Long An 2	900	Xây mới	x	
20	Đồng Tháp	1800	Xây mới	x	
21	An Giang	1800	Xây mới	x	
22	Tiền Giang	1800	Xây mới	x	
23	Bến Tre (*)	1800	Cải tạo, nâng công suất		x
24	Thốt Nốt	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
25	Duyên Hải	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
26	Trà Vinh 2 (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
27	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3600	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x
28	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x

**Bảng 12: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Tên đường dây	Số mạch x km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Ninh Sơn - Rẽ NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	4 x 18	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn	x	
2	Ninh Sơn - Chơn Thành	2 x 275	Xây mới, giải tỏa công suất nguồn điện. Thay thế ĐD 500 kV Thuận Nam - Chơn Thành đã được phê duyệt tại Văn bản số 1891/TTg-CN ngày 27/12/2018 để thuận lợi trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành.	x	
3	TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn	2 x 25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Bắc Ái, thay cho ĐD 500 kV TĐTN Bắc Ái - Rẽ Vân Phong - Thuận Nam	x	
4	TĐTN Phước Hòa - Ninh Sơn	2 x 25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Phước Hòa		x
5	Hồng Phong - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4 x 10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
6	Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	2 x 80	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Sơn Mỹ II	x	
7	NMNĐ Vĩnh Tân III - Vĩnh Tân	2 x 1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Vĩnh Tân III		x
8	LNG Cà Ná - Thuận Nam	2 x 30	Xây mới, đồng bộ LNG Cà Ná		x
9	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 (giải tỏa công suất về Nam Bộ)	2 x 300	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Xem xét đầu nối về TBA 500kV Bình Dương 1. Trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Nam Trung Bộ, xem xét phát triển lưới truyền tải cấp điện áp 765÷1000 kV	x	
10	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 1	4 x 15	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Xem xét đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 500kV Thuận Nam - Vĩnh Tân	x	
11	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 2	2 x 60	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 2. Xem xét đầu nối về TBA 500kV Ninh Sơn	x	
12	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 2 (giải tỏa công suất về Nam Bộ)	2 x 325	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 2. Xem xét đầu nối về Trạm 500kV Bình Dương 2. Trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Nam Trung Bộ, xem	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch x km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
			xét phát triển lưới truyền tải cấp điện áp 765÷1000 kV		
13	NTB 1 - Hồng Phong (*)	2 x 20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế		x
14	Tây Ninh 1 - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	4 x 2	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1	x	
15	Tây Ninh 2 - Rẽ Chơn Thành - Tây Ninh 1	2 x 30	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tây Ninh 2	x	
16	Bắc Châu Đức - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mỹ và Phú Mỹ - Long Thành	4 x 11	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bắc Châu Đức	x	
17	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mỹ	1 x 58	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực	x	
18	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Long Thành - Sông Mỹ	1 x 92	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực	x	
19	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè và Phú Mỹ - NMĐ Nhơn Trạch 4 - Nhà Bè	2 x 43	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực	x	
20	Củ Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	2 x 16	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Củ Chi	x	
21	Bình Dương 1 - Rẽ Sông Mỹ - Tân Định	2 x 35	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bình Dương 1	x	
22	Bình Dương 1 - Chơn Thành	2 x 17	Xây mới, tạo mạch vòng nâng cao độ tin cậy cấp điện khu vực	x	
23	Bình Dương 2 - Rẽ Tây Ninh 1 - Chơn Thành	4 x 5	Xây mới, đấu nối trạm cắt 500 kV Bình Dương 2	x	
24	Đồng Nai 2 - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mỹ	4 x 5	Xây mới, chuyển tiếp trên mạch 3,4 ĐD 500 kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mỹ - Tân Uyên	x	
25	NMĐ Nhơn Trạch 4 - Rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	2 x 4	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 4	x	
26	Long Thành - Rẽ Bắc Châu Đức - Sông Mỹ	2 x 17	Xây mới, tăng cường truyền tải nguồn điện khu vực. Kiến nghị lựa chọn tiết diện phù hợp với ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mỹ sau cải tạo nâng khả năng tải	x	
27	Đức Hòa - Chơn Thành	2 x 104	Xây mới, chuyển đấu nối Mỹ Tho - Chơn Thành	x	
28	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Cầu Bông (mạch 2)	2 x 13	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp thêm	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
					trên mạch còn lại của ĐD 500 kV Phú Lâm - Cầu Bông		
29	Long An - Rẽ Nhà Bè - Mỹ Tho	2	x	1	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long An	x	
30	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Đức Hòa - Cầu Bông	2	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa công suất LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ	x	
31	500 kV Trà Vinh 1 - Sông Hậu (*)	2	x	65	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025		x
32	500 kV Bến Tre - Long An (*)	2	x	55	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bến Tre, chuyển đấu nối về TBA 500 kV Đa Phước trong giai đoạn 2031-2035		x
33	Ô Môn - Thốt Nốt	2	x	35	Xây mới, tăng cường lưới truyền tải khu vực Tây Nam Bộ; giải tỏa công suất TTĐL Ô Môn	x	
34	NMNĐ Sông Hậu II - Sông Hậu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Sông Hậu II		x
35	Thốt Nốt - Đức Hòa	2	x	135	Xây mới, giải tỏa công suất LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ, xem xét chuyển đấu nối đi Cầu Bông để hạn chế dòng ngắn mạch	x	
36	LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	130	Xây mới, đồng bộ LNG Bạc Liêu	x	
37	500 kV Bạc Liêu - Rẽ LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt (*)	2	x	20	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
38	500 kV Cà Mau - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	67	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
39	500 kV Sóc Trăng - Long Phú (*)	2	x	40	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
40	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			450	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035						
1	500 kV Ninh Thuận 1 - Rẽ Vân Phong - Ninh Sơn (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
2	500 kV Ninh Thuận 2 - Rẽ Thuận Nam - Ninh Sơn (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Xem xét chuyển đấu nối về Trạm Converter HVDC Nam Trung Bộ khi xuất hiện hệ thống truyền tải HVDC Nam Trung Bộ - Bắc Bộ		x
3	Đấu nối trạm Converter HVDC Nam Trung Bộ			160	Xây mới, đấu nối trạm converter HVDC Nam Trung Bộ, xem xét đấu nối về ĐHN	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch x km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
			Ninh Thuận 1 và ĐHN Ninh Thuận 2		
4	TĐTN Đơn Dương - Rẽ Điện hạt nhân Ninh Thuận 2 - Bình Dương 2	4 x 20	Xây mới, đồng bộ TĐTN Đơn Dương	x	
5	Hồng Phong - Long Thành (*)	2 x 130	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
6	NTB 2 - Rẽ Hồng Phong - Long Thành (*)	4 x 25	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế		x
7	NTB 3 - Đồng Nai 2 (*)	2 x 80	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế		x
8	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 vào lưới 500 kV khu vực	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ	x	
9	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 vào lưới 500 kV khu vực	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ	x	
10	500 kV Lâm Đồng - Rẽ Ninh Sơn - Chơn Thành	4 x 10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Lâm Đồng		x
11	500 kV Tây Ninh 3 – 500 kV Tây Ninh 2 (*)	2 x 20	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
12	Lộc Ninh - Chơn Thành (*)	2 x 60	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
13	Long Điện - Rẽ LNG Long Sơn - Bắc Châu Đức	2 x 10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điện	x	
14	LNG Long Sơn - Bắc Châu Đức	2 x 36	Xây mới, đồng bộ LNG Long Sơn, phụ thuộc tiến độ nguồn điện		x
15	500 kV Đồng Nai 4 - Rẽ Sông Mây - Tân Định (*)	2 x 15	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
16	Đa Phước - Rẽ Phú Lâm - Nhà Bè	2 x 8	Xây mới, đầu nối trạm 500 kV Đa Phước	x	
17	Đa Phước - Long An	2 x 10	Xây mới, chuyển đầu nối về TBA 500 kV Bến Tre	x	
18	TP Thủ Đức - Long Thành	2 x 25	Xây mới, đầu nối trạm 500 kV TP Thủ Đức	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
19	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Bộ 1 vào lưới 500 kV khu vực	4	x	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ	x	
20	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Bộ 2 vào lưới 500 kV khu vực	4	x	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ	x	
21	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tiền Giang	x	
22	LNG Long An II – Long An	2	x	15	Xây mới, đồng bộ LNG Long An II		x
23	Long An 2 - Rẽ Sông Hậu - Đức Hòa	2	x	13	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long An 2	x	
24	500 kV Trà Vinh 2 - Duyên Hải	4	x	1	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
25	500 kV Trà Vinh 2 - Bến Tre	2	x	60	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
26	Đồng Tháp - Tây Ninh 1	2	x	112	Xây mới	x	
27	An Giang - Đồng Tháp	2	x	65	Xây mới	x	
28	500 kV Bạc Liêu - An Giang (*)	2	x	115	Xây mới		x
29	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			500	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	x	x

**Bảng 13: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Bảo Lộc	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Đức Trọng	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Tà Năng (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
4	Bảo Lâm	250	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng)		x
5	Đạ Huoai	250	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng)		x
6	TĐ Đa Nhim	375	Cải tạo, nâng công suất		x
7	Phước Thái	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	Trạm cắt Đa Nhim	Trạm cắt	Xây mới	x	
9	Cà Ná	500	Xây mới	x	
10	Đồng Quán Thê	480	Xây mới, đồng bộ phụ tải chuyên dùng		x
11	TĐ Hàm Thuận	125	Cải tạo, nâng công suất		x
12	TĐ Đại Ninh	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
13	Hàm Thuận Nam	500	Xây mới	x	
14	Vĩnh Hảo	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
15	Hòa Thắng (*)	500	Xây mới		x
16	Hồng Phong 500 kV nối cấp	500	Xây mới		x
17	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
18	Tân Sơn Nhất	500	Xây mới	x	
19	Đầm Sen	500	Xây mới	x	
20	Thủ Thiêm	500	Xây mới	x	
21	Bình Chánh 1	500	Xây mới	x	
22	Bà Quẹo (Vĩnh Lộc)	500	Xây mới	x	
23	Quận 7	500	Xây mới	x	
24	Nam Hiệp Phước	500	Xây mới	x	
25	Quận 9	500	Xây mới	x	
26	Tây Bắc Củ Chi	250	Xây mới	x	
27	Phú Hòa Đông	250	Xây mới	x	
28	Cần Giờ	500	Xây mới	x	
29	Phước Long	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
30	Đồng Bình Phước (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
31	Alumin Bình Phước	500	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin Bình Phước (theo đề nghị tại Văn bản số		x

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
			1058/UBND-TH ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)		
32	Đồng Xoài	250	Xây mới	x	
33	Tân Biên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
34	Phước Đông	500	Xây mới	x	
35	Tây Ninh 3	250	Xây mới	x	
36	Tân Định	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
37	Bến Cát 2	500	Xây mới	x	
38	Tân Định 2	500	Xây mới	x	
39	An Thạnh (VSIP)	500	Xây mới	x	
40	Bình Mỹ	500	Xây mới	x	
41	Bắc Tân Uyên	500	Xây mới	x	
42	Lai Uyên	500	Xây mới	x	
43	Phú Giáo	500	Xây mới	x	
44	TĐ Trị An	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
45	Tam Phước	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
46	Thống Nhất	500	Xây mới	x	
47	KCN Nhơn Trạch	500	Xây mới	x	
48	Long Khánh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
49	Hố Nai	500	Xây mới	x	
50	Dầu Giây	500	Xây mới	x	
51	Biên Hòa	500	Xây mới	x	
52	Đồng Nai 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
53	Đồng Nai 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
54	Bà Rịa	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
55	KCN Phú Mỹ 3	500	Xây mới	x	
56	Phước Thuận (Đất Đỏ)	500	Xây mới	x	
57	Long Sơn	250	Xây mới	x	
58	Cần Đước	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
59	Đức Hòa 2	500	Xây mới	x	
60	Đức Hòa 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
61	Bến Lức 2 (Đức Hòa 3)	500	Xây mới, thay thế TBA 220 kV Đức Hòa 3 trong Quy hoạch điện VIII (theo đề nghị của EVNNPT tại Văn bản số 781/EVNNPT-KH+ĐT ngày 21/02/2025).	x	
62	Tân Lập	250	Xây mới	x	
63	Kiến Tường	250	Xây mới	x	
64	Lấp Vò	250	Xây mới	x	
65	Hồng Ngự	250	Xây mới	x	
66	Long Xuyên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
67	Chợ Mới	250	Xây mới	x	
68	Châu Thành (An Giang)	250	Xây mới	x	
69	Cai Lậy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
70	Mỹ Tho	500	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
71	Tân Phước (Cái Bè)	500	Xây mới	x	
72	Gò Công	500	Xây mới	x	
73	Vĩnh Long 3	250	- Máy 1 (250MVA), vận hành giai đoạn 2026 -2027; - Máy 2 (250MVA), vận hành giai đoạn 2029 -2030.	x	
74	Mỏ Cày	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
75	Bình Đại (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
76	Thanh Phú (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
77	An Biên (Vĩnh Thuận)	500	Xây mới	x	
78	Phú Quốc	500	Xây mới	x	
79	Trà Nóc	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
80	Ô Môn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
81	Châu Thành (Hậu Giang)	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
82	Trà Vinh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
83	Trà Vinh 3	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
84	Trần Đề (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
85	Bạc Liêu	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
86	Giá Rai	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
87	Hòa Bình (*)	500	Xây mới	x	
88	Bạc Liêu 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
89	Cà Mau 3	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
90	Năm Căn	500	Xây mới	x	
91	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3500	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x
92	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch bao gồm nhưng không giới hạn tại các thanh cái TBA 500 kV Vĩnh Tân, Bắc Châu Đức, TBA Bà Quẹo (kháng đường dây 220kV Bà Quẹo - Đầm Sen)		Hạn chế dòng ngắn mạch	x	x
93	Cải tạo sơ đồ thanh cái linh hoạt, phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn tại các TBA 500 kV Đức Hòa, Ô Môn, TBA Ninh Phước, Long Thành, Củ Chi		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện	x	x
94	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết	x	x

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
			bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...		
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đà Lạt	250	Xây mới	x	
2	220 kV Ninh Thuận 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
3	220 kV Ninh Thuận 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
4	220 kV Ninh Thuận 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
5	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	500	Cải tạo, nâng công suất		x
6	Hồng Liêm (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
7	Tây Bắc Củ Chi	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	Phú Hòa Đông	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
9	Bình Chánh 2	500	Xây mới	x	
10	Hóc Môn 2	500	Xây mới	x	
11	TP Thủ Đức 500 kV nối cấp	750	Xây mới	x	
12	Đa Phước 500 kV nối cấp	750	Xây mới	x	
13	Đồng Bình Phước (*)	750	Cải tạo, nâng công suất		x
14	Đồng Xoài	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
15	Hớn Quản	250	Xây mới	x	
16	220 kV Bình Phước 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
17	220 kV Bình Phước 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
18	Tây Ninh	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
19	Tây Ninh 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
20	Bến Cầu	500	Xây mới	x	
21	Tây Ninh 3	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
22	Tân Châu 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
23	Mỹ Phước	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
24	Uyên Hưng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
25	Bến Cát	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
26	Tân Uyên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
27	Bến Cát 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
28	Tân Định 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
29	An Thạnh (VSIP)	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
30	Bình Mỹ	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
31	Bến Cát 3	750	Xây mới	x	
32	Bàu Bàng	750	Xây mới	x	
33	Bình Dương 2 500 kV nối cấp	750	Xây mới	x	
34	Long Thành	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
35	An Phước	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
36	Tam Phước	750	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
37	KCN Nhơn Trạch	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
38	Biên Hòa	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
39	Đồng Nai 3 (*)	1000	Cải tạo, nâng công suất		x
40	Đồng Nai 4 (*)	1000	Cải tạo, nâng công suất		x
41	Long Thành 500 kV nối cấp	750	Xây mới	x	
42	KCN Long Thành 2	750	Xây mới	x	
43	Đồng Nai 2 500 kV nối cấp	750	Xây mới	x	
44	Long Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
45	TP Phú Mỹ	500	Xây mới	x	
46	Vũng Tàu 2	500	Xây mới	x	
47	Đức Hòa 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
48	Tân Lập	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
49	Cần Giuộc	500	Xây mới	x	
50	Kiến Tường	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
51	Long An 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
52	Lấp Vò	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
53	Hồng Ngự	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
54	Đồng Tháp 500 kV nối cấp	250	Xây mới	x	
55	Chợ Mới	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
56	Châu Thành (An Giang)	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
57	An Giang 500 kV nối cấp	250	Xây mới	x	
58	Tân Phước (Cái Bè)	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
59	Tiền Giang 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
60	Vĩnh Long 3	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
61	Ba Tri	500	Xây mới		x
62	Vĩnh Quang	250	Xây mới	x	
63	Thốt Nốt	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
64	Vị Thanh	250	Xây mới	x	
65	Duyên Hải	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
66	Bạc Liêu	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
67	Giá Rai	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
68	Bạc Liêu 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
69	Cà Mau 4	250	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
70	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3500	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	x	x
71	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự	x	x

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
			động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...		

**Bảng 14: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030						
1	Mạch 2 Bảo Lộc - Sông Mây	2	x	118	Cải tạo mạch 1, xây dựng mạch 2, nâng cao độ tin cậy	x	
2	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Rẽ Tháp Chàm - Đa Nhim	2	x	1	Xây mới, đồng bộ trạm cắt 220 kV Đa Nhim	x	
3	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh	2	x	96	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực. Thay thế cho công trình cải tạo ĐD 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kV TĐ Đa Nhim	x	
4	TĐ Đồng Nai 2 - Rẽ Đức Trọng - Di Linh và chuyển đầu nối (Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 thay cho Đức Trọng - Di Linh), cải tạo nâng khả năng tải ĐD 220 kV TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh	1	x	15	Xây mới và cải tạo, hình thành ĐD 220 kV mạch đơn Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh thay cho ĐD 220 kV mạch kép TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh		x
5	Đức Trọng - Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Di Linh	2	x	1	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
6	Bảo Lâm - Bảo Lộc	2	x	25	Xây mới, đồng bộ với tiến độ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng		x
7	Đạ Huoai - Rẽ Bảo Lộc - Định Quán	2	x	2	Xây mới, đồng bộ với tiến độ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng		x
8	ĐG Đức Trọng - Rẽ Đa Nhim - Đức Trọng (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMDG Đức Trọng. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMDG Đức Trọng được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4777/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Vận hành đồng bộ với ĐD 220 kV trạm cắt Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh.		x
9	Tà Năng - rẽ Đức Trọng - Di Linh (*)	2	x	20	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Tà Năng trên ĐZ 220 kV Đức Trọng - Di Linh (mạch xây mới). Đồng bộ theo quy		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
					mô và tiến độ nguồn điện khu vực		
10	Đầu nối TĐ Đa R'Sal (**)	1	x	30	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng đề xuất đầu nối TĐ Đa R'Sal về TC 220 kV TBA 220 kV TĐ Buôn Tua Srah. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
11	500 kV Ninh Sơn - Rẽ Tháp Chàm - Ninh Phước	4	x	27	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn	x	
12	500 kV Ninh Sơn - Ninh Phước	2	x	47	Xây mới, thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Phước - Vĩnh Tân do khó khăn về hướng tuyến	x	
13	500 kV Ninh Sơn - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	18	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
14	Tháp Chàm - trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	46	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
15	500 kV Vĩnh Tân - Cà Ná	2	x	14	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Cà Ná	x	
16	ĐG Phước Hữu - 220 kV Ninh Phước (*)	1	x	2	Xây mới, đầu nối ĐG Phước Hữu, thay cho ĐD 110 kV ĐG Phước Hữu - 110 kV Ninh Phước đã được phê duyệt tại Quyết định số 3768/QĐ-BCT ngày 27/07/2011 do lưới điện 110 kV không có khả năng giải tỏa. Trạm nâng áp 220 kV ĐG Phước Hữu có công suất 63 MVA		x
17	Đông Quán Thẻ - Rẽ Vĩnh Tân - Trạm cắt 220 kV Quán Thẻ	2	x	1	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
18	Đông Quán Thẻ - Cà Ná	1	x	7	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
19	TĐ Đa Nhim MR GD2 - Sân phân phối 220 kV Đa Nhim	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
20	Hàm Tân - Rẽ Phan Thiết - Châu Đức (mạch 2)	2	x	6	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Hàm Tân chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phan Thiết - Tân Thành	x	
21	Hàm Thuận Nam - Rẽ Phan Thiết - Hàm Tân	4	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Hàm Thuận Nam	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
22	Hòa Thắng - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	7	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hòa Thắng	x	x
23	Nâng khả năng tải Hàm Thuận - Đa My - Xuân Lộc	2	x	95	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
24	Nâng khả năng tải Phan Thiết - Hàm Thuận	1	x	55	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
25	Phước Thái - Rẽ Vĩnh Tân - Tháp Chàm (mạch 2)	2	x	3	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Phước Thái chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
26	Hồng Phong - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	1	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
27	Phong điện 1 Bình Thuận - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Thiết (*)	2	x	4	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
28	Nâng khả năng tải Phan Rí - Phan Thiết	2	x	52	Cải tạo nâng khả năng tải, thống nhất tiết diện trên toàn tuyến 220 kV Phan Rí - Phan Thiết để giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
29	Phan Rí - 500 kV Hồng Phong	2	x	16	Xây mới, tăng cường khả năng giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
30	500 kV Hồng Phong - Rẽ Phan Rí - Phan Thiết	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Hồng Phong		x
31	500 kV Sơn Mỹ - Rẽ Hàm Tân - Phước Thuận (Đất Đỏ)	4	x	4	Xây mới	x	
32	Nâng khả năng tải Bình Long - Chơn Thành	2	x	32	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
33	Tân Biên - Tây Ninh	2	x	25	Xây mới	x	
34	500 kV Tây Ninh 1 - Rẽ Tây Ninh 2 - Trảng Bàng	4	x	8	Xây mới	x	
35	500 kV Tây Ninh 1 - Phước Đông	2	x	8	Xây mới	x	
36	Alumin Bình Phước - Rẽ Phước Long - Điện phân nhôm	2	x	15	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin Bình Phước (theo đề nghị tại Văn bản số 1058/UBND-TH ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Bình Phước		x
37	Đồng Xoài - Chơn Thành	2	x	20	Xây mới	x	
38	Bình Long - Chơn Thành (mạch 3, 4)	2	x	32	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
39	Đông Bình Phước - Rẽ Bình Long - Điện phân nhôm (*)	4	x	12	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
40	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Chơn Thành 500 kV - Mỹ Phước	2	x	45	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
41	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Mỹ Phước - Tân Định 500 kV	2	x	17	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
42	500 kV Tây Ninh 2 - Rẽ ĐMT Hồ Dầu Tiếng - Tây Ninh	4	x	3	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2	x	
43	500 kV Tây Ninh 2 - Tây Ninh (chuyển đấu nối đi Tân Biên)	2	x	6	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2	x	
44	Tây Ninh 3 - 500 kV Tây Ninh 2	2	x	16	Xây mới		x
45	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Long Thành	2	x	25	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
46	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
47	KCN Phú Mỹ 3 - Rẽ Tân Thành - Châu Đức	4	x	1	Xây mới	x	
48	500 kV Bắc Châu Đức - Rẽ Châu Đức - Tân Thành	4	x	10	Xây mới	x	
49	Phước Thuận (Đất Đỏ) - Rẽ Phan Thiết - Tân Thành và Hàm Tân - Tân Thành	4	x	6	Xây mới	x	
50	Long Sơn - Rẽ Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3	2	x	8	Xây mới, xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện ĐD 220 kV Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3 sau khi cải tạo	x	
51	Châu Đức - rẽ Hàm Tân - Tân Thành (mạch 2)	2	x	2	Xây mới, hoàn thiện đấu nối TBA 220kV Châu Đức vào 02 mạch ĐD 220kV Hàm Tân – Tân Thành	x	
52	Nâng khả năng tải Tân Thành - Vũng Tàu	2	x	30	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
53	Nâng khả năng tải Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức	2	x	60	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
54	Cát Lái - Tân Cảng	2	x	15	Xây mới	x	
55	Bình Chánh 1 - Cầu Bông	2	x	21	Xây mới, thuộc dự án đường dây 220-110 kV Cầu Bông - Bình Tân	x	
56	Tân Sơn Nhất - Thuận An	2	x	15	Xây mới	x	
57	Tân Sơn Nhất - Rẽ Hóc Môn - Thủ Đức	2	x	9	Xây mới	x	
58	Phú Lâm - Đầm Sen	2	x	6	Xây mới	x	
59	Đầm Sen - Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất	2	x	10	Xây mới	x	
60	500 kV Long Thành - Công Nghệ Cao	2	x	25	Xây mới	x	
61	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Trảng Bàng	4	x	1	Xây mới, chuyển đấu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - Trảng Bàng và Củ Chi 500 kV - Tân Định	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
62	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Tân Định	2	x	1	Xây mới, chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - 220 kV Củ Chi	x	
63	Thủ Thiêm - Rẽ Cát Lái - Tân Cảng	4	x	1	Xây mới	x	
64	Quận 7 - Nhà Bè và mở rộng ngắn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè	2	x	6	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Quận 7, trường hợp không mở rộng được ngắn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè, xem xét đầu nối Quận 7 - Rẽ NĐ Nhơn Trạch 1&2 - Nhà Bè (2x7km), sử dụng tiết diện lớn	x	
65	Quận 9 - Rẽ Long Thành - Công nghệ cao	4	x	5	Xây mới	x	
66	LNG Hiệp Phước giai đoạn I - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4	x	3	Xây mới, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I		x
67	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đước - Mỹ Tho - Mỹ Tho 500 kV	2	x	112	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I	x	
68	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
69	Nam Hiệp Phước - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4	x	2	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Nam Hiệp Phước. Kiến nghị chọn tiết diện phù hợp với ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đước sau cải tạo	x	
70	Cần Giờ - Rẽ Phú Mỹ - Nam Hiệp Phước	2	x	28	Xây mới	x	
71	Bến Cát 2 - Rẽ Tân Định - Củ Chi	4	x	1	Xây mới	x	
72	Bến Cát 2 - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	2	x	20	Xây mới và đầu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐD 220 kV Chơn Thành - Bến Cát	x	
73	Tân Định 2 - Rẽ Mỹ Phước - Bến Cát	4	x	11	Xây mới	x	
74	500 kV Bình Dương 1 - Rẽ Uyên Hưng - Sông Mỹ	4	x	40	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1	x	
75	An Thạnh (VSIP) - Rẽ Tân Uyên - Thuận An	4	x	3	Xây mới	x	
76	Bình Mỹ - Rẽ Bình Dương 1 - Sông Mỹ	4	x	3	Xây mới	x	
77	Lai Uyên - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	4	x	1	Xây mới	x	
78	Bắc Tân Uyên - Rẽ Bình Mỹ - Sông Mỹ	2	x	7	Xây mới	x	
79	Sông Mỹ - Tam Phước	2	x	14	Xây mới	x	
80	500 kV Đồng Nai 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	12	Xây mới	x	
81	NMĐ Nhơn Trạch 3 - Rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái	2	x	10	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3; thay thế cho ĐD NMĐ Nhơn Trạch 3 - Cát Lái (chuyển đầu nối đi Thủ Đức)	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
					do khó khăn về hướng tuyến xây dựng ĐD		
82	NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	2	x	44	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3	x	
83	KCN Nhơn Trạch - Rẽ NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	4	x	3	Xây mới, đồng bộ trạm 220 kV KCN Nhơn Trạch. Trường hợp NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ, xem xét xây dựng trước ĐD 220 kV KCN Nhơn Trạch - Long Thành	x	
84	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 1)	1	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
85	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 2)	1	x	25	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
86	Thống Nhất - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mỹ	4	x	2	Xây mới	x	
87	Nâng khả năng tải Tân Định - Bình Hòa	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
88	TĐ Trị An mở rộng - TĐ Trị An	2	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Trị An mở rộng	x	
89	Tây Bắc Củ Chi - Củ Chi 500 kV	2	x	12	Xây mới	x	
90	Bình Chánh 1 - Đức Hòa	2	x	10	Xây mới	x	
91	Phú Hòa Đông - Rẽ Củ Chi - Cầu Bông	4	x	5	Xây mới	x	
92	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Củ Chi	2	x	22	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
93	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Bình Tân - Phú Lâm	2	x	34	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
94	Nâng khả năng tải Thủ Đức - Tân Uyên - Long Bình	2	x	44	Cải tạo nâng khả năng tải, xem xét phù hợp khả năng tải của đoạn cáp ngầm hiện hữu	x	
95	Tân Định 2 - Bình Mỹ	2	x	14	Xây mới	x	
96	Biên Hòa - Rẽ Tân Uyên - Long Bình	4	x	1	Xây mới	x	
97	Dầu Giây - 500 kV Đồng Nai 2	2	x	30	Xây mới	x	
98	Dầu Giây - 500 kV Long Thành	2	x	12	Xây mới	x	
99	220 kV Đồng Nai 3 - Tân Uyên (*)	2	x	55	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
100	220 kV Đồng Nai 4 - Uyên Hưng (*)	2	x	31	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
101	Nâng khả năng tải 220 kV Long Thành - An Phước - Tam Phước	2	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải. Kiến nghị sử dụng dây phân pha tiết diện lớn	x	
102	Nâng khả năng tải 500 kV Long Thành - 220 kV Long Thành	2	x	19	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
103	Hố Nai - Rẽ Sông Mỹ - Tam Phước	4	x	1	Xây mới	x	
104	Phú Giáo - Rẽ Bình Dương 1 - Uyên Hưng	4	x	2	Xây mới	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
105	Nâng khả năng tải Long An - Bến Lức	2	x	14	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
106	Gò Công - Cần Đước	2	x	27	Xây mới	x	
107	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Long An (mạch 2)	2	x	20	Xây mới, đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Lâm - 500 kV Long An	x	
108	Đức Hòa 2 - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Đức Hòa 1	4	x	10	Xây mới	x	
109	Bến Lức 2 (Đức Hòa 3) đầu nối chuyển tiếp trên các ĐD 220 kV Đức Hoà 500 kV - Phú Lâm và ĐD 220 kV Đức Hoà 500 kV - Bến Lức.	4	x	6	Xây mới, thay thế ĐD 220 kV Đức Hòa 3 đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Rẽ Phú Lâm - Long An trong Quy hoạch điện VIII	x	
110	Treo dây mạch 3,4 ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Đức Hòa 1	2	x	25	Xem xét chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Tây Bắc Củ Chi	x	
111	500 kV Long An - Rẽ Cần Đước - Phú Mỹ	4	x	1	Xây mới	x	
112	Nâng khả năng tải Bến Lức - Phú Lâm	2	x	28	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
113	Tân Lập - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An	4	x	9	Xây mới	x	
114	Kiến Tường - Tân Lập	2	x	40	Xây mới. Trường hợp TBA 220 kV Tân Lập vào chậm, đầu tư trước đường dây 220 kV Kiến Tường - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An (2x50 km)	x	
115	LNG Long An I - 500 kV Long An	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sản phẩm phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái.		x
116	LNG Long An I - Bến Lức	2	x	30	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế SPP 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái		x
117	Tân Phước (Cái Bè) - Rẽ 500 kV Mỹ Tho - Long An	4	x	7	Xây mới	x	
118	Mỹ Tho - Rẽ Mỹ Tho 500 kV - Cần Đước (mạch 2)	2	x	4	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Mỹ Tho chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Mỹ Tho - 500 kV Cần Đước	x	
119	Cần Đước - Rẽ Phú Mỹ 500 kV - Mỹ Tho (mạch 2)	2	x	5	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Cần Đước chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Mỹ - 500 kV Mỹ Tho	x	
120	ĐG Long Mỹ 1 - Rẽ NĐ Cà Mau - Ô Môn (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ ĐG Long Mỹ 1		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
121	Vĩnh Long 3 - Rẽ Vĩnh Long 2 - Trà Vinh	4	x	1	Xây mới	x	
122	Bến Tre - Bình Đại (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
123	Thanh Phú - Rẽ ĐG Hải Phòng - Mỏ Cày (*)	4	x	3	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐG Hải Phòng vào chậm, cần xây dựng trước ĐD mạch kép 220 kV Thanh Phú - Mỏ Cày đồng bộ trạm 220 kV Thanh Phú, ĐG Hải Phòng đấu nối về trạm 220 kV Thanh Phú qua mạch kép 220 kV. Xem xét chọn tiết diện lớn để giải tỏa NLTT		x
124	Mỏ Cày - 500 kV Mỹ Tho (*)	2	x	42	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực	x	
125	An Biên (Vĩnh Thuận) - Rẽ NĐ Cà Mau - Rạch Giá	2	x	17	Xây mới	x	
126	Trà Vinh 3 - 500 kV Duyên Hải	2	x	3	Xây mới, đồng bộ với trạm 220 kV Trà Vinh 3		x
127	ĐG số 19 Bến Tre - Bình Đại (*)	2	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG số 19 Bến Tre, giải tỏa công suất ĐG số 19 Bến Tre, ĐG số 20 Bến Tre. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG số 19 Bến Tre - Bến Tre dài khoảng 50km do khó mở rộng ngăn lộ tại trạm 220 kV Bến Tre. Chiều dài thực tế khoảng 0,03km.		x
128	ĐG Hải Phòng - Mỏ Cày (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ ĐG Hải Phòng, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 15/07/2020		x
129	ĐG Đông Thành 1 - 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	4	Xây mới, đồng bộ ĐG Đông Thành 1, giải tỏa công suất ĐG Đông Thành 1, ĐG Đông Thành 2. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG Đông Thành 1 - Rẽ Đông Hải 1 - 500 kV Duyên Hải để tránh quá tải ĐD 220 kV ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh - 500 kV Duyên Hải.		x
130	ĐG Thăng Long - 220 kV Duyên Hải (*)	1	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG Thăng Long, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
131	500 kV Bến Tre - Rẽ Bình Đại - Bến Tre	4	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bến Tre		x
132	500 kV Bến Tre - Rẽ Thạnh Phú - Mỏ Cày	4	x	10	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bến Tre		x
133	500 kV Thốt Nốt - Lấp Vò	2	x	22	Xây mới	x	
134	Hồng Ngự - Châu Đốc	2	x	40	Xây mới	x	
135	Lấp Vò - Hồng Ngự	2	x	55	Xây mới	x	
136	Sa Đéc - Rẽ Ô Môn - Vĩnh Long (mạch 2)	2	x	1	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long	x	
137	Long Xuyên - Rẽ Châu Đốc - Thốt Nốt (mạch 2)	2	x	1	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Long Xuyên chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Châu Đốc - Thốt Nốt	x	
138	Châu Thành (An Giang) - Rẽ Long Xuyên - Châu Đốc	4	x	2	Xây mới	x	
139	Chợ Mới - Châu Thành (An Giang)	2	x	9	Xây mới	x	
140	Cải tạo ĐD 220 kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	2	x	75	Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch, nâng khả năng tải	x	
141	Trần Đề - 500 kV Long Phú	2	x	24	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
142	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	20	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Long Phú - Sóc Trăng	x	
143	ĐG Sóc Trăng 4 - Vĩnh Châu (*)	2	x	5	Xây mới, đồng bộ ĐG Sóc Trăng 4, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020		x
144	ĐG Phú Cường 1A, 1B - Vĩnh Châu (*)	2	x	22	Xây mới, đồng bộ ĐG Phú Cường 1A, 1B; phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020		x
145	ĐG Bạc Liêu GĐ3 - Bạc Liêu (*)	2	x	18	Xây mới, đồng bộ ĐG Bạc Liêu GĐ3, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại QĐ số 209/QĐ-TTg ngày 09/02/2018		x
146	Đường dây 220 kV mạch kép đấu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD 220 kV NĐ Cà Mau - Sóc Trăng	2	x	5	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực; chuẩn xác tên công trình được duyệt trong Văn bản số 441/TTg-CN ngày 16/4/2020 “ĐD 220 kV mạch kép đấu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD NĐ Cà Mau - Bạc Liêu”	x	
147	Hòa Bình - Rẽ Giá Rai - Bạc Liêu	2	x	13	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu)	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
					chuyển tiếp ĐD 220 kV Giá Rai - Bạc Liêu, giải tỏa nguồn điện khu vực		
148	Hòa Bình đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV đầu nối ĐG Hòa Bình 5	4	x	5	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu), giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
149	Bạc Liêu 3 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	30	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
150	500 kV Bạc Liêu - Rẽ Giá Rai - Hòa Bình	4	x	6	Xây mới, đồng bộ trạm 500 kV Bạc Liêu		x
151	500 kV Bạc Liêu - Hòa Bình	2	x	18	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
152	Cà Mau - Năm Căn	2	x	58	Xây mới	x	
153	Cà Mau 3 - Rẽ Cà Mau - Năm Căn	2	x	26	Xây mới, đồng bộ trạm 220 kV Cà Mau 3		x
154	Cụm ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau (*)	2	x	52	Xây mới, đồng bộ Cụm ĐG Cà Mau 1		x
155	500 kV Cà Mau - Rẽ Năm Căn - Cà Mau	4	x	8	Xây mới		x
156	500 kV Cà Mau - Rẽ ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	4	x	8	Xây mới		x
157	NB 1 - Vũng Tàu (*)	2	x	3	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế		x
158	NB 2 – Bến Tre 500kV (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế		x
159	NB 3 - 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế		x
160	Đầu nối TBA 220kV Phú Quốc	2	x	19	Xây mới ĐD 220kV từ TBA 220kV Phú Quốc đầu nối vào ĐD 220kV Kiên Bình - Phúc Quốc hiện hữu, đồng bộ với TBA 220kV Phú Quốc	x	
161	Ước tính khối lượng đầu nối các nguồn NLTT			500	Xây mới, giải tỏa NLTT	x	x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
162	Dự phòng phát sinh ĐZ 220 kV cải tạo và xây mới			450	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035						
1	Hồng Liêm - 500 kV Hồng Phong (*)	2	x	6	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
2	Đà Lạt - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	30	Xây mới	x	
3	Nâng khả năng tải Di Linh - Bảo Lộc	2	x	34	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
4	220 kV Ninh Thuận 1- 500 kV Ninh Thuận 1 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
5	220 kV Ninh Thuận 2 - 500 kV Ninh Thuận 1 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
6	220 kV Ninh Thuận 3 - 500 kV Ninh Thuận 2 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
7	Tân Châu 1 - Tân Biên (*)	2	x	16	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
8	Bến Cầu - 500 kV Tây Ninh 1	2	x	12	Xây mới	x	
9	Hớn Quản - Rẽ Bình Long - Chơn Thành	2	x	4	Xây mới	x	
10	220 kV Bình Phước 1 - 500 kV Lộc Ninh (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
11	220 kV Bình Phước 2 - 500 kV Lộc Ninh (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT		x
12	TP Phú Mỹ - Rẽ Phú Mỹ - Bà Rịa	4	x	2	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
13	TP Phú Mỹ - Bắc Châu Đức 500 kV	2	x	30	Xây mới	x	
14	Long Điền 500 kV - Vũng Tàu 2	2	x	13	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long Điền	x	
15	Long Điền 500 kV - Rẽ TP Phú Mỹ - Vũng Tàu	2	x	10	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long Điền	x	
16	Long Điền 500 kV - Phước Thuận (Đất Đỏ)	2	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long Điền	x	
17	Vũng Tàu 2 - Vũng Tàu	2	x	9	Xây mới	x	
18	Nâng khả năng tải TĐ Trĩ An - Sông Mây 500 kV	1	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo giải tỏa nguồn điện khu vực	x	
19	Bình Chánh 2 - Rẽ Đức Hòa - Phú Lâm	4	x	2	Xây mới, kiến nghị thiết kế sơ đồ linh hoạt cho TBA 220 kV Bình Chánh 2	x	
20	500 kV Đa Phước - Bình Chánh 2	2	x	10	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Đa Phước. TBA 220 kV Bình Chánh 2 thiết kế sơ đồ linh hoạt	x	
21	500 kV Đa Phước - Bình Chánh	2	x	9	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Đa Phước, xem xét chuyển đấu nối TBA 220 kV Quận 8 về TBA 500 kV Phú Lâm.	x	
22	500 kV Đa Phước - Đầm Sen	2	x	22	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Đa Phước; xem xét vận hành	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
					tách thanh cái trạm 220 kV Bà Quẹo để hạn chế dòng ngắn mạch		
23	LNG Hiệp Phước giai đoạn 2 - Bình Chánh	2	x	13	Đồng bộ NMD LNG Hiệp Phước giai đoạn II		x
24	Hóc Môn 2 - Rẽ Cầu Bông - Bình Chánh 1	4	x	1	Xây mới	x	
25	500 kV TP Thủ Đức - Rẽ Công nghệ cao - Quận 9	4	x	5	Xây mới	x	
26	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Cát Lái - Thủ Đức	2	x	13	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ với TBA 500 kV TP Thủ Đức	x	
27	500 kV TP Thủ Đức - Cát Lái chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Thủ Đức (tách liên kết Cát Lái - Thủ Đức)	2	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV TP Thủ Đức, chuyển đầu nối để hạn chế dòng ngắn mạch; lựa chọn tiết diện có khả năng tải phù hợp với ĐD 220 kV Cát Lái - Thủ Đức (sau cải tạo)	x	
28	500 kV Bình Dương 2 đầu nối chuyển tiếp Bến Cát - Bến Cát 2 và Chơn Thành - Bến Cát 2	4	x	12	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Dương 2	x	
29	500 kV Bình Dương 2 - Rẽ Bến Cát - Tân Định 2	4	x	16	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Dương 2	x	
30	Bến Cát 3 - Rẽ Bến Cát 2 - Bình Dương 2 500 kV	4	x	4	Xây mới	x	
31	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Uyên Hưng - Tân Định 500 kV	2	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải	x	
32	Bàu Bàng đầu nối chuyển tiếp Chơn Thành - Bến Cát và Chơn Thành - 500 kV Bình Dương 2	4	x	1	Xây mới, trường hợp TBA 500 kV Bình Dương 2 vào chậm sau trạm 220 kV Bàu Bàng thì tên công trình đầu nối là "Bàu Bàng - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát và Chơn Thành - Bến Cát 2"	x	
33	KCN Long Thành 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	1	Xây mới	x	
34	Cần Giuộc - Rẽ 500 kV Long An - Nam Hiệp Phước	4	x	3	Xây mới	x	
35	500 kV Long An 2 - Rẽ Long An - Tân Phước	4	x	10	Xây mới	x	
36	500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long - Sa Đéc	4	x	15	Xây mới	x	
37	500 kV Tiền Giang - Rẽ Cai Lậy - Cao Lãnh	4	x	4	Xây mới	x	
38	500 kV Bến Tre - Ba Tri	2	x	16	Xây mới, giải tỏa NLTT		x
39	500 kV Đồng Tháp - Rẽ Hồng Ngự - Lấp Vò	4	x	12	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đồng Tháp	x	
40	500 kV An Giang - Rẽ Kiên Bình - Rạch Giá	2	x	26	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV An Giang	x	
41	500 kV An Giang - Châu Thành (An Giang)	4	x	28	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV An Giang	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
42	500 kV An Giang - Rẽ Châu Đốc - Kiên Bình	4	x	40	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV An Giang	x	
43	Vị Thanh - Rẽ Ô Môn - NĐ Cà Mau	4	x	12	Xây mới	x	
44	Vĩnh Quang - Rẽ Rạch Giá - Kiên Bình	2	x	1	Xây mới	x	
45	Bạc Liêu 4 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
46	Sóc Trăng - 500 kV Long Phú	2	x	35	Xây mới, giải tỏa NLTT	x	
47	Nâng khả năng tải Sóc Trăng - Châu Thành (Hậu Giang)	2	x	50	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa NLTT	x	
48	Nâng khả năng tải Bạc Liêu - Sóc Trăng	2	x	42	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa NLTT	x	
49	Cà Mau 4 - Rẽ ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	2	x	7	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
50	Ước tính khối lượng đấu nối các nguồn NLTT			500	Xây mới, giải tỏa NLTT	x	x
51	Dự phòng phát sinh ĐZ 220 kV cải tạo và xây mới			500	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	x	x

Ghi chú:

1. Đối với trạm biến áp

- Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình chuẩn bị dự án của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp nâng sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

(*) Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình chuẩn bị dự án, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

2. Đối với đường dây

- Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

(*) Tiến độ, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình chuẩn bị dự án, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

3. Đối với đấu nối nguồn năng lượng tái tạo

Phương án đấu nối chi tiết của các dự án năng lượng tái tạo cần được xem xét kỹ lưỡng trong quá trình triển khai, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế (nếu cần), đảm bảo hiệu quả kinh tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành.

PHỤ LỤC IV
CHƯƠNG TRÌNH CẤP ĐIỆN NÔNG THÔN MIỀN NÚI, HẢI ĐẢO

*(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT
ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương)*

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
	Tổng (I+II+III)	29.779	911.400	14.647	3.097	2.478	14.473	14.334,2	24.399,5	
I	Cấp điện nông thôn, miền núi	22.756	906.600	14.640	3.093	2.478	14.454	14.190	24.391	
1	Lai Châu	491	11.124	341	59		80	212	209	
2	Điện Biên	623	12.832	109	15		45	116	102	
3	Hà Giang	1.241	29.587	499	98		207	423	618	
4	Sơn La	545,9	12.146	442	118		142	154	466	
5	Cao Bằng	283	8.087	257	67		181	536	719	
6	Lào Cai	978	26.878	144	55		131	301	442	
7	Yên Bái	522	13.218	189	52		197	433	483	
8	Bắc Kạn	341	8.828	139	48		73	251	235	
9	Lạng Sơn	597	18.088	166	45		62	209	453	
10	Tuyên Quang	215	6.156	534	111		176	276	906	
11	Thái Nguyên	204	6.809	94	41		87	52	101	
12	Phú Thọ	81	2.477	71	26		45	29	49	
13	Bắc Giang	741	29.634	708	157		697	352	1.117	
14	Hòa Bình	164	5.470	114	42		57	50	224	

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
15	Thanh Hóa	523	17.428	55	14		55	154	110	
16	Nghệ An	640	18.581	154	48		136	439	253	
17	Hà Tĩnh	379	12.645	274	112		190	140	730	
18	Quảng Bình	182	6.272	271	60		96	187	300	
19	Quảng Trị	39	508	34	8		64	9	43	
20	Thành phố Huế	449	22.453	561	89		121	74	648	
21	Quảng Nam	579	19.219	118	35		111	135	152	
22	Quảng Ngãi	621	30.475	241	20		31	87	37	
23	Bình Định	352	15.208	323	54		82	86	460	
24	Phú Yên	286	14.315	327	61		109	68	331	
25	Hải Phòng	30,4					-			
26	Gia Lai	971	35.998	848	166		564	355	1.277	
27	Kon Tum	384	12.157	203	33		87	106	158	
28	Đắk Lắk	752	26.825	824	129		422	492	1.359	
29	Đắk Nông	581	24.185	374	47		140	200	415	
30	Lâm Đồng	560	20.096	446	66		164	251	494	
31	Bình Thuận	734	33.383	654	95		1.015	1.018	1.321	
32	Bình Phước	490	27.201	519	79		449	397	855	
33	Tây Ninh	131	7.254	134	48		145	160	236	
34	Bến Tre	340	22.694	352	102		172	134	299	
35	Trà Vinh	311	20.393	321	84	3	321	190	514	
36	An Giang	503	26.252	361	113	374	873	342	869	

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
37	Kiên Giang	1.195	36.547	538	83	255	1.841	1.547	1.289	
38	Cần Thơ	446	29.719	164	17		61	79	137	
39	Sóc Trăng	425	25.375	452	82		318	505	1.293	
40	Bạc Liêu	981	42.066	295	46	406	1.008	797	769	
41	Long An	484	21.571	272	110	486	750	786	435	
42	Tiền Giang	228	14.234	275	85	175	536	327	617	
43	Vĩnh Long	193	14.516	369	73	11	253	143	296	
44	Đồng Tháp	741	44.970	414	89	415	994	673	1.168	
45	Hậu Giang	412	14.280	256	44	313	427	407	302	
46	Cà Mau	787	58.427	404	67	40	739	507	1.101	
II	Cấp điện hải đảo	6.925	4.800	7	4	-	19	144	9	
1	Đảo Côn Cỏ-Quảng Trị	627	180	1	1					
	Cáp ngầm 22 kV trên cạn							2		
	Cáp ngầm xuyên biển 22 kV							26		
	ĐZ 22 kV trên đảo						3	5	6	
2	Cấp điện bằng năng lượng tái tạo tỉnh Kiên Giang	50								Đảo Thổ Châu
3	Cấp điện Đảo An Sơn - Nam Du, Kiên Giang	1.433	2.112	5	2					
	Cáp ngầm xuyên biển 22 kV							39		
	ĐZ trung thế 22 kV						18	7	9	
4	Cấp điện Côn Đảo, Bà Rịa Vũng Tàu	4.800	2.500	1	1					

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
	ĐZ 110 kV cáp ngầm xuyên biển							78		
	ĐZ 110 kV cáp ngầm trên cạn							15		
	ĐZ110 kV trên không							5		
	Trạm biến áp 110 kV						1			
	ĐZ trung thế đấu nối 22 kV							1		
III	Dự phòng	97								